

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 06 năm 2010, thay đổi lần thứ 30 ngày 11 tháng 05 năm 2021)



CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 203/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 09 năm 2021)

BẢN CÁO BẠCH VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương

Địa chỉ: 162B Điện Biên Phủ, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 3547 2357

Fax: 028 3848 6552

Email: info@dongduongcorp.com.vn

Website: dongduongcorp.com.vn

2. Công ty Cổ phần Chứng Khoán Phú Hưng

Địa chỉ: Tầng 3, CR3-03A, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 5413 5479

Fax: 028 5413 5472

Email: info@phs.vn

Website: www.phs.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ tên : Trần Kim Cương

Chức vụ : Phó Tổng giám đốc

Số điện thoại : 028 38107899

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG



(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 06 năm 2010, thay đổi lần thứ 29 ngày 23 tháng 03 năm 2021)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 28.519.943 cổ phiếu

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 285.199.430.000 đồng *(Hai trăm tám mươi lăm tỷ, một trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng)*

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán phía Nam

Địa chỉ trụ sở chính: Số 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 02838 205944/47

Fax: 02838205942

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Phú Hưng

Địa chỉ: Tầng 3, CR3-03A, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 5413 5479

Fax: 028 5413 5472

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	8
1. Tổ chức phát hành.....	8
2. Tổ chức tư vấn	8
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	9
1.1. Rủi ro về kinh tế	9
1.2. Rủi ro về luật pháp.....	13
1.3. Rủi ro đặc thù.....	13
1.4. Rủi ro về đợt chào bán.....	15
1.5. Rủi ro pha loãng.....	16
1.6. Rủi ro quản trị công ty	17
1.7. Rủi ro khác.....	17
III. CÁC KHÁI NIỆM	18
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	19
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành.....	19
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành.....	21
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành.	24
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành	25
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Công ty, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty, những công ty mà Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối: <i>Không có</i>	31
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	32
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác: <i>Không có</i>	34
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành tại ngày 24/02/2021	34
8.1 <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	34
8.2 <i>Cổ phiếu ưu đãi: Không có</i>	34
8.3 <i>Các loại chứng khoán khác: Không có</i>	34
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	34
10. Hoạt động kinh doanh.....	35
10.1 <i>Đặc điểm hoạt động kinh doanh</i>	35
10.2 <i>Tài sản</i>	48
10.3 <i>Thị trường hoạt động</i>	54
10.4 <i>Báo cáo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty</i>	56
10.5 <i>Các hợp đồng lớn</i>	57
10.6 <i>Các khách hàng, nhà cung cấp lớn</i>	58
10.7 <i>Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành</i>	59
10.8 <i>Hoạt động Marketing</i>	62

10.9	Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế.....	63
10.10	Chính sách nghiên cứu và phát triển.....	64
10.11	Chiến lược kinh doanh.....	64
11.	Chính sách đối với người lao động.....	65
12.	Chính sách cổ tức.....	67
13.	Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	68
14.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty.....	69
15.	Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán: <i>Không có</i> .	69
16.	Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích: <i>Không có</i>	69
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH..... 70		
1.	Kết quả hoạt động kinh doanh.....	70
1.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty.....	70
1.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.....	70
2.	Tình hình tài chính.....	71
2.1	Các chỉ tiêu cơ bản.....	71
2.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	77
3.	Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành.....	78
4.	Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	78
4.1	Kế hoạch sản xuất kinh doanh.....	78
4.2	Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên.....	79
4.3	Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	80
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG 81		
1.	Thông tin về cổ đông sáng lập.....	81
2.	Thông tin về cổ đông lớn.....	81
3.	Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.....	84
3.1	Hội đồng quản trị.....	84
Cơ cấu HĐQT ở thời điểm hiện tại như sau:..... 84		
3.2	Ban Kiểm soát.....	88
3.3	Ban Tổng Giám đốc.....	91
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN..... 94		
1.	Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.....	94
2.	Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.....	94

3.	Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 28.519.943 cổ phiếu tương đương 100% tổng số cổ phần đã phát hành	94
4.	Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá: 285.199.430.000 đồng (<i>Bằng chữ: Hai trăm tám mươi lăm tỷ, một trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng</i>)	94
5.	Giá chào bán dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu	94
6.	Phương pháp tính giá:	94
7.	Phương thức phân phối	94
8.	Đăng ký mua cổ phiếu.....	95
9.	Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu	96
10.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu	97
11.	Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	97
12.	Hủy bỏ đợt chào bán.....	97
13.	Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài.....	97
14.	Các loại thuế có liên quan.....	97
	14.1 Đối với Công ty.....	97
	14.2 Đối với nhà đầu tư.....	98
15.	Thông tin về các cam kết.....	98
16.	Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt: <i>Không có</i>	99
VIII.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	100
IX.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	101
X.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	108
XI.	NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG), TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	109
XII.	PHỤ LỤC.....	110

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty	32
Bảng 2: Cơ cấu cổ phiếu phổ thông	34
Bảng 3: Cơ cấu doanh thu (ĐVT: nghìn đồng).....	43
Bảng 4: Cơ cấu lợi nhuận gộp (ĐVT: nghìn đồng).....	44
Bảng 5: Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào	47
Bảng 6: Tài sản cố định hữu hình của Công ty (ĐVT: nghìn đồng).....	48
Bảng 7: Tài sản cố định thuê tài chính (ĐVT: nghìn đồng) (*).....	48
Bảng 8: Xây dựng cơ bản dở dang (ĐVT: đồng).....	49
Bảng 9: Tình hình tài sản của Công ty	49
Bảng 10: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty (ĐVT: đồng).....	56
Bảng 11: Danh sách một số hợp đồng tiêu biểu đã và đang thực hiện	57
Bảng 12: Danh sách một số nhà cung cấp lớn	58
Bảng 13: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 30/06/2021	65
Bảng 15: Tình hình vốn điều lệ năm 2019 – 2020 (ĐVT: đồng).....	71
Bảng 16: Nguồn vốn kinh doanh năm 2019 – 2020 (ĐVT: đồng).....	72
Bảng 17: Tình hình vốn chủ sở hữu năm 2019 – 2020 (ĐVT: đồng).....	72
Bảng 18: Thời gian khấu hao của các loại tài sản	72
Bảng 19: Các khoản phải thu (ĐVT: đồng).....	73
Bảng 20: Các khoản phải trả (ĐVT: đồng).....	73
Bảng 21: Các khoản phải nộp nhà nước (ĐVT: đồng).....	74
Bảng 22: Vay và nợ thuê tài chính của Công ty (ĐVT: đồng).....	75
Bảng 23: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 (ĐVT: đồng).....	78
Bảng 24: Một số hợp đồng dự kiến thực hiện trong năm 2021 (ĐVT: nghìn đồng).....	79
Bảng 25: Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn	82
Bảng 26: Thông tin về tài sản và công trình đầu tư (ĐVT: đồng).....	102
Bảng 27: Tiến độ thực hiện hợp đồng mua máy móc thiết bị (ĐVT: đồng).....	103
Bảng 28: Dự kiến một số khoản mục bổ sung vốn lưu động (ĐVT: đồng).....	107

DANH MỤC HÌNH

<i>Hình 1: Tăng trưởng GDP giai đoạn 2010-2020 (%)</i>	9
<i>Hình 2: Tốc độ tăng CPI bình quân năm 2020 (%)</i>	11
<i>Hình 3: Cơ cấu tổ chức</i>	24
<i>Hình 4: Cơ cấu bộ máy quản lý</i>	25
<i>Hình 5: Hình ảnh hệ thống hơi cung cấp cho công ty Bia Heineken Việt Nam (Heineken Tiền Giang)</i>	35
<i>Hình 6: Một số hình ảnh buồng đốt và lò dầu tải nhiệt</i>	36
<i>Hình 7: Hình ảnh một số dự án cung cấp nhiệt</i>	36
<i>Hình 8: Một số hình ảnh ví dụ về nhiên liệu từ phế phẩm</i>	37
<i>Hình 9: Một số hình ảnh về nhiên liệu Biomass</i>	38
<i>Hình 10: Mô hình lò hơi tầng sôi</i>	40
<i>Hình 11: Mô hình cấp nhiệt Biomass</i>	41
<i>Hình 12: Sơ đồ quản lý chất lượng</i>	43
<i>Hình 13: Cơ cấu doanh thu thuần (ĐVT: tỷ đồng)</i>	44
<i>Hình 14: Cơ cấu lợi nhuận gộp (ĐVT: tỷ đồng)</i>	45
<i>Hình 15: Doanh thu, lợi nhuận hoạt động thương mại theo thị trường năm 2020</i>	54
<i>Hình 16: Doanh thu, lợi nhuận hoạt động sản xuất theo thị trường năm 2020</i>	55
<i>Hình 17: Tình hình sử dụng năng lượng ở Việt Nam giai đoạn 2010 - 2030</i>	60
<i>Hình 18: Tổng năng lượng sinh khối sử dụng</i>	60

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông: Nguyễn Thanh Quang

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà: Trần Kim Sa

Chức vụ: Tổng giám đốc

Ông: Võ An Thịnh

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Ông: Chen Chia Ken

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1.1. Rủi ro về kinh tế

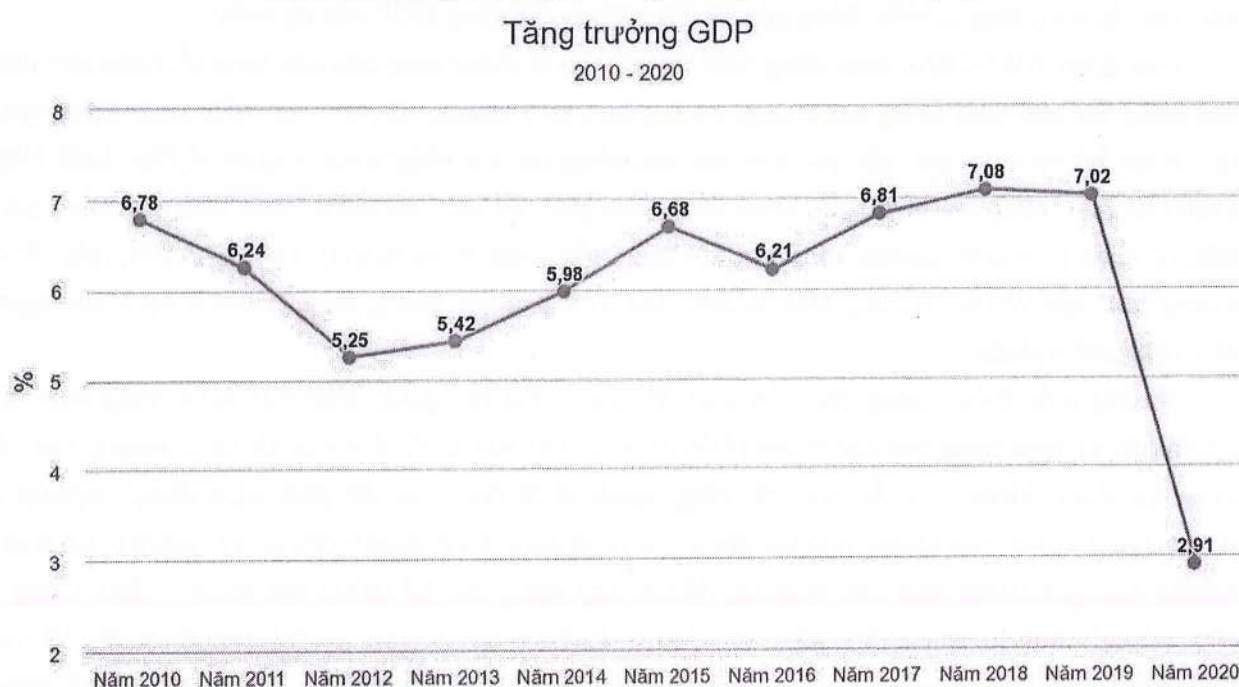
Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng. Rủi ro về kinh tế là một rủi ro hệ thống, được tạo ra bởi sự thay đổi của các yếu tố vĩ mô như: tỷ lệ lạm phát, tỷ lệ tăng trưởng, lãi suất, và các yếu tố tăng trưởng ngành. Nắm bắt được những rủi ro này giúp Công ty có thể dự báo được mức độ tác động, giảm thiểu những rủi ro xấu và tận dụng được những rủi ro tốt trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ Rủi ro tăng trưởng kinh tế

Công ty Đông Dương là một doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực đầu tư xây dựng các hệ thống cung cấp năng lượng phân tán (hoi nhiệt - điện), các Nhà máy sản xuất điện từ năng lượng mới, nhà máy xử lý chất thải rắn phát điện, các nhà máy sản xuất có sử dụng hơi nhiệt - điện. Với đặc điểm ngành nghề hoạt động luôn gắn với các doanh nghiệp khác nên luôn có dòng tiền qua lại với các doanh nghiệp, trong đó chủ yếu là công nợ phải thu qua quá trình làm dịch vụ, nên các yếu tố môi trường kinh tế vĩ mô, đặc biệt là các chỉ số về lạm phát và lãi suất có những ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ tới tính hiệu quả kinh tế và quá trình phát triển của Công ty.

Năm 2020, GDP Việt Nam tăng 2,91%, tuy là mức tăng thấp nhất trong thập kỷ gần đây nhưng trong bối cảnh dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, cơ quan thống kê đánh giá là thành công lớn, thuộc nhóm tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới.

Hình 1: Tăng trưởng GDP giai đoạn 2010-2020 (%)



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Theo Tổng cục Thống kê, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,68%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,98%, còn khu vực dịch vụ tăng 2,34%. Trong khu vực công nghiệp và

xây dựng, ngành công nghiệp tăng 3,36%. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo vẫn đóng vai trò dẫn dắt tăng trưởng của nền kinh tế với mức tăng 5,82%; sản xuất và phân phối điện tăng 3,92%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,51%. Ngành xây dựng có phần tích cực hơn với mức tăng 6,76%, cao hơn tốc độ tăng của các năm 2011, 2012 và năm 2013 trong giai đoạn 10 năm gần nhất. Khu vực dịch vụ trong năm 2020 đạt mức tăng thấp nhất thập kỷ, do dịch COVID-19 diễn biến phức tạp. Tuy nhiên, do dịch được kiểm soát tốt trong nước nên hoạt động thương mại và dịch vụ tiêu dùng vẫn đạt mức tăng cao trong những tháng cuối năm, hoạt động vận tải trong nước đang dần phục hồi nhưng vận tải ngoài nước và du lịch còn gặp nhiều khó khăn.

Xuất nhập khẩu được đánh giá là điểm sáng, với tổng kim ngạch năm nay ước tính đạt 543,9 tỷ USD, tăng 5,1% so với năm trước, trong đó xuất khẩu hàng hóa đạt 281,5 tỷ USD, tăng 6,5%, còn nhập khẩu 262,4 tỷ USD, tăng 3,6%. Cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 19,1 tỉ USD, mức cao nhất trong 5 năm xuất siêu kể từ năm 2016.

Năng suất lao động của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành ước đạt 117,9 triệu đồng mỗi lao động, tương đương 5.081 USD và tăng 290 USD so với năm 2019.

Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê cho hay, việc khống chế thành công dịch bệnh và lấy lại đà tăng trưởng kinh tế cho thấy tính đúng đắn trong chỉ đạo, điều hành khôi phục kinh tế, phòng chống dịch bệnh và sự quyết tâm, đồng lòng của toàn bộ hệ thống chính trị, Chính phủ, Thủ tướng, sự nỗ lực, cố gắng của người dân, cộng đồng doanh nghiệp trong thực hiện mục tiêu vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế xã hội.

Trong mức tăng GDP chung toàn nền kinh tế năm 2020, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,68%, đóng góp 13,5%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,98%, đóng góp 53%; khu vực dịch vụ tăng 2,34%, đóng góp 33,5% vào tốc độ tăng GDP của cả nước.

Giai đoạn 2015-2020, hoạt động xuất nhập khẩu là điểm sáng của nền kinh tế. Điều này phản ánh năng lực sản xuất trong nước tăng trưởng cao, môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh được tạo thuận lợi và phản ánh kết quả tích cực của công tác hội nhập kinh tế quốc tế. Cục Xuất Nhập khẩu cho biết, công tác xuất nhập khẩu trong thời gian tới cần chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý ngoại thương, phù hợp với thực tiễn quản lý và tuân thủ các cam kết quốc tế; có những kiến tạo về môi trường kinh doanh, đầu tư thuận lợi, thông thoáng, minh bạch cho người dân và doanh nghiệp.

Những diễn biến chung của nền kinh tế, cũng như là ngành, lĩnh vực hoạt động luôn ảnh hưởng tới sự phát triển của các thành phần kinh tế, khi nền kinh tế ở chu kỳ tăng trưởng, các yếu tố vĩ mô được kiểm soát tốt, sức cầu tăng mạnh sẽ là động lực để phát triển doanh nghiệp và ngược lại sẽ là lực cản không nhỏ tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Là doanh nghiệp chủ yếu trong lĩnh vực thiết kế, đầu tư xây dựng các hệ thống hơi nhiệt – điện, Công ty cũng sẽ chịu ảnh hưởng không nhỏ từ việc nền kinh tế trong nước và thế giới thay đổi. Vì vậy, Ban lãnh đạo Công ty luôn cố gắng nghiên cứu, cập nhật tình hình kinh tế - xã hội vĩ mô, nhằm xây dựng và hoạch định chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty, trên cơ sở hạn chế tối đa các tác động tiêu cực, đồng thời có thể tận dụng tối ưu các cơ hội thuận lợi có được từ sự phát triển kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển của Nhà nước, nhằm đảm bảo tốc độ tăng

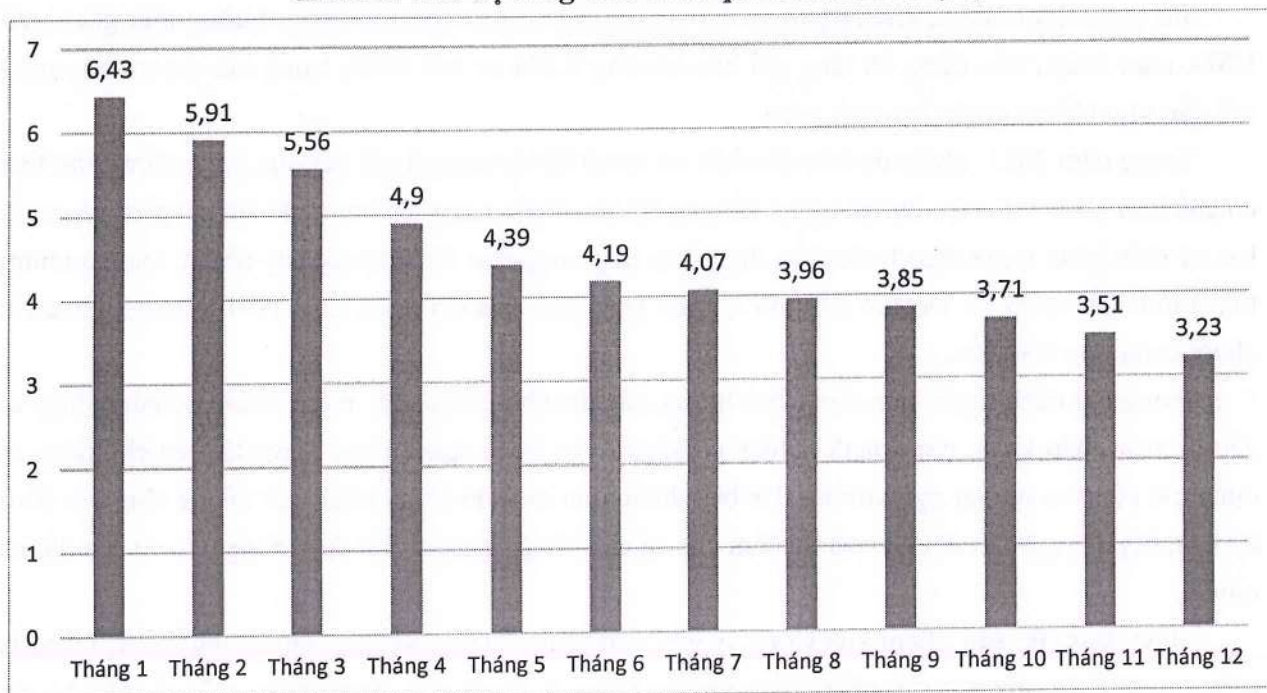
trường doanh thu và lợi nhuận.

❖ **Rủi ro lạm phát, tỷ giá và lãi suất**

Là một thành phần kinh tế và có mảng hoạt động liên quan tới thương mại, rủi ro về lạm phát và chỉ số giá tiêu dùng sẽ ảnh hưởng lớn tới việc xác định chính sách giá cả và đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty. Cùng với đó, đặc điểm lĩnh vực hoạt động của Công ty là các khoản công nợ thường chiếm tỷ trọng cao trong tài sản và nguồn vốn nên rủi ro về lãi suất cũng ảnh hưởng trực tiếp tới chính sách công nợ, tính hiệu quả kinh tế trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, hệ thống cung cấp hơi nhiệt là một hệ thống công nghệ cao và rất phức tạp, ngoài những chi tiết có thể nội địa hóa, Công ty cũng cần sử dụng những sản phẩm tinh xảo từ nước ngoài, vì vậy, rủi ro liên quan tới yếu tố nước ngoài như tỷ giá, chỉ số giá xuất nhập khẩu,... cũng phần nào tác động đến giá thành sản phẩm và kết quả hoạt động của Công ty.

Nhìn chung, mặt bằng giá năm 2020 tăng khá cao so với cùng kỳ năm trước, ngay từ tháng 1 đã tăng 6,43%, ảnh hưởng đến công tác quản lý, điều hành giá của năm 2020, dẫn đến việc kiểm soát lạm phát theo mục tiêu dưới 4% do Quốc hội đặt ra gặp nhiều khó khăn, thách thức. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo, điều hành sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự phối hợp của các Bộ, ngành, địa phương, mức tăng của CPI được kiểm soát dần qua từng tháng với xu hướng giảm dần. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với năm trước, đạt mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ CPI bình quân năm 2020 dưới 4% của Quốc Hội đề ra trong bối cảnh một năm với nhiều biến động khó lường. CPI tháng 12/2020 tăng 0,19% so với tháng 12/2019, là mức thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020.

Hình 2: Tốc độ tăng CPI bình quân năm 2020 (%)



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Về lãi suất, theo nhận định của nhiều chuyên gia tài chính – ngân hàng, trong bối cảnh thanh khoản dồi dào nhưng tăng trưởng tín dụng thấp, các ngân hàng đang cơ cấu lại biểu lãi suất huy

động theo hướng tiếp tục giảm lãi suất với mức giảm phổ biến 0,1-0,2%/năm, đồng thời hạn chế huy động những kỳ hạn dài. Đặc biệt, mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm online, loại hình mà trước đây thường được ngân hàng ưu ái lãi cao, cũng giảm mạnh. Có ngân hàng huy động ở mức 5,2%/năm áp dụng cho kỳ 12 tháng. Diễn biến này trái ngược với trước đây, khi các ngân hàng khuyến khích người dân gửi dài hạn để ổn định nguồn vốn và thiết lập đường cong lãi suất theo hướng kỳ hạn càng dài lãi suất càng cao.

Theo các chuyên gia kinh tế, hiện nay thanh khoản của các ngân hàng khá dồi dào. Đặc biệt là thời gian qua, nhiều ngân hàng tập trung huy động vốn dài hạn nhằm đáp ứng quy định về tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn của Ngân hàng Nhà nước, nên nhu cầu vốn dài hạn đến nay có phần giảm bớt, lãi suất cũng vì thế mà có xu hướng giảm nhẹ hoặc đi ngang. Trong khi đó, nhu cầu khách hàng gửi tiết kiệm online ngày càng tăng không chỉ nhờ mức lãi suất đang được áp dụng cao hơn so lãi suất huy động thông thường tại quầy, mà còn bởi thủ tục khá đơn giản, thao tác giao dịch gửi tiết kiệm online chỉ cần thực hiện trong từ 3 đến 5 phút.

Về xu hướng trong thời gian tới, nhiều chuyên gia và các ngân hàng cho rằng, lãi suất sẽ tiếp tục giảm trong năm 2021.

Do đặc điểm hoạt động kinh doanh với công nợ lớn nên rủi ro lãi suất luôn ảnh hưởng tới tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong ngắn hạn, yếu tố lãi suất chưa thực sự ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất do Ban lãnh đạo Công ty luôn có được sự chủ động và những điều chỉnh kịp thời trong công tác điều hành quản lý. Tuy nhiên, trong dài hạn cùng với sự biến động ngày càng phức tạp là một yếu tố rủi ro tài chính, áp lực tăng lãi suất của hệ thống tín dụng, sẽ tác động không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Về tỷ giá bình quân, không giống như những năm trước khi tiền đồng thường mất giá so với USD, năm 2020, tiền đồng đã tăng giá nhẹ khoảng 0,2% so với USD, trong khi thị trường ngoại hối gần như không có áp lực cuối năm.

Trong năm 2021, nhiều dự báo cho biết có cơ sở để kỳ vọng tỉ giá tiếp tục được điều hành theo cơ chế linh hoạt. Với việc dự trữ ngoại hối cao kỷ lục, Ngân hàng Nhà nước có đủ công cụ và nguồn lực để điều hành tỉ giá theo hướng ổn định, đáp ứng cung-cầu thị trường. Tuy nhiên, vẫn có những thách thức cần quan sát và theo dõi như lộ trình phân phối vắc xin ngừa COVID-19, đà hồi phục của chuỗi cung ứng toàn cầu, ...

Trong bối cảnh tỉ giá biến động khó lường, các doanh nghiệp, đặc biệt với các doanh nghiệp có yếu tố xuất nhập khẩu, các doanh nghiệp có khoản vay nước ngoài bằng ngoại tệ, cần chủ động sử dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro, đặc biệt thông qua các sản phẩm phái sinh tiền tệ như hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi lãi suất để đảm bảo sự chủ động trong hoạch định dòng tiền và cân đối lợi nhuận.

Trên thực tế, sản phẩm của Công ty chủ yếu phục vụ cho khách hàng trong nước, và phần trăm nội địa hóa của các sản phẩm dịch vụ của Công ty là rất cao. Tuy nhiên, một số thiết bị, chi tiết máy mà Công ty phải nhập từ các nước Châu Âu, Nhật Bản, Đài Loan, Trung Quốc sẽ chịu ảnh hưởng từ thay đổi tỷ giá. Bên cạnh đó, định hướng dài hạn của ban lãnh đạo Công ty là có thể

xuất khẩu các sản phẩm nhiên liệu Biomass¹ cho thị trường Nhật, Hàn Quốc và một số nước Châu Âu. Do đó, bất cứ sự thay đổi nào về tỷ giá đều sẽ gây ra những biến động trong sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban lãnh đạo Công ty đã chủ động tìm kiếm các biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa sức ảnh hưởng từ thay đổi tỷ giá như quy định rõ mức tỉ giá cố định trong năm và phương pháp điều chỉnh hợp lý cho từng năm, được quy định cụ thể trong hợp đồng kinh tế.

1.2. Rủi ro về luật pháp

Giống như các doanh nghiệp khác đang hoạt động sản xuất kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam, hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương sẽ phải chịu sự điều chỉnh, tác động và chi phối của hệ thống pháp luật trong nước như: Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư.... Bên cạnh đó, doanh nghiệp đã là công ty đại chúng nên Công ty cũng như là cổ phiếu Công ty còn chịu sự tác động của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Việt Nam hiện vẫn là một nước đang phát triển nên luật và các văn bản luật ở giai đoạn này đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi về chính sách là vấn đề tất yếu và ít nhiều gây ra ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên rủi ro pháp lý là rủi ro thuộc khía cạnh hệ thống, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích ứng phù hợp để phát huy tối đa mặt thuận lợi, hạn chế mặt bất lợi mà mỗi sự thay đổi chính sách gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện nay Công ty đã có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh nên phần nào đã thích nghi với những sự thay đổi về môi trường pháp lý ở Việt Nam.

1.3. Rủi ro đặc thù

Định hướng của Công ty là phát triển hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đầu tư xây dựng các Nhà máy cung cấp hơi nhiệt – điện, đây là một lĩnh vực có những rủi ro đặc thù riêng mà không phải ngành nào cũng có. Một số rủi ro đặc thù được Công ty xác định như: rủi ro từ thị trường cạnh tranh; rủi ro về thiên tai ảnh hưởng tới nguồn cung ứng nguyên liệu và công cụ đầu vào, đầu ra; rủi ro gián đoạn trong quá trình hoạt động của khách hàng.

❖ Rủi ro từ thị trường cạnh tranh

Lĩnh vực đầu tư xây dựng các hệ thống cung cấp hơi nhiệt – điện là một trong những lĩnh vực “kén chọn” công ty hoạt động: với những đặc thù vốn lớn, công nghệ cao, quản lý chuyên nghiệp, đầu tư hệ thống, công nợ luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp...Tuy nhiên, sự cạnh tranh trong lĩnh vực này không phải là không có. Do định hướng của Công ty là xây dựng hệ thống đồng phát: cung cấp hơi nhiệt – điện cho các đơn vị có uy tín, tiềm năng và qui mô lớn cho các cụm công nghiệp nên việc cạnh tranh cũng chỉ giới hạn. Hiện tại chỉ có một số nhà cung cấp hơi nhiệt (khoảng 5-7 đơn vị) (Năng lượng Xanh, Tín Thành, Kim Trường Phúc, Sao Việt, Trấu Việt...) nhưng không có điện. Ngoài ra, hiện có nhiều công ty nhỏ cũng tham gia vào thị trường bán hơi nhiệt, một số công ty hoạt động trong mảng năng lượng sạch, năng lượng tái sinh khi thấy cơ hội cũng tham gia vào lĩnh vực cung cấp hơi nhiệt.

¹Biomass: là nhiên liệu sinh khối. Sinh khối là các phế phẩm từ nông nghiệp (rơm rạ, bã mía, vỏ, xơ bắp v.v.), phế phẩm lâm nghiệp (lá khô, vụn gỗ v.v...), giấy vụn, metan từ các bãi chôn lấp, trạm xử lý nước thải, phân từ các trại chăn nuôi gia súc và gia cầm. Nhiên liệu sinh khối có thể ở dạng rắn, lỏng, khí... được đốt để phóng thích năng lượng.

Hiện tại, Công ty xác định thị trường chính vẫn là các tỉnh phía Nam bao gồm Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố lân cận như Đồng Nai, Bình Dương, Đồng bằng Sông Cửu Long. Việc chưa mở rộng thị trường hoạt động do thị trường còn quá rộng, Công ty chưa đủ nhân lực và chưa tìm được các nguồn vốn phù hợp.

Bên cạnh việc phải cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước, Công ty còn phải cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài. Khi mà các nguồn vốn nước ngoài FDI ngày càng tập trung vào lĩnh vực công nghệ chế tạo và năng lượng sạch, thì việc các doanh nghiệp nước ngoài sẽ thâm nhập vào thị trường đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp hơi nhiệt – điện là điều tất yếu. Họ thường là những công ty lớn với cả trình độ công nghệ cao, tiềm lực tài chính mạnh và nhân lực chất lượng cao. Điều này có thể sẽ tạo ra môi trường cạnh tranh hơn trong lĩnh vực hoạt động của Công ty.

❖ **Rủi ro từ thiên tai**

Những rủi ro này ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động của Công ty, chủ yếu là khâu vận chuyển của các yếu tố đầu vào đầu ra của quá trình hoạt động kinh doanh. Đầu vào của doanh nghiệp thường là những thiết bị máy móc nhập từ nước ngoài hoặc từ các doanh nghiệp sản xuất thiết bị ở trong nước, nhưng thường là từ các tỉnh thành khác. Cùng với đó, việc thiết kế, lắp đặt và xây dựng hệ thống hơi nhiệt đều được thực hiện tại doanh nghiệp đối tác, do đó việc vận chuyển các trang thiết bị, máy móc phục vụ cho công việc này là rất cần thiết và diễn ra thường xuyên. Các yếu tố thiên tai như bão lũ, sạt lở đất,... ảnh hưởng rất lớn tới khâu vận chuyển thiết bị máy móc của Công ty trong quá trình thi công, lắp đặt và xây dựng hệ thống hơi nhiệt – điện. Hiện nay, để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách đa dạng hóa nguồn cung ứng đầu vào nhằm đảm bảo cho hoạt động kinh doanh diễn ra xuyên suốt, xây dựng một đội ngũ dự báo nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của thị trường trong ngắn và trung hạn, giúp doanh nghiệp có những chính sách dự trữ hợp lý, đồng thời, sát sao trong việc theo dõi dự báo thiên tai trong nước và quốc tế, nhằm dự phòng những rủi ro có thể xảy ra, giảm thiểu tối đa những sự cố dẫn tới việc chậm bàn giao cho khách hàng, đảm bảo đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

Mặc dù, Công ty đã và đang thuê những chuyên gia đánh giá về vị trí địa lý khí hậu nhằm đưa ra những dự báo chính xác nhất có thể, giảm thiểu tối đa rủi ro về thiên tai, tuy nhiên, những rủi ro này là khó có thể lường hết, một khi rủi ro xảy ra, nó sẽ ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động kinh doanh của Công ty, thậm chí có thể làm trì trệ hoạt động của Công ty trong thời gian dài, gây thiệt hại nặng nề đối với hiệu quả hoạt động của Doanh nghiệp.

❖ **Rủi ro về công nghệ**

Lĩnh vực thiết kế, lắp đặt, đầu tư xây dựng hệ thống hơi nhiệt – điện là một lĩnh vực sử dụng công nghệ cao, khi mà các sản phẩm của nó đều được kết tinh từ các trang thiết bị máy móc và phương thức hoạt động dựa theo công nghệ hiện đại. Hiện tại, Công ty đang sở hữu độc quyền công nghệ Lò hơi tầng sôi đốt Biomass do chính những đội ngũ kỹ sư của doanh nghiệp chế tạo ra, được đánh giá là một công nghệ tiên tiến bậc nhất trong thị trường lò hơi, nồi hơi của Việt Nam hiện nay. Ngoài ra, Công ty cũng đang chuyển giao các công nghệ khác như: công nghệ sấy cô đặc (dùng trong sấy nông sản, sấy gỗ, sấy các sản phẩm bột công nghiệp,...), công nghệ liên quan tới xử lý môi trường (xử lý rác thải công nghiệp và dân dụng để chuyển hóa thành năng

lượng nhiệt), công nghiệp sản xuất Silica từ tro trấu, sản xuất bột giấy từ rơm rạ, và công nghệ sản xuất phân bón. Những công nghệ này đang rất cần thiết cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Tuy nhiên, trong thời đại công nghệ thay đổi từng giờ như hiện nay các công nghệ mà Công ty đang triển khai áp dụng sẽ nhanh chóng trở nên lạc hậu. Điều này đòi hỏi đội ngũ kỹ sư, nghiên cứu của Công ty cần phải không ngừng sáng tạo, học hỏi, đổi mới và cập nhật những công nghệ hiện đại trên thế giới, nhằm tạo ra được những công nghệ thuần Việt có chất lượng cao, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng, nhưng đồng thời bảo vệ được môi trường sống xung quanh của người dân. Việc định hướng hoạt động theo hướng đồng phát hơi nhiệt - điện cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa: các cụm công nghiệp là hướng đi mới của Công ty, tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Mặc dù đầu tư ban đầu lớn nhưng hiệu quả mang lại lâu dài là cao, tính cạnh tranh của Công ty tăng lên do không có nhiều đơn vị trong nước có thể thực hiện được hệ thống đồng phát hơi nhiệt - điện. Công ty tự thiết kế hệ thống và đặt hàng trong cũng như ngoài nước các thiết bị cần thiết.

❖ **Rủi ro từ việc gián đoạn sản xuất kinh doanh**

Có nhiều nguyên nhân dẫn tới việc gián đoạn sản xuất như: khâu vận chuyển gặp vấn đề trực tiếp, hỏng hóc máy móc trong quá trình vận hành, hay gián đoạn nguồn trang thiết bị đầu vào. Với uy tín của mình đối với khách hàng, Công ty luôn lấy chất lượng và thời gian làm hai tiêu chí quan trọng bậc nhất trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Nếu việc gián đoạn diễn ra, Công ty bị ảnh hưởng rất lớn tới uy tín đang tạo dựng trên thị trường, cùng với đó là những rắc rối nghiêm trọng đối với những hợp đồng, đơn hàng tiếp theo, khi không thể xử lý kịp thời, gây thiệt hại cho cả khách hàng và doanh nghiệp, thậm chí có nguy cơ mất bạn hàng. Chính vì thế, nhằm đối phó với rủi ro trên, Công ty luôn chủ động tìm các nguồn cung ứng khác nhau, tìm kiếm các đối tác chuyên logistics và vận chuyển trên các địa bàn hoạt động của Công ty, xây dựng một đội ngũ chuyên viên kỹ thuật có kinh nghiệm, kiến thức và năng động, luôn sẵn sàng đến từng cơ sở của khách hàng để giúp họ xử lý sự cố nhanh nhất có thể, giảm thiểu thiệt hại, đồng thời, tiến hành bảo dưỡng định kỳ trang thiết bị máy móc và các công cụ sản xuất cho khách hàng cũng như là thẩm định chất lượng hàng tồn kho của doanh nghiệp, nhằm đảm bảo quá trình sản xuất diễn ra một cách liên tục và đồng bộ, đáp ứng tốt nhất yêu cầu của các đơn hàng.

1.4. Rủi ro về đợt chào bán

❖ **Rủi ro của đợt chào bán**

Trong đợt chào bán này không được bảo lãnh phát hành của đơn vị tư vấn nên có thể xảy ra rủi ro cổ phiếu chào bán không được mua hết hoặc không đạt được tỷ lệ chào bán thành công là 70%. Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đã đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ theo đúng dự kiến để thực hiện bổ sung nguồn vốn cho các hoạt động của Công ty, tùy theo tình hình thực tế, Đại hội đồng cổ đông sẽ ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện phân phối số cổ phiếu lẻ và cổ phiếu còn lại cho cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Hiện tại, thị giá giao dịch cổ phiếu DDG trên thị trường đang cao hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu, cùng với triển vọng tăng trưởng của Công ty là cơ sở đảm bảo khả năng phát hành hành công của đợt chào bán.

❖ **Rủi ro của việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán**

Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng chủ yếu để đầu tư vào xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị và mua sở hữu Công ty TNHH CL góp phần gia tăng năng lực sản xuất và lợi thế cạnh tranh của Công ty. Nhìn chung kế hoạch sử dụng vốn của Công ty từ đợt chào bán hoàn toàn phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn và các hợp đồng đã ký kết với các đối tác. Với năng lực và uy tín của mình cũng như thị trường còn nhiều dư địa tăng trưởng, Công ty tin tưởng sẽ sử dụng hiệu quả số tiền thu được từ đợt phát hành.

1.5. Rủi ro pha loãng

Sau khi phát hành thêm cổ phiếu, tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty sẽ tăng 2 lần so với hiện tại. Điều này sẽ dẫn tới rủi ro pha loãng cổ phiếu, cụ thể là giá cổ phiếu và thu nhập trên mỗi cổ phần sẽ giảm sút. Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng này là do số lượng cổ phiếu tăng lên trong khi doanh thu, lợi nhuận của Công ty có thể chưa tăng tương ứng. Tỷ suất lợi nhuận sau khi phát hành cổ phiếu nhiều khả năng sụt giảm so với trước khi phát hành. Nhà đầu tư cần lưu ý đến rủi ro này, cụ thể như sau:

❖ **Rủi ro pha loãng cổ phiếu Công ty sau khi chào bán**

Giá giao dịch của cổ phiếu DDG sẽ được điều chỉnh kỹ thuật giảm theo tỷ lệ phát hành và giá phát hành tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm. Tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá tham chiếu của cổ phiếu DDG sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$\text{Giá tham chiếu (điều chỉnh)} = \frac{P_{t-1} + (I \times P)}{1+I}$$

Trong đó:

P_{t-1} : Giá chứng khoán phiên trước phiên giao dịch không hưởng quyền.

P : Giá cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phiếu)

I : tỷ lệ vốn tăng từ việc phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu

Giá định giá thị trường của cổ phiếu DDG tại ngày giao dịch không hưởng quyền là 35.000 đồng/cổ phiếu. Sau khi chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 với giá 10.000 đồng/cổ phiếu thì giá cổ phiếu DDG sau khi pha loãng là:

$$(35.000 + (1 \times 10.000)) / (1+1) = 22.500 \text{ đồng}$$

Như vậy, Giá điều chỉnh của DDG sau khi Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương chào bán thành công có thể giảm 12.500 đồng/cổ phần (tương ứng giảm 35,71%) so với khi Công ty không chào bán thêm cổ phiếu.

❖ **Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) Công ty sau khi chào bán**

Nhà đầu tư nên lưu ý đến ảnh hưởng của việc phát hành thêm cổ phiếu mới lên thu nhập trên mỗi cổ phần của Công ty. Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) điều chỉnh sau khi phát hành cổ phiếu được xác định theo công thức sau:

$$\text{EPS điều chỉnh} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó:

- Lợi nhuận sau thuế được xác định bằng lợi nhuận sau thuế dự kiến của năm 2021;
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ: là bình quân trọng số theo số ngày. Tổng số ngày trong kỳ là số ngày thực tế theo lịch, bao gồm cả ngày nghỉ và ngày lễ.

Giả sử ngày hoàn tất đợt chào bán này là ngày 01/09/2021 và chào bán được toàn bộ số cổ phần đã đăng ký. Khi đó:

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ là: $(28.519.943 \times 365 + 28.519.943 \times 122)/365 = 38.052.636$ cổ phiếu

Lợi nhuận sau thuế dự kiến của Công ty trong năm 2021 là: 50.000.000.000 đồng (theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua).

- EPS dự kiến của năm 2021 trong trường hợp không chào bán thêm cổ phiếu là: $50.000.000.000/28.519.943 = 1.753$ đồng/cổ phiếu
- EPS dự kiến của năm 2021 trong trường hợp chào bán thành công toàn bộ cổ phiếu là:
- $50.000.000.000/38.052.636 = 1.314$ đồng/cổ phiếu

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần sau khi Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương chào bán thành công có thể giảm 439 đồng (tương ứng giảm 25,04%) so với khi Công ty không chào bán thêm cổ phiếu.

❖ **Rủi ro pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết**

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông đang sở hữu).

1.6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị Công ty xuất phát từ việc quản trị Công ty yếu kém, ảnh hưởng đến sự phát triển lâu dài và ổn định của Công ty, gây thiệt hại cho Công ty, người lao động và cổ đông của Công ty. Trong trường hợp Hội đồng quản trị quản lý không hiệu quả, thiếu minh bạch, không kịp thời phát hiện những rủi ro do hành vi sai phạm của Ban điều hành sẽ gây ra rủi ro và ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Việc phát hành sẽ làm thay đổi quy mô hoạt động kinh doanh của Công ty tạo áp lực về doanh thu, lợi nhuận, hiệu quả kinh doanh...chính vì vậy Công ty phải có kế hoạch về quản trị hiệu quả để đảm bảo cho hoạt động kinh doanh và quyền lợi của cổ đông Công ty.

1.7. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố,... đều ít nhiều gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Nếu xảy ra, những rủi ro này có thể gây thiệt hại đến con người cũng như tài sản của Công ty, tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Bản cáo bạch : Bản cáo bạch của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định về đầu tư chứng khoán.
- Điều lệ : Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua.
- Vốn điều lệ : Tổng số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương.
- Cổ phiếu : Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương.
- Tổ chức chào bán : Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương.
- Tổ chức kiểm toán : Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam.
- Tổ chức tư vấn/PHS : Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Ngoài ra, các thuật ngữ khác sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán năm 2019, Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có ý nghĩa như sau:

- Công ty/DDG : Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương
- CTCP : Công ty cổ phần
- VDL : Vốn điều lệ
- CP : Cổ phần
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- BTGD : Ban Tổng Giám đốc
- BKS : Ban Kiểm soát
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- TGĐ : Tổng Giám đốc
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- CMND : Chứng minh nhân dân
- ĐKKD : Đăng ký kinh doanh
- BCTC : Báo cáo tài chính
- Thuế GTGT : Thuế giá trị gia tăng
- Thuế TNDN : Thuế thu nhập doanh nghiệp
- TSCĐ : Tài sản cố định
- VND : Việt Nam đồng
- TTCK : Thị trường chứng khoán
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- VSD : Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

- Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG**
- Tên viết tắt : INDOCHINE IMEX., JSC
- Tên tiếng Anh : INDOCHINE IMPORT EXPORT INDUSTRIAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
- Trụ sở chính : 162B Điện Biên Phủ, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : 028 38107899
- Fax : 028 38107218
- Email : info@dongduongcorp.com.vn
- Website : www.dongduongcorp.com.vn
- Logo :



- Vốn điều lệ đăng ký: 285.199.430.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 285.199.430.000 đồng
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25 tháng 06 năm 2010, thay đổi lần thứ 30 ngày 11 tháng 05 năm 2021
- Mã số doanh nghiệp: 0310103090
- Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Kim Sa – chức vụ: Tổng giám đốc
- Mã cổ phiếu: DDG
- Sàn giao dịch: HNX

❖ Ngành nghề kinh doanh chính:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25/06/2010, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 11/05/2021, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống(không hoạt động tại trụ sở)	3520
2	Sản xuất, phân phối hơi nước, điều hòa không khí và sản xuất nước đá (trừ sản xuất và lắp ráp điều hòa không khí gia dụng (điều hòa không khí có công suất từ 48.000 BTU trở xuống) sử dụng ga lạnh R22) và không hoạt động tại trụ sở)	3530
3	Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3811

STT	Tên ngành	Mã ngành
4	Thu gom rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở)	3812
5	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại(không hoạt động tại trụ sở)	3821
6	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại(không hoạt động tại trụ sở)	3822
7	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở)	3900
8	Phá dỡ	4311
9	Chuẩn bị mặt bằng	4312
10	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
11	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn bột cá	4632
12	Buôn bán, máy móc, thiết bị và phụ tùng khác Chi tiết: Buôn bán máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng. Buôn bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, buôn bán thiết bị chiếu sáng, thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu, buôn bán động cơ, Tuabin	4659
13	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn khí đốt và sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG). Bán buôn mùn cưa, tro trấu, bã mía	4661
14	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
15	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Không hoạt động tại trụ sở)	4663
16	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất bột cá (nguyên liệu từ cá)	1079

STT	Tên ngành	Mã ngành
17	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (không hoạt động tại trụ sở)	2512
18	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm) (không hoạt động tại trụ sở)	2513
19	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động (không hoạt động tại trụ sở)	2814
20	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia Chi tiết: sậy bã hèm bia	1103
21	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)(không hoạt động tại trụ sở)	2811
22	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng(không hoạt động tại trụ sở)	2740
23	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu(không hoạt động tại trụ sở)	2812
24	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)	4669
25	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản Xuất khí CO2 (không hoạt động tại trụ sở)	3290
26	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
27	Bán buôn tổng hợp	4690
28	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

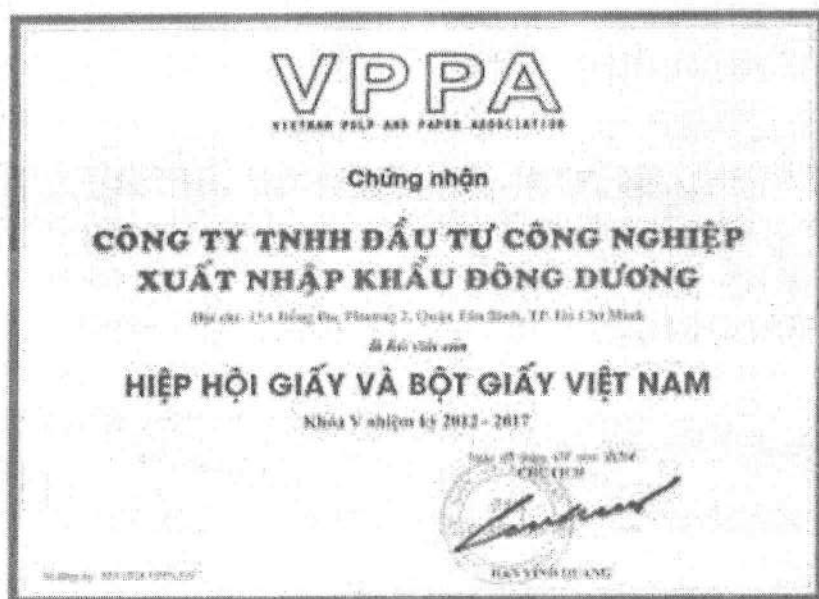
(Nguồn: CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương tiền thân là Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Giáo dục Đông Thành được thành lập ngày 25 tháng 06 năm 2010 theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu và có trụ sở chính tại đường Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh, với vốn điều lệ 50 tỷ đồng.

Ngày 09/05/2011, Công ty đổi tên thành Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương đồng thời chuyển trụ sở Công ty về địa chỉ 467 Hoàng Văn Thụ, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 4.

Ngày 15/07/2014, Công ty trở thành thành viên của Hiệp hội Giấy và Bột giấy Việt Nam VPPA.



Ngày 05/09/2015, để tăng nguồn vốn phát triển sản xuất kinh doanh, Công ty tiến hành tăng vốn điều lệ lên 80 tỷ đồng, theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 18. Tại thời điểm này, trụ sở chính của Công ty đã chuyển về số 04 Đồng Nai, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 14/06/2016, Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH sang công ty cổ phần theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 19 với vốn điều lệ là 80 tỷ đồng, trụ sở chính đặt tại số 04 Đồng Nai, Phường 02, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

Ngày 06/07/2016 Công ty thay đổi trụ sở chính từ địa chỉ số 04 Đồng Nai, Phường 02, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh qua số 3A Đồng Nai, Phường 2, Quận Tân Bình theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 20.

Tháng 09/2016, với nhu cầu đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ lên 120 tỷ đồng, thông qua hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Giấy đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 21 với vốn điều lệ là 120 tỷ đồng.

Ngày 22/06/2017 Công ty thay đổi trụ sở chính từ địa chỉ 3A Đồng Nai, Phường 02, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh qua số 308 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 22.

Ngày 15/12/2017, Công ty thay đổi trụ sở chính về địa chỉ số 162A Điện Biên Phủ, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh với số vốn điều lệ 120 tỷ đồng, theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 24.

Ngày 12/01/2017, Công ty nhận được công văn chấp thuận đăng ký công ty đại chúng của Ủy

ban Chứng khoán Nhà nước, theo Công văn số 249/UBCK-GSDC.

Ngày 13/11/2018, Công ty nhận được Quyết định số 719/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

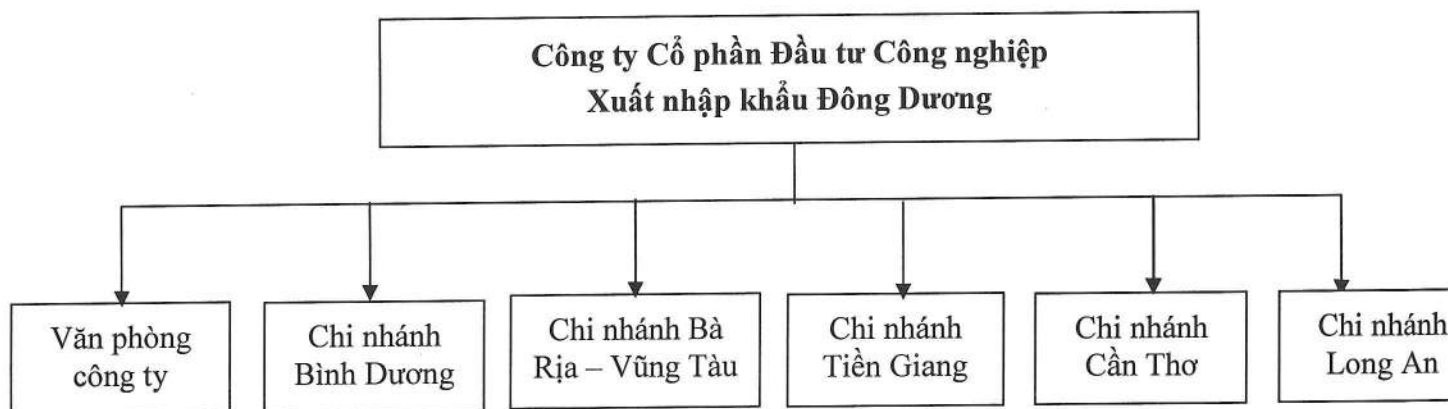
Ngày 08/06/2020, Công ty tăng vốn điều lệ lên 145.199.430.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 27 thông qua việc thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100:21.

Ngày 01/08/2020, Công ty tăng vốn điều lệ lên 285.199.430.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 28 thông qua việc phát hành 14.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư.

Sau hơn 10 năm hoạt động đến nay, Công ty Đông Dương đã trở thành một công ty có mức độ phát triển ấn tượng, một thương hiệu uy tín được bạn hàng và đối tác lựa chọn. Công ty đang tập trung vào các lĩnh vực thiết kế, đầu tư xây dựng hệ thống hơi nhiệt – điện, một lĩnh vực nhiều tiềm năng phát triển nhưng cũng không thiếu những thách thức đòi hỏi Ban lãnh đạo doanh nghiệp cũng như tất cả cán bộ công nhân viên trong Công ty cần phải nỗ lực để có những bước nhảy vọt hơn nữa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành.

Hình 3: Cơ cấu tổ chức



Trụ sở chính theo Giấy ĐKKD:

Địa chỉ: 162B Điện Biên Phủ, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028 381 07899

Fax: 028 381 07218

• **Văn phòng Công ty:**

Địa chỉ: 308 Cộng Hòa, phường 13, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

• **Chi nhánh Bình Dương:**

Địa chỉ: Lô E, đường số 8, KCN Sóng thần 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

• **Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu:**

Địa chỉ: Mỹ Xuân, Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

• **Chi nhánh Tiền Giang:**

Địa chỉ: KCN Mỹ Tho, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.

• **Chi nhánh Cần Thơ:**

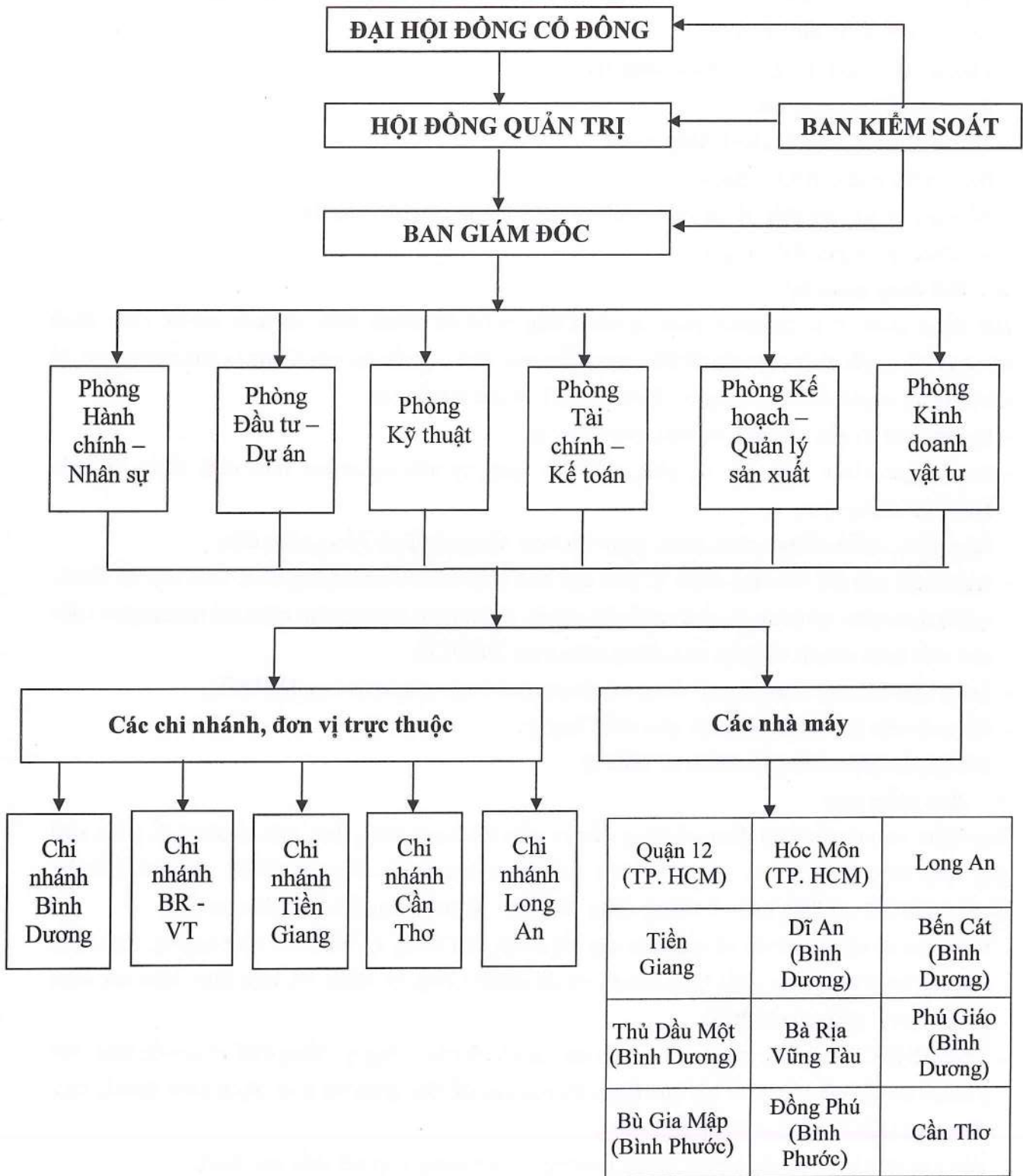
Địa chỉ: Lô 2.9A6 đường số 6, KCN Trà Nóc 2, Phước Thới, Ô Môn, Tp. Cần Thơ, Việt Nam.

• **Chi nhánh Long An:**

Địa chỉ: Ấp Hòa Thuận II, Xã Hiệp Hòa, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An, Việt Nam

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Hình 4: Cơ cấu bộ máy quản lý



Diễn giải sơ đồ:

➤ Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được điều lệ công ty và pháp luật liên quan quy định:

- Thông qua định hướng phát triển công ty;
- Tỷ lệ trả cổ tức hàng năm;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Bầu và bãi miễn HĐQT, BKS;
- Bổ sung và sửa đổi điều lệ; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành;
- Tổ chức lại và giải thể Công ty.

➤ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

➤ Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

➤ Ban Tổng giám đốc

Tổng giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực

hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm hỗ trợ Tổng giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Tổng giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

➤ **Chức năng các phòng ban**

Phòng Hành chính – Nhân sự

Phòng Hành chính – Nhân sự có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV;
- Thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty;
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty;
- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng lao động, kế hoạch tiền lương hàng năm;
- Tham mưu cho Tổng giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban, chi nhánh và xí nghiệp của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được nhà nước ban hành;
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại;
- Quản lý toàn bộ tài sản, trang thiết bị văn phòng của Công ty;
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Tổng giám đốc Công ty.

Phòng Tài chính – Kế toán

Phòng Tài chính – Kế toán có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban Tổng giám đốc; Thông qua tình hình tài chính giúp Tổng giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền;
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ;

- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính;
- Phân tích tình hình tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban Tổng giám đốc.

Phòng Đầu tư – Dự án

Phòng Đầu tư có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Soạn thảo và tham mưu cho lãnh đạo Công ty, ký kết các hợp đồng kinh tế. Theo dõi, đôn đốc quá trình thực hiện hợp đồng kinh tế đã ký, giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng;
- Lập quyết toán các sản phẩm hoàn thành và thanh lý các hợp đồng kinh tế;
- Lập dự án đầu tư các công trình phù hợp với chức năng hoạt động của công ty bao gồm các loại hình công việc sau :
 - Lập báo cáo đầu tư;
 - Lập báo cáo lựa chọn địa điểm;
 - Lập báo cáo đầu tư xây dựng công trình;
 - Lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Thiết lập quy hoạch chuyên ngành phù hợp với chức năng hoạt động của công ty;
- Thẩm tra dự án đầu tư;
- Tư vấn đấu thầu và quản lý các dự án đầu tư;
- Thực hiện các công việc tư vấn khác theo yêu cầu của công ty.

Phòng Kế hoạch - Quản lý sản xuất và Phòng Kỹ thuật

Phòng Kế hoạch - Quản lý sản xuất và Phòng Kỹ thuật phối hợp với nhau trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn và dài hạn theo chiến lược phát triển; lập báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh;
- Điều phối sản xuất: điều phối hoạt động sản xuất của các đơn vị trong Công ty căn cứ vào năng lực thiết bị và lợi thế từng đơn vị;
- Xây dựng chiến lược đầu tư phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn;
- Hướng dẫn các đơn vị thuộc Công ty xây dựng kế hoạch năm, kế hoạch dài hạn và tổng hợp kết quả sản xuất - kinh doanh toàn Công ty. Báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất - kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Xây dựng phương án và theo dõi tiến độ sản xuất, phân công và giao kế hoạch cho các đơn vị thành viên, các phân xưởng. Tổ chức tham gia nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước, xây dựng mối quan hệ với khách hàng. Lập hồ sơ dự thầu, tổ chức đấu thầu và tham gia đấu thầu các công trình, dự án. Tiếp nhận hồ sơ (dự toán, khảo sát, thiết kế...) để xây dựng các hợp đồng kinh tế;
- Cùng các phòng nghiệp vụ Công ty và các đơn vị thành viên để xây dựng đồng bộ các kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tiếp thị và liên kết kinh tế;

- Chuẩn bị các thủ tục cho Tổng giám đốc Công ty giao kế hoạch và xét duyệt hoàn thành kế hoạch của các đơn vị trực thuộc. Giúp Tổng giám đốc kiểm tra và tổng hợp tình hình trong quá trình thực hiện kế hoạch;
- Dựa vào kế hoạch chuyên ngành và hướng phát triển của Công ty (về mục tiêu, quy mô, nhịp độ phát triển kinh doanh, bố trí cơ cấu hợp lý giữa các khâu sản xuất bảo đảm cho quá trình hoạt động thống nhất liên tục và đạt hiệu quả cao). Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đề xuất biện pháp xử lý các vấn đề phát sinh;
- Tham mưu cho ban lãnh đạo Công ty xây dựng kế hoạch hợp tác, liên doanh đầu tư trong và ngoài nước;
- Quản lý, cân đối năng lực máy móc thiết bị, công cụ và thực hiện việc điều chuyển, thuê và cho thuê máy móc thiết bị một cách hợp lý để bảo đảm sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty;
- Cập nhật, phân tích và tổng hợp các số liệu để giúp Tổng giám đốc chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh được kịp thời;
- Thống kê báo cáo theo chế độ, viết lệnh sản xuất. Bảo quản, lưu trữ hồ sơ thuộc phòng quản lý. Tuyệt đối giữ gìn bí mật thông tin kinh tế, bí mật sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Phòng Kinh doanh vật tư

- Chủ động tìm kiếm đối tác để phát triển, mạng lưới phân phối, từng bước mở rộng thị trường trong và ngoài nước. Nghiên cứu và tham mưu cho Ban Giám đốc trong công tác định hướng kinh doanh và xuất nhập khẩu. Đây là chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của Phòng Kinh doanh;
- Thực hiện công tác marketing, nghiên cứu thị trường, chọn lựa sản phẩm chủ lực và xây dựng chiến lược phát triển, thúc đẩy hoạt động xúc tiến thương mại, tham gia hội thảo, hội chợ, tìm kiếm đối tác. Thực hiện liên doanh, liên kết, mở rộng mạng lưới kinh doanh trên thị trường nội địa và phát triển kinh doanh xuất, nhập khẩu. Chủ động giao dịch, đàm phán trong và ngoài nước, ký các thư từ, đơn chào hàng, trao đổi thông tin với khách hàng trong nước và nước ngoài trong quá trình giao dịch khi đi đến ký kết hợp đồng kinh doanh của Công ty;
- Chủ động soạn thảo các hợp đồng kinh tế có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tổ chức thực hiện đúng quy định các hợp đồng kinh doanh đã được ký kết;
- Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu của Công ty như: chuẩn bị nguồn cung ứng xuất khẩu, tiêu thụ hàng nhập khẩu, các khâu giám định, kiểm dịch, hải quan, giao nhận, bảo hiểm, khiếu nại đòi bồi thường,... và đối ngoại như: tìm kiếm giao dịch giữa những người bán và người mua, giải quyết tranh chấp khiếu nại với khách hàng có liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Khai thác, cung ứng vật tư, nguyên nhiên vật liệu thiết bị máy móc phục vụ cho sản xuất kinh doanh theo lệnh của Tổng Giám đốc Công ty;
- Quản lý, bảo quản vật tư, nguyên nhiên vật liệu. Cấp phát vật tư, nguyên nhiên vật liệu theo nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh để xây dựng kế hoạch mua sắm vật tư và cung cấp vật tư NVL phục vụ sản xuất cho các đơn vị trong Công ty;
- Xây dựng các chương trình sản xuất hàng năm và dài hạn của Công ty trên cơ sở năng lực, thiết bị và nguồn vật tư nguyên liệu;

- Cung cấp thông tin giá cả thị trường các loại vật tư, nguyên nhiên vật liệu cho phòng phục vụ cho công tác hạch toán kế toán. Cùng các phòng liên quan xây dựng hồ sơ đấu thầu và ký kết các hợp đồng kinh tế. Báo cáo số lượng, chất lượng vật tư xuất nhập và tồn kho theo chế độ từng tuần, từng tháng. Thống kê chi phí vật tư cho từng sản phẩm;
- Thống kê ghi chép (thẻ kho, phiếu nhập xuất kho, biên bản bàn giao máy móc thiết bị, sổ theo dõi cung cấp vật tư,...) theo quy định của Công ty và Nhà nước. Xây dựng định mức vật tư để không ngừng tiết kiệm trong việc sử dụng vật tư, nguyên nhiên liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh;
- Chịu trách nhiệm thống kê và cung cấp số lượng vật tư đã xuất ra khi phương tiện hoàn thành đối chiếu với dự toán ban đầu để làm cơ sở quyết toán từng phương tiện;
- Chịu trách nhiệm trước HĐQT và Tổng giám đốc trong việc cùng Phòng Tài chính - Kế toán chủ động khai thác nguồn vốn để đầu tư và phục vụ nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

➤ **Các nhà máy**

- Chức năng:
 - Đại diện cho quyền lợi và nghĩa vụ của các nhà máy của Công ty trong quan hệ với các đối tác và tổ chức liên quan tại địa phương có quan hệ với Công ty trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty;
 - Điều hành sản xuất sản phẩm theo nhiệm vụ được phân công.
- Nhiệm vụ:
 - Tập trung điều hành ổn định các hoạt động sản xuất sản phẩm tại nhà máy;
 - Tổ chức công tác ký kết, thực hiện hợp đồng kinh tế; Quản lý vốn và tài sản; Tình hình quản lý doanh thu, chi phí; Việc chấp hành các quy định quản lý tài chính của Nhà nước và Quy chế Công ty tại nhà máy;
 - Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh theo quy định gửi về Công ty theo tháng, quý, năm;
 - Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) với Công ty tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy;
 - Lập các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê quý năm;
 - Quan hệ thường xuyên và chặt chẽ với các Phòng, Ban trực thuộc Công ty;
 - Được chủ động trong nghiên cứu, tìm kiếm thị trường, đối tác;
 - Được tuyển chọn và sử dụng lao động theo yêu cầu công việc;
 - Các nhiệm vụ khác Công ty giao.

➤ **Các chi nhánh**

- Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền.
- Thực hiện phát triển các ngành, nghề kinh doanh được cấp phép trên địa bàn hoạt động và phải đúng với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp;
- Tổ chức hạch toán kinh tế theo nguyên tắc hạch toán độc lập, thực hiện chế độ báo cáo tài chính định kỳ về trụ sở chính theo quy định của Công ty. Thực hiện việc báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, kết quả tăng trưởng và chiến lược của chi nhánh hằng năm;

- Xây dựng và hoàn thiện bộ máy quản lý của chi nhánh theo mô hình và định hướng của HĐQT và chỉ đạo của Ban Tổng giám đốc Công ty;
- Soạn thảo những biên bản pháp lý phục vụ cho các hoạt động của chi nhánh, dựa trên những văn bản pháp lý của Công ty;
- Phối hợp với Công ty và các chi nhánh khác trong việc phục vụ và khai thác thị trường, khách hàng mục tiêu;
- Chăm lo đời sống của CBCNV tại chi nhánh;
- Thực hiện báo cáo với các cơ quan quản lý Nhà nước tại các địa phương mà chi nhánh hoạt động.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Công ty, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty, những công ty mà Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối: Không có

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Thời gian	Vốn điều lệ trước phát hành (Nghìn đồng)	Số vốn tăng thêm (Nghìn đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (Nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
14/06/2016	80.000.000			Góp vốn thành lập công ty cổ phần	Giấy CNĐKKD số 0310103090 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/06/2016
Tháng 09/2016	80.000.000	40.000.000	120.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu Số lượng phát hành: 4.000.000 cổ phần Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần Số lượng cổ đông mua cổ phiếu: 03 Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 18/2016/DDG/QĐ-ĐHĐCĐ của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương ngày 01/09/2016 thông qua việc tăng vốn điều lệ lên 120 tỷ đồng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310103090 thay đổi lần thứ 21 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 09 tháng 09 năm 2016.
Tháng 06/2020	120.000.000	25.199.430	145.199.430	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức tỷ lệ 100:21 Số lượng phát hành: 2.519.943 cổ phần Số lượng cổ đông được phân phối: 370	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/DDG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2020. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0105/2020/DDG/NQ – HĐQT ngày 04/05/2020 về việc phát hành cổ phiếu để

					<p>trả cổ tức năm 2019. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310103090 đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 08/06/2020.</p>
<p>Tháng 07/2020</p>	<p>145.199.430</p>	<p>140.000.000</p>	<p>285.199.430</p>	<p>Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư Số lượng phát hành: 14.000 14.000.000 cổ phần Giá phát hành: 14.000 đồng/ cổ phần Số lượng nhà đầu tư mua cổ phiếu: 12 Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền.</p>	<p>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/DDG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2020. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/2020/DDG/NQ – HĐQT ngày 20/04/2020 về việc thực hiện phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư chiến lược năm 2020. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/2020/DDG/NQ – HĐQT ngày 11/05/2020 về việc sửa đổi, bổ sung phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2020. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310103090 đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 01/08/2020.</p>



7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác: *Không có*

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành tại ngày 24/02/2021

8.1 Cổ phiếu phổ thông

Bảng 2: Cơ cấu cổ phiếu phổ thông

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
I	Cổ đông trong nước	378	28.519.822	285.198.220.000	99,999%
1	Tổ chức	7	163.939	1.639.390.000	0,57%
2	Cá nhân	371	28.355.883	283.558.830.000	99,42%
II	Cổ đông nước ngoài	1	121	1.210.000	0,0004%
1	Tổ chức	0	0	0	0
2	Cá nhân	1	121	1.210.000	0,0004%
	Tổng cộng	379	28.519.943	285.199.430.000	100%

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty do VSD cấp)

8.2 Cổ phiếu ưu đãi: *Không có*

8.3 Các loại chứng khoán khác: *Không có*

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỉ lệ nắm giữ cổ phiếu của cổ đông nước ngoài vì vậy cổ đông là người nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phần của Công ty theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành.

Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tuân theo quy định hiện hành tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam: “*Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh thuộc danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài thì thực hiện theo quy định về sở hữu nước ngoài tại danh mục. Trường hợp ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện tại danh mục không quy định cụ thể điều kiện tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty là 50% vốn điều lệ*”.

Theo công văn số 4733/UBCK-PTTT ngày 20/08/2021 của Vụ Phát triển Thị trường - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50%. Công ty cam kết sẽ tiến hành báo cáo về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại kỳ họp ĐHCĐ gần nhất.

Tại thời điểm 24/02/2021, số lượng cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài (bao gồm cả tổ chức và cá nhân) tại Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương là

121 cổ phần (tương đương 0,0004% trên tổng số cổ phần).

10. Hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương tập trung vào lĩnh vực thiết kế, đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp hơi nhiệt – điện, thương mại nhiên liệu Biomass và phế phẩm nông nghiệp (trấu, mùn cưa).

10.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1 Các sản phẩm dịch vụ chính

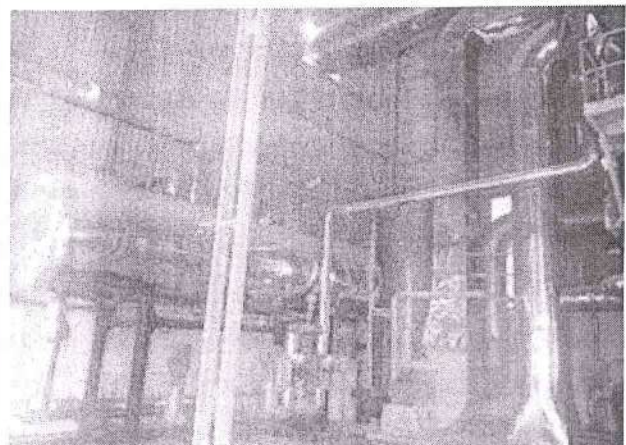
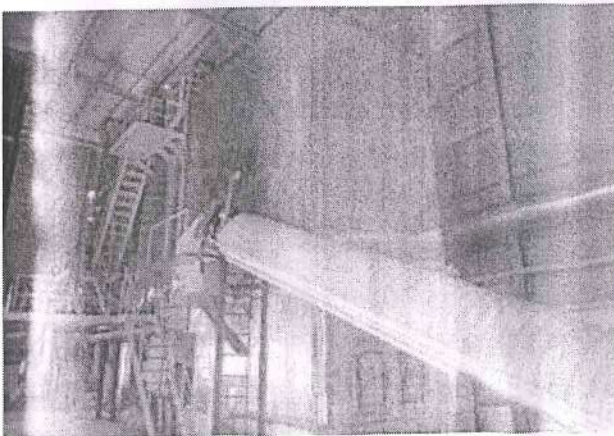
❖ Dịch vụ cung cấp hơi – nhiệt

Mảng dịch vụ cung cấp hơi – nhiệt của Công ty được thực hiện bằng cách: Công ty sẽ tiến hành thiết kế, đầu tư và xây dựng hệ thống cung cấp tại địa điểm gần hoặc ngay trong trụ sở của khách hàng (tùy theo thỏa thuận hợp đồng). Hệ thống sử dụng nhiên liệu đốt Biomass hoặc các phế phẩm để cung cấp hơi và nhiệt cho hệ thống, phục vụ quá trình sản xuất của khách hàng. Nhiên liệu đốt Biomass được đánh giá là một loại nhiên liệu xanh – ít ảnh hưởng tới môi trường, giúp tiết kiệm nhiên liệu sử dụng trong quá trình đốt với một lượng nhiệt tỏa ra gần tương đương bằng nhiên liệu hóa thạch.

➤ Cung cấp hơi

Công ty thực hiện thiết kế và tiến hành đầu tư xây dựng các hệ thống cung cấp hơi cho khách hàng có nhu cầu, dựa trên công nghệ lò hơi tầng sôi đốt Biomass độc quyền tại địa điểm gần trụ sở của khách hàng, cung cấp giải pháp tiết kiệm năng lượng và lập phương án kỹ thuật chuyển đổi nhiên liệu một cách tiết kiệm và giảm chi phí sản xuất hơi cho các đơn vị sản xuất. Cùng với đó, Công ty cũng chịu trách nhiệm nhập nhiên liệu đốt Biomass và các phế phẩm để phục vụ cho việc đốt lò. Lò hơi sẽ dùng nhiệt lượng sinh ra từ nhiên liệu, biến nước thành hơi nước. Nhiên liệu của cung cấp hơi có thể là nhiên liệu từ phế phẩm hoặc nhiên liệu Biomass, tùy thuộc vào yêu cầu chất lượng hơi cần thiết của từng hoạt động sản xuất. Hơi này sẽ được sử dụng cho các quá trình sản xuất công nghiệp, tùy vào nhu cầu của khách hàng, như gia nhiệt cho không khí để sấy, rửa thiết bị, cung cấp nhiệt cho nhà máy dệt, hóa chất, rượu bia và nước giải khát. Ngoài ra, hệ thống lò hơi này cũng có thể phát triển để cung cấp hơi quá nhiệt cho các tuabin nhiệt điện.

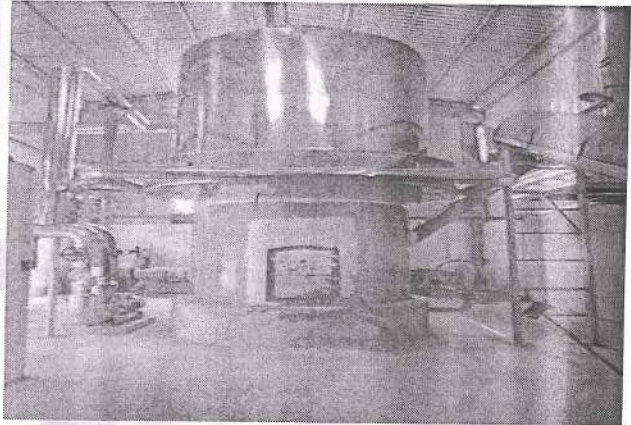
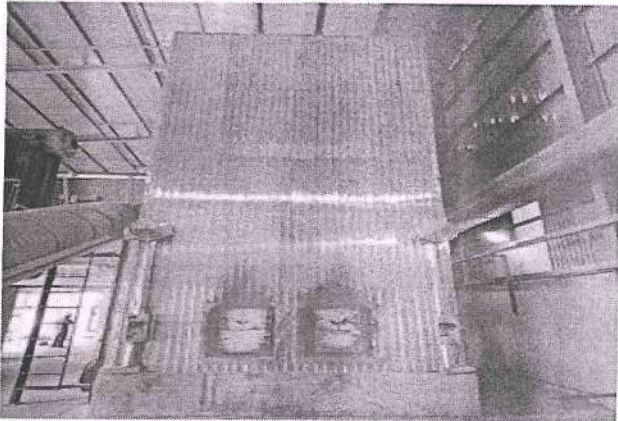
Hình 5: Hình ảnh hệ thống hơi cung cấp cho công ty Bia Heineken Việt Nam



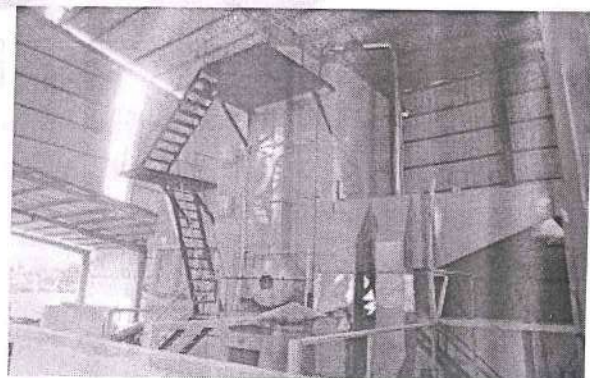
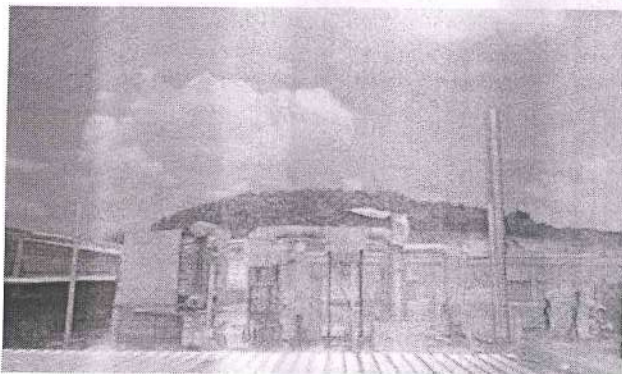
➤ **Cung cấp nhiệt**

Cung cấp nhiệt của Công ty cũng dựa chủ yếu vào công nghệ lò hơi tầng sôi đốt Biomass, bằng cách thay thế các nhiên liệu đắt tiền như dầu FO, dầu DO bằng nhiên liệu Biomass thông qua chất tải nhiệt trung gian cung cấp cho các hệ thống cần nhiệt để sấy sản phẩm như: sấy lúa, sấy cao su, sấy mùn cưa, nung gốm sứ, sấy bột giặt, sấy bã sắn, hóa dầu.... Đông Dương sẽ chịu trách nhiệm nghiên cứu địa điểm, thiết kế và đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp nhiệt, để đấu nối với hệ thống sấy của khách hàng. Đồng thời, Công ty cũng chịu trách nhiệm nhập nhiên liệu đốt Biomass và phế phẩm nhằm phục vụ cho quá trình đốt. Nhiên liệu được đưa vào lò đốt sinh nhiệt năng, sau đó nhiệt sẽ được truyền thông qua hệ thống cấp nhiệt gián tiếp qua bộ trao đổi nhiệt đến lò dầu tải nhiệt và hầm sấy của khách hàng để phục vụ cho quá trình sản xuất của họ.

Hình 6: Một số hình ảnh buồng đốt và lò dầu tải nhiệt



Hình 7: Hình ảnh một số dự án cung cấp nhiệt



Dự án cấp nhiệt công suất: 20 tấn/giờ

Công ty TNHH Linh Hương

Dự án cấp nhiệt công suất: 15 tấn/giờ

Công ty Cao Su Mai Vĩnh

❖ **Thương mại nhiên liệu Biomass và các phế phẩm nông nghiệp**

➤ **Nhiên liệu từ phế phẩm**

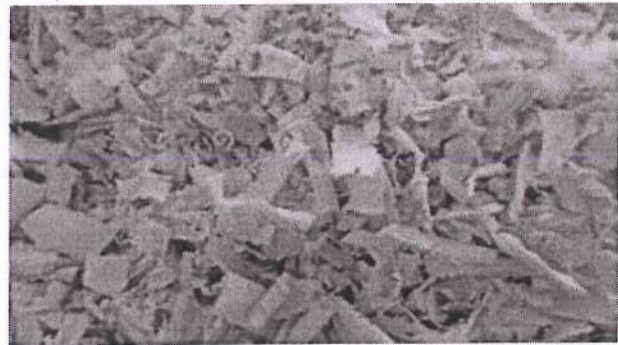
Nhiên liệu từ phế phẩm là các phế phẩm từ nông nghiệp và lâm nghiệp như: trấu, rơm rạ, mùn cưa, dăm bào,... được dùng để làm nhiên liệu đốt trực tiếp (đối với những lò yêu cầu nhiệt độ thấp) hoặc dùng để sản xuất nhiên liệu Biomass. Nhiên liệu từ phế phẩm được đánh giá là nguồn nhiên liệu hiệu quả, tiết kiệm chi phí với giá thành thấp, tuy nhiên nhiệt lượng tỏa ra không

cao. Hiện tại, Công ty Đông Dương đang hoạt động trong chuỗi phân phối và thương mại nhiên liệu từ phế phẩm, đóng vai trò làm trung gian thương mại. Ngoài việc nhập các phế phẩm từ các nhà cung cấp lớn, Công ty cũng chú trọng tới việc thu mua của các hộ kinh doanh nhỏ, các hộ gia đình. Để cung cấp nhiên liệu chất lượng cao và hiệu quả cho khách hàng, Công ty có đầu tư thêm các băng chuyền vận chuyển, máy sấy và kho nhiên liệu. Các khách hàng lớn sẽ chủ động lấy hàng từ kho của Công ty.

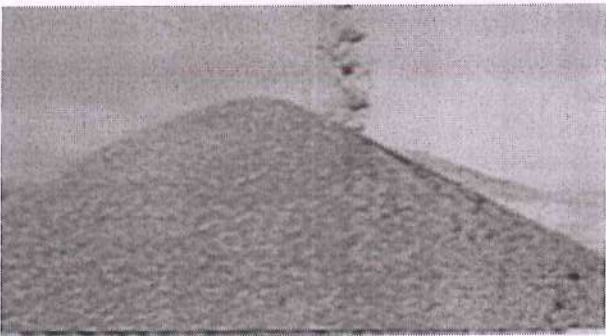
Hình 8: Một số hình ảnh ví dụ về nhiên liệu từ phế phẩm



Trấu



Dăm bào



Mùn cưa



Bột gỗ



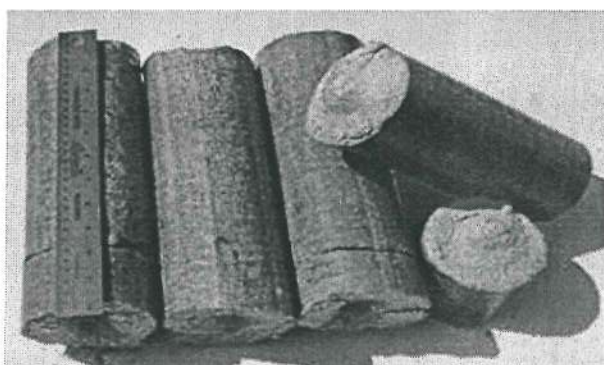
Kho nhiên liệu nhà máy sấy mùn cưa

➤ **Nhiên liệu Biomass**

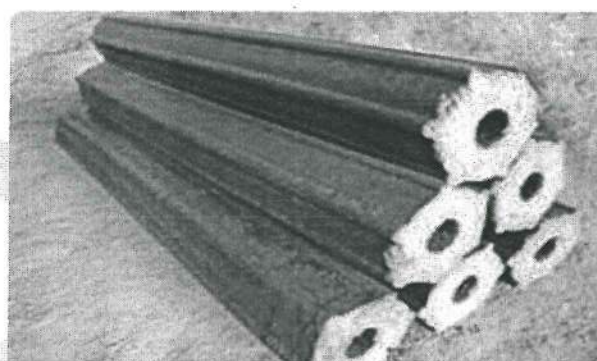
Nhiên liệu Biomass hay còn gọi là nhiên liệu sinh liệu sinh khối, là nguồn năng lượng được đánh giá có thể thay thế cho các nguồn nhiên liệu hóa thạch truyền thống đang được con người sử dụng. Nhiên liệu Biomass thường được sản xuất từ các phế phẩm của nông nghiệp và lâm nghiệp, được nén thành các viên nén với nguồn nhiệt lượng tỏa ra cao tương đương với các sản phẩm

nhiên liệu truyền thống. Ngoài ra, Biomass còn được sản xuất từ các phế phẩm của ngành công nghiệp như giấy vụn, than cám vụn, hoặc metan từ các bãi chôn lấp rác, xử lý nước thải, chất thải từ gia súc... Công ty Đông Dương cũng đang, chủ yếu, đóng vai trò trung gian thương mại trong chuỗi phân phối nhiên liệu Biomass. Công ty tiến hành thu mua từ các đối tác cung ứng, sau đó sẽ cung cấp cho các khách hàng theo các lô cố định. Công ty cũng đã đầu tư các dây chuyền vận chuyển và kho vận cho nhiên liệu để thực hiện cung ứng một cách hiệu quả nhất. Hiện tại, Công ty đang cung cấp nguồn nhiên liệu Biomass rẻ tiền có thể thay thế cho nguồn nhiên liệu dầu FO (hoặc DO) cho các nhà máy của các khách hàng trong lĩnh vực như: sấy nông sản, dệt may, bao bì, rượu, cồn, bia, nước giải khát, thực phẩm khô, giấy, nung gốm sứ, sấy bột giặt, sấy gỗ, hóa dầu, dệt nhuộm, kho nhựa đường. Ngoài ra, định hướng của Công ty là sẽ phát triển cả mạng hoạt động xuất khẩu các loại nhiên liệu Biomass (chủ yếu cho thị trường Hàn Quốc, Nhật và Châu Âu) trong những năm tới.

Hình 9: Một số hình ảnh về nhiên liệu Biomass



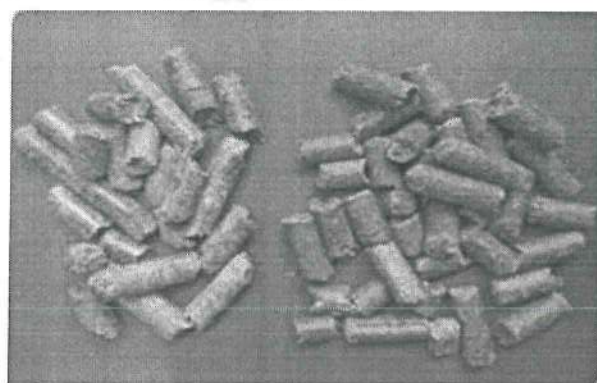
Củ mùn cưa



Củ trấu



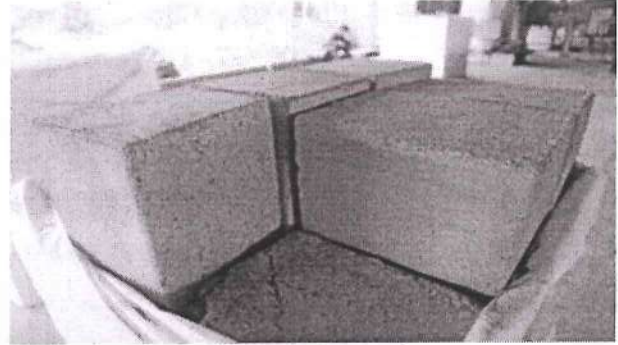
Viên nén gỗ mùn cưa



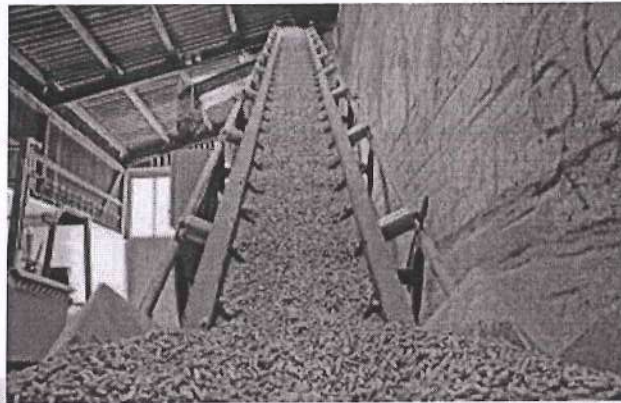
Viên mùn cưa nén



Viên nén bã mía



Mùn cưa ép khối



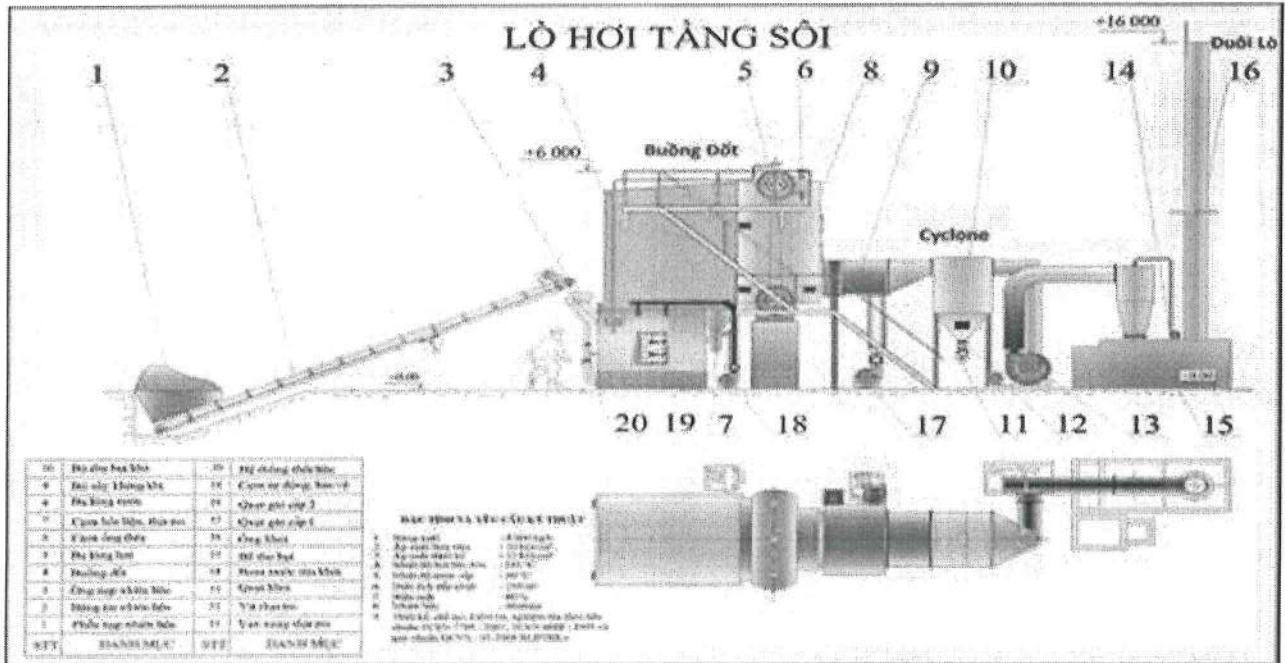
Dây chuyền vận chuyển nhiên liệu Biomass

10.1.2 Quy trình sản xuất và công nghệ áp dụng.

Lĩnh vực thiết kế, đầu tư xây dựng hệ thống hơi nhiệt - điện là một lĩnh vực đòi hỏi trình độ công nghệ kỹ thuật cao. Công nghệ lò hơi Công ty đang thiết kế và sản xuất dựa trên “Hệ thống thiết bị công nghệ lò hơi bão hòa loại tầng sôi hai cấp kiểu đứng để đốt nhiên liệu sinh khối hiệu suất cao” do Tiến sĩ Nguyễn Thanh Quang – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đã được đăng ký độc quyền tại Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ từ ngày 17/11/2010.

❖ Công nghệ lò hơi tầng sôi đốt Biomass

Hình 10: Mô hình lò hơi tầng sôi

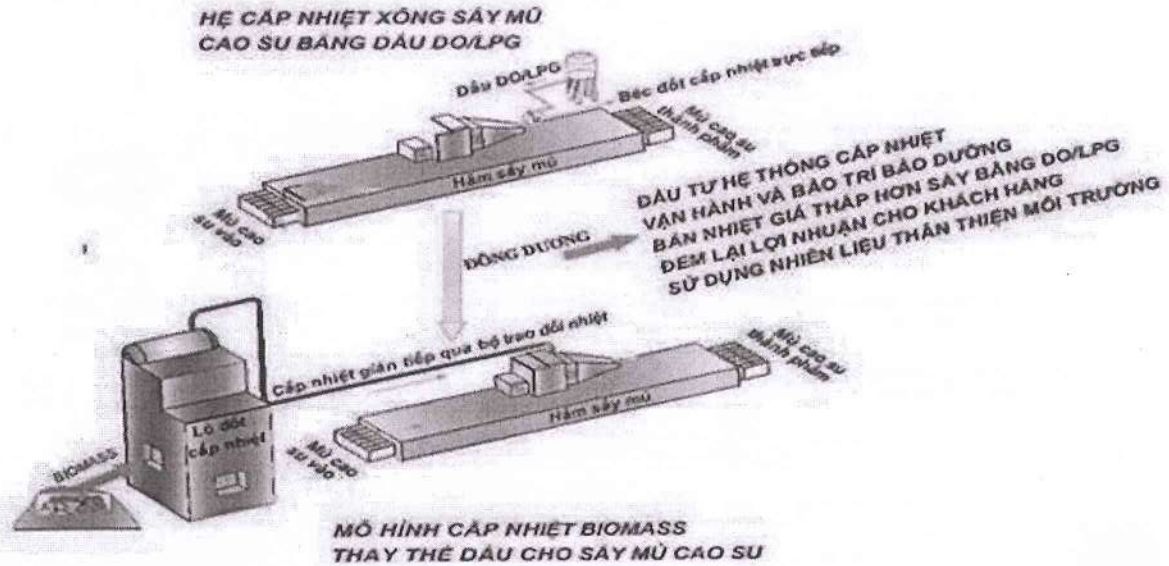


Lò hơi tầng sôi tuần hoàn có cấu tạo bản thể gồm 03 phần chính: Buồng đốt tầng sôi, lò hơi (bao gồm bộ tiết kiệm nhiệt) và bộ xử lý khói thải:

- Buồng đốt tầng sôi: Buồng đốt tầng sôi của lò hơi tầng sôi tuần hoàn có hình dáng tương tự như lò than phun, tuy vậy do khác nhau về phương pháp đốt nên có một số điểm khác biệt lớn về chi tiết.
- Phần hơi (gồm bộ tiết kiệm nhiệt): là một bộ phận dùng để thu các hạt bột gỗ chưa cháy hết trở lại buồng đốt tạo thành một vòng tuần hoàn.
- Phần xử lý khói thải: Gồm cyclone lắng kết hợp phun nước dập bụi, bể lắng bụi, bể xử lý, ống khói và cụm tuần hoàn nước sau xử lý.

❖ **Mô hình cấp nhiệt Biomass thay thế dầu DO, FO**

Hình 11: Mô hình cấp nhiệt Biomass



Cung cấp nhiệt bằng cách thay thế các nhiên liệu đắt tiền như dầu FO, dầu DO bằng nhiên liệu Biomass thông qua chất tải nhiệt trung gian cung cấp cho các hệ thống cần nhiệt để sấy sản phẩm.

❖ **Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ**

Với uy tín và thương hiệu đã được khẳng định trên thị trường, việc kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ được Công ty đặt lên hàng đầu. Việc kiểm tra giám sát chất lượng được xây dựng trên mô hình quản lý khép kín từ khâu nhập nguyên vật liệu, trang thiết bị máy móc đầu vào cho tới khâu xây dựng lắp đặt cho khách hàng, cũng như kiểm tra bảo hành bảo dưỡng máy móc đang hoạt động tại các cơ sở của đối tác. Bên cạnh đó, Công ty cũng đẩy mạnh việc sử dụng các hệ thống máy móc kiểm tra chất lượng nhằm đạt được hiệu quả cao. Để đủ tiêu chuẩn cung cấp ra thị trường, các sản phẩm dịch vụ của Công ty đều phải trải qua những công đoạn kiểm tra, giám sát sát sao bằng người và máy móc.

Công ty đang áp dụng những tiêu chuẩn của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2015 của Tổ chức Tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO). Việc áp dụng ISO 9001 vào doanh nghiệp đã tạo được cách làm việc khoa học, tạo ra sự nhất quán trong công việc, chuẩn hóa các quy trình hoạt động, loại bỏ được nhiều thủ tục không cần thiết, rút ngắn thời gian và giảm chi phí phát sinh do xảy ra những sai lỗi hoặc sai sót trong công việc, đồng thời làm cho năng lực trách nhiệm cũng như ý thức của cán bộ công nhân viên nâng lên rõ rệt.



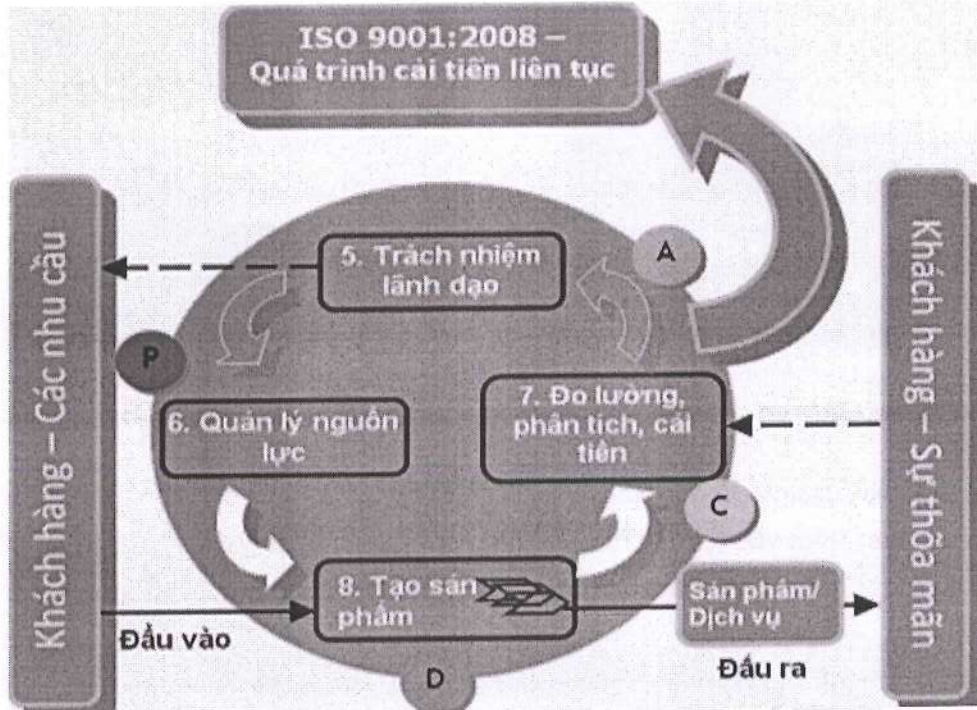
Ngoài ra, Công ty cũng nhận được chứng nhận hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015 của Tổ chức Tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO).



Với tư duy kinh doanh hướng tới khách hàng, nên chất lượng luôn là yếu tố được Ban lãnh đạo Công ty đặt lên hàng đầu. Bộ phận quản lý chất lượng của Công ty là một tập hợp các chuyên gia đầu ngành, có kinh nghiệm hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực sản xuất và cung ứng hơi nhiệt.

Quy trình quản lý chất lượng của Công ty như sơ đồ sau:

Hình 12: Sơ đồ quản lý chất lượng



10.1.3 Doanh thu từ sản phẩm, dịch vụ các năm:

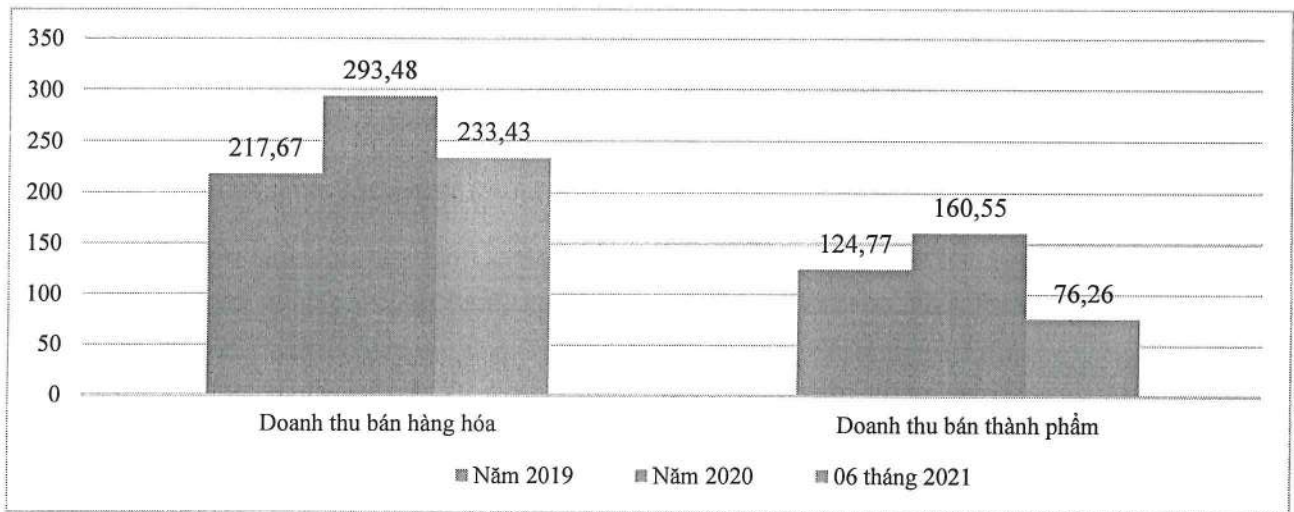
Cơ cấu doanh thu từng loại sản phẩm và dịch vụ 2019– 2020 và 6 tháng đầu năm 2021

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu (ĐVT: nghìn đồng)

STT	Khoản mục	Năm 2019	%/ DT	Năm 2020	%/ DT	Tăng/ giảm so với năm 2019	6 tháng đầu năm 2021	%/ DT
1	Doanh thu bán hàng hóa	217.671.579	63,57	293.479.000	64,64	34,83	233.432.575	75,38
2	Doanh thu bán thành phẩm	124.766.567	36,43	160.552.292	35,36	28,68	76.258.977	24,62
Tổng DT bán hàng và cung cấp dịch vụ		342.438.146	100	454.031.292	100	32,59	309.691.552	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC soát xét 6 tháng năm 2021 của DDG)

Hình 13: Cơ cấu doanh thu (ĐVT: tỷ đồng)



Doanh thu của Công ty đến từ hai mảng hoạt động chính là thương mại buôn bán nhiên liệu Biomass, phế phẩm (chủ yếu là mùn cưa) và hoạt động cung cấp hơi – nhiệt, trong đó, doanh thu từ mảng thương mại thường chiếm tỷ trọng chủ yếu trong các năm qua. Doanh thu năm 2019 của Công ty là khoảng 342,44 tỷ đồng, trong đó doanh thu bán hàng là 217,67 tỷ đồng, chiếm 63,57% tổng doanh thu. Doanh thu bán thành phẩm là 124,77 tỷ đồng, đóng góp 36,43% vào tổng doanh thu 2019.

Năm 2020, doanh thu của Công ty đạt 454,03 tỷ đồng, tăng 32,59% so với tổng doanh thu năm 2019, nguyên nhân chủ yếu do trong năm 2020, Công ty tiến hành tăng vốn và bổ sung một phần vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Cơ cấu doanh thu năm 2020 cũng được giữ ở mức tương đối ổn định so với năm 2019, theo đó doanh thu bán hàng hóa và bán thành phẩm lần lượt đạt 293,48 tỷ đồng, 160,55 tỷ đồng tương ứng chiếm tỷ trọng 64,64% và 35,36% trong tổng doanh thu. Tuy chỉ chiếm khoảng 35% trên tổng doanh thu nhưng hoạt động dịch vụ cung cấp hơi – nhiệt vẫn là hoạt động mũi nhọn và khẳng định vị thế thương hiệu của Công ty. Hiện nay, Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng về nâng cấp công suất cung cấp hơi cho các đối tác và đầu tư xây mới hệ thống hóa lỏng CO₂, hoạt động này dự kiến mang sự tăng trưởng doanh thu ổn định trong các năm tiếp theo.

6 tháng đầu năm 2021, tổng doanh thu đạt 309,69 tỷ đồng, trong đó doanh thu bán hàng chiếm 75,38% (đạt 233,43 tỷ đồng), doanh thu thành phẩm chỉ chiếm 24,62% (đạt 76,26 tỷ đồng) trong cơ cấu doanh thu trong kỳ.

10.1.4 Lợi nhuận gộp từ sản phẩm, dịch vụ các năm:

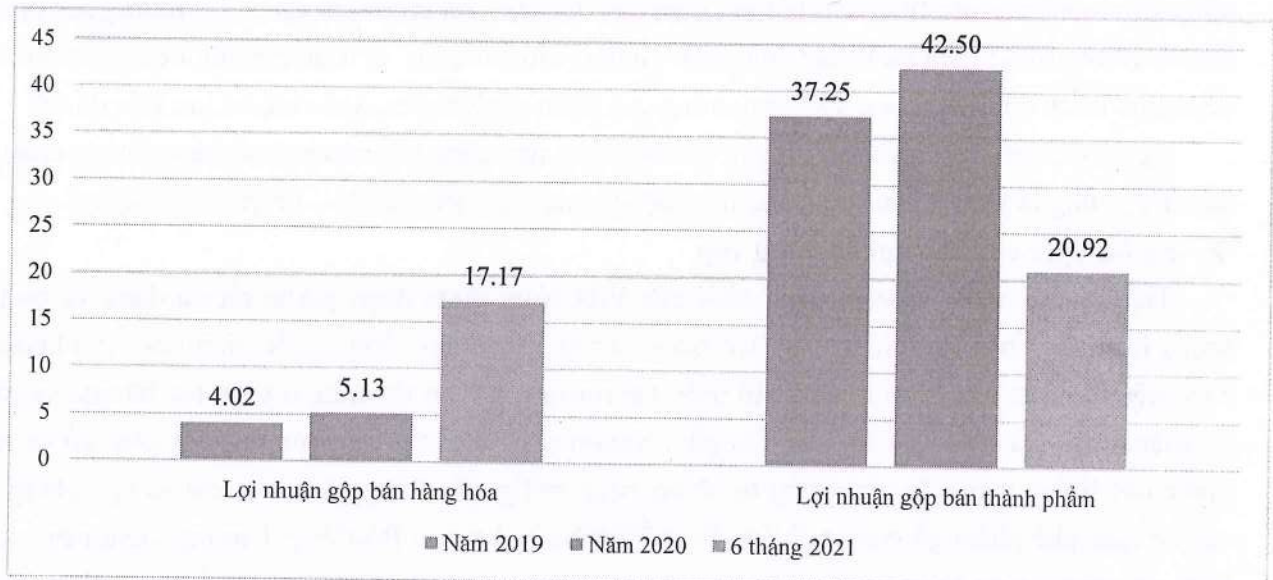
Bảng 4. Cơ cấu lợi nhuận gộp(ĐVT: nghìn đồng)

STT	Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020		6 tháng đầu năm 2021	
		Giá trị	Tỷ lệ/DTT(Giá trị	Tỷ lệ/DTT(Giá trị	Tỷ lệ/DTT(

			(%)		(%)		(%)
1	Lợi nhuận gộp bán hàng hóa	4.019.431	1,17	5.127.383	1,13	17.170.986	5,55
2	Lợi nhuận gộp bán thành phẩm	37.251.068	10,90	42.499.015	9,40	20.916.568	6,75
Tổng lợi nhuận gộp		41.270.499	12,07	47.626.398	10,53	38.087.555	12,30

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC soát xét 6 tháng năm 2021 của DDG)

Hình 14: Cơ cấu lợi nhuận gộp (ĐVT: tỷ đồng)



Năm 2019, lợi nhuận gộp của Công ty đạt 41,27 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 12,07% trên tổng doanh thu thuần. Tuy chỉ chiếm khoảng 35% trong tổng doanh thu nhưng hoạt động bán thành phẩm (cung cấp hơi – nhiệt) vẫn là hoạt động mang lại lợi nhuận chính cho Công ty với 37,25 tỷ đồng chiếm tỷ lệ xấp xỉ 11% trên doanh thu thuần. Hoạt động thương mại bán buôn nhiên liệu Biomaas và phế phẩm có doanh thu lớn nhưng chỉ đạt mức lợi nhuận gộp 4,02 tỷ đồng do biên lợi nhuận của các mặt hàng này khá thấp và Công ty đóng vai trò chính là trung gian phân phối nguyên nhiên liệu. Vì vậy, lượng giá trị thặng dư mà Công ty tạo ra trong chuỗi giá trị là không nhiều.

Năm 2020, biên lợi nhuận của Công ty giảm xuống còn 10,53% trên tổng doanh thu thuần, điều này được lý giải do biến động chung về giá cả của thị trường một số yếu tố đầu vào trong những năm gần đây, đặc biệt là giá mùn cưa đang có xu hướng tăng (nhu cầu sử dụng nhiên liệu Biomass và phế phẩm tại các tỉnh đồng bằng Sông Cửu Long ngày càng tăng nhưng nguồn cung lại không tăng tương xứng), đã đẩy giá vốn của cả hai mảng hoạt động tăng theo, nên biên lợi nhuận gộp của cả hai mảng hoạt động có xu hướng giảm qua các năm. Lợi nhuận gộp hoạt động bán hàng hóa và bán thành phẩm lần lượt đạt 5,13 tỷ đồng và 42,5 tỷ đồng tương ứng chiếm tỷ lệ 1,13% và 9,40% trên tổng doanh thu thuần.

6 tháng đầu năm 2021, do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh và một số khách hàng thuộc nhóm ngành sản xuất cao su nghỉ vụ nên lượng hơi sử dụng ít hơn dẫn đến lợi nhuận mảng dịch vụ năng lượng tăng trưởng chưa đúng theo kế hoạch của Công ty. Về mảng thương mại, lợi nhuận Công ty tăng đáng kể trong 6 tháng đầu năm 2021, do Công ty có thương mại máy móc, thiết bị ngành hơi nhiệt theo như kế hoạch của Công ty.

10.1.5 Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào

❖ Nguyên vật liệu, các yếu tố đầu vào chủ yếu

Hai mảng hoạt động chính của Đông Dương là thương mại buôn bán nhiên liệu Biomass và phế phẩm (chủ yếu là mùn cưa) và dịch vụ cung cấp hơi – nhiệt đều cần một yếu tố đầu vào là nhiên liệu phế phẩm và Biomass. Vì vậy, yếu tố đầu vào của Công ty chủ yếu là những phế phẩm nông lâm nghiệp (như: mùn cưa, bột gỗ, dăm bào, tro trấu, bã mía, rơm rạ,...) và những sản phẩm làm từ chúng (như: viên nén mùn cưa, viên gỗ nén, củi tro trấu,...). Các nguyên liệu đầu vào này đều được kiểm tra chất lượng kỹ lưỡng trong quá trình vận chuyển, sản xuất và lưu kho dự trữ.

Ngoài ra, trong quá trình vận hành, các hệ thống này cũng yêu cầu một số phụ gia hóa chất và dầu. Đây cũng là yếu tố đầu vào trong hoạt động cung cấp dịch vụ hơi – nhiệt của Công ty.

❖ Sự ổn định của các nguồn cung cấp

Tiềm năng về năng lượng sinh khối của Việt Nam được đánh giá là rất đa dạng và có trữ lượng khá lớn. Theo tính toán của Viện Năng lượng Việt Nam, tổng nguồn sinh khối vào khoảng 118 triệu tấn/năm bao gồm khoảng 40 triệu tấn rơm rạ, 8 triệu tấn trấu, 6 triệu tấn bã mía và trên 50 triệu tấn vỏ cà phê, vỏ đậu, phế thải gỗ... Nguồn sinh khối chủ yếu của nước ta gồm gỗ và phụ phẩm cây trồng, trong đó gồm rừng tự nhiên, rừng trồng, cây trồng phân tán, cây công nghiệp và cây ăn quả, phế phẩm gỗ công nghiệp. Theo Viện Năng lượng - Bộ Công Thương, tiềm năng sinh khối gỗ năng lượng lên đến gần 25 triệu tấn, tương đương với 8,8 triệu tấn dầu thô. Riêng tiềm năng năng lượng sinh khối phụ phẩm nông nghiệp của nước ta gồm rơm, rạ, trấu, bã mía và các loại nông sản khác lên đến gần 53,5 triệu tấn, tương đương với 12,8 triệu tấn dầu thô. Đặc biệt nguồn năng lượng này sẽ liên tục được tái sinh và tăng trưởng đều đặn trong vòng 30 năm.

Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương có lợi thế gần khu vực Đồng bằng sông Cửu Long có nguồn phụ phẩm từ nông nghiệp, lâm nghiệp phong phú, đa dạng và trữ lượng lớn. Bên cạnh đó, phế phẩm trong chế biến các loại cây công nghiệp, sản xuất hoa quả, thực phẩm... cũng đa dạng nên hoàn toàn có thể ổn định được nguồn cung nguyên vật liệu.

Công ty Đông Dương luôn chủ động tìm kiếm các đối tác uy tín cung ứng các sản phẩm liên quan tới xây dựng hệ thống hơi nhiệt Biomass và điện trong và ngoài nước nhằm xây dựng được một hệ thống các nhà cung cấp chiến lược và lâu dài, đảm bảo nguồn cung ứng trang thiết bị máy móc ổn định phục vụ cho quá trình hoạt động của Công ty. Các nhà cung cấp này đã gắn bó với Công ty trong suốt thời gian qua và sẵn sàng nhằm đảm bảo nguồn cung cho Công ty khi cần thiết.

Bảng 5: Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào

STT	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ	Sản phẩm cung cấp
1	Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Anh Châu	KV4, Đường 3/2, Phường Châu Văn Liêm, Quận Ô Môn, TP. Cần Thơ, VN	Than
2	Công ty Cổ phần CL	Lô 2.9A6, đường số 06, KCN Trà Nóc II, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, Tp. Cần Thơ	Mùn cưa - gỗ băm - Than
3	Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Cơ khí Đại Nam	11A Lý Đạo Hành, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Mùn cưa - gỗ băm - Than
4	Công Ty TNHH Nhà Máy Bia Heineken Việt Nam- Tiền Giang	KCN Mỹ Tho, Xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, T. Tiền Giang	Hèm tươi
5	Công ty TNHH Nhà Máy Bia Heineken Việt Nam - Vũng Tàu	Khu Công Nghiệp Mỹ Xuân A, Phường Mỹ Xuân, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, VN	Hèm tươi
6	Công Ty TNHH TM SX Và XD Hồng Phát	P7-38 OT07, Tòa nhà Park 7, Khu Vinhomes Central Park, 720A Điện Biên Phủ, P.22, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	Mùn cưa - gỗ băm - Than
7	Công ty TNHH Công nghệ Và Môi trường Nam Khang	431A Đường Hoàng Văn Thụ, P4, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Mùn cưa - gỗ băm - Than
8	Công ty TNHH SX TM Xuất Nhập Khẩu Việt Sơn	Phòng 4.01, Tầng 4, Tòa nhà The Prince Residence, số 19-21 Nguyễn Văn Trỗi, P. 12, Q. Phú Nhuận, TP.HCM	Mùn cưa - gỗ băm - Than

(Nguồn: CTCP Đầu tư Công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

❖ **Ảnh hưởng của giá nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận**

Giá của nguyên vật liệu đầu vào ảnh hưởng trực tiếp tới doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Giá nguyên vật liệu đầu vào tăng khiến cho Công ty sẽ phải điều chỉnh tăng giá của sản phẩm đầu ra với các khách hàng mới, có thể sẽ khiến lượng khách hàng mới giảm sút đáng kể. Bên cạnh đó, Công ty sẽ rất khó điều chỉnh tăng đối với những đơn hàng đang thực hiện và với khách hàng quen thuộc do những chính sách ưu đãi của Công ty nhằm xây dựng mối quan hệ hợp tác lâu dài với khách hàng. Vì vậy, giá của nguyên liệu tăng không đồng nghĩa với việc doanh thu Công ty tăng mà còn tiềm ẩn những tác động ngược lại. Hơn thế nữa, giá nguyên liệu đầu vào tăng sẽ kéo theo chi phí sản xuất tăng và chắc chắn sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới lợi nhuận của Công ty. Nắm bắt được điều này, Ban lãnh đạo Công ty vẫn luôn chú trọng tới việc đa dạng hóa nguồn cung, xây dựng mạng lưới các nhà cung ứng theo nhiều cấp độ, nhằm đảm bảo cho nguồn cung được đảm bảo ổn định về giá cả, số lượng và chất lượng.

CTCP ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XNK ĐÔNG DƯƠNG
BẢN CÁO BẠCH

10.2 Tài sản

Bảng 6: Tài sản cố định hữu hình của Công ty (ĐVT: nghìn đồng)

STT	Danh mục tài sản	31/12/2019			31/12/2020			30/06/2021		
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại
1	Nhà cửa vật tư, kiến trúc	28.632.279	25.920.270	90,53	29.422.840	24.574.308	83,52	29.422.840	23.562.023	80,39
2	Máy móc, thiết bị	444.038.781	373.499.692	84,11	477.708.319	374.267.240	78,35	477.708.319	372.138.944	77,9
3	Thiết bị quản lý	599.155	81.652	13,63	599.155	59.337	9,90	599.155	-	-
	Tổng cộng	473.270.215	399.501.614	84,41	507.730.314	398.900.885	78,57	507.730.314	395.790.968	77,95

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC soát xét 6 tháng năm 2021 của DDG)

Bảng 7: Tài sản cố định thuê tài chính (ĐVT: nghìn đồng) (*)

STT	Khoản mục	31/12/2019		31/12/2020		30/06/2021	
		Nguyên giá (đồng)	% Giá trị còn lại	Nguyên giá (đồng)	% Giá trị còn lại	Nguyên giá (đồng)	% Giá trị còn lại
1	Nguyên giá (đồng)	18.205.024		16.162.679		16.162.679	
2	Giá trị còn lại (đồng)	12.561.823		16.084.473		15.276.339	
3	% Giá trị còn lại	69,00%		99,52%		94,52%	

(*) Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là máy móc thiết bị
(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC soát xét 6 tháng năm 2021 của DDG)

CTCP ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XNK ĐÔNG DƯƠNG
BẢN CÁO BẠCH

Bảng 8: Xây dựng cơ bản dở dang (ĐVT: đồng)

STT	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
1	Nhà máy hơi, điện, hèm Heineken Vũng Tàu	-	1.639.650.000	72.486.552.415
2	Nhà máy điện rác Biwase	52.060.683.818	56.078.256.741	97.273.619.879
3	Nhà máy Linh Hương 2	55.150.000	7.418.786.364	19.655.178.297
4	Nhà máy sáy bã hèm Cần Thơ	249.371.494	-	-
5	Xây dựng cơ bản khác	-	-	17.674.622.900
Tổng cộng		52.365.205.312	65.136.693.105	207.089.973.491

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC soát xét 6 tháng năm 2021 của DDG)

Đặc điểm hoạt động dịch vụ cung cấp hơi nhiệt là các khách hàng sử dụng dịch vụ cho Công ty thuê đất để xây dựng hệ thống nhà xưởng và hệ thống lò cung cấp hơi nhiệt trên đó để phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất của khách hàng tại chính địa điểm nhà máy của khách hàng. Do đó, tài sản của Công ty là công trình trên đất và việc thuê đất được tự động gia hạn từng năm theo hoạt động cung cấp hơi nhiệt của Công ty.

Bảng 9: Tình hình tài sản của Công ty

STT	Tên tài sản	Địa chỉ	Diện tích	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Hồ sơ pháp lý
1	Hệ thống nhà xưởng, và hệ thống lò hơi nhiệt Mai Vĩnh	Tân Long, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	391m ²	Cung cấp hơi nhiệt cho công ty Mai Vĩnh	10 năm	+ Hợp đồng chế tạo + lắp đặt+chạy thử lò hơi Công ty Địa Ốc Đất Việt số 38/HĐĐD-DV/2014

STT	Tên tài sản	Địa chỉ	Diện tích	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Hồ sơ pháp lý
2	Hệ thống nhà xưởng, và hệ thống lò hơi nhiệt Nhật Nam	Huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	360 m ²	Cung cấp hơi nhiệt cho Công ty Nhật Nam	10 năm	+ Hợp đồng thi công nhà Xưởng Công ty An Thái số 20/5/20145/ĐD-AT + Hợp đồng chế tạo lò hơi Công ty An Thái hợp đồng số : 0710/2014/HĐKT/AT-KL/NN + Hợp đồng thi công nhà Xưởng Công ty Trung Nghĩa 02/09/2014/HĐTC/TN-DD + Hợp đồng sửa chữa Công ty Hồng Phát 043/2019/HP-DD/HĐKT
3	Hệ thống nhà xưởng, và hệ thống lò hơi nhiệt Linh Hương	Xã Tân Long Hưng, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước	576 m ²	Cung cấp hơi nhiệt cho Công ty Linh Hương	15 năm	+ Hợp đồng máy móc lò hơi Công ty An Thái hợp đồng số : 027/2015/HĐKT/AT-DD + Hợp đồng chế tạo lò hơi Công ty An Thái hợp đồng số : 028/2015/HĐKT/AT-DD + Hợp đồng số 2002/HĐKT/ĐN-DD + Hợp đồng xây dựng nhà xưởng 02/12/2014/HĐTC/DD-TD/LH
4	Hệ thống nhà xưởng, và hệ thống lò hơi nhiệt Heiniken	KCN Mỹ Tho, xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	1.560 m ²	Cung cấp hơi nhiệt cho Công ty Heiniken	15 năm	+ Hợp đồng máy móc lò hơi Công ty An Thái hợp đồng số : 007DD/AT/2014 + Hợp đồng thân chính lò hơi Công ty Đại Nam hợp đồng số : 108/2017/ĐN-ĐD

CTCP ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XNK ĐÔNG DƯƠNG

BẢN CÁO BẠCH

STT	Tên tài sản	Địa chỉ	Diện tích	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Hồ sơ pháp lý
	Hệ thống máy sấy bã hèm tươi			Cung cấp bã hèm sấy khô	8 năm	+ Hợp đồng máy Lường Hiệp số 028/2017/HĐKT/DD-LH + Hợp đồng máy móc Công ty Đông Thành số 2010/2014/HĐKT/DD-ĐT + Hợp đồng xây dựng nhà xưởng CTCP Đông Phương P.A.T số 10/2014/HĐTC/DD-ĐP/PH + Hợp đồng sửa chữa Công ty Nam Khang 1203/HĐKT PH/2019
5	Hệ thống nhà xưởng, và hệ thống lò hơi nhiệt Phước Hòa	Xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	390 m ²	Cung cấp hơi nhiệt cho Công ty Phước Hòa	15 năm	
6	Hệ thống nhà xưởng, và hệ thống lò hơi nhiệt Adeco	Đường số 4 cụm CN Khu Dân Cư Đô Thị Mới, Nhị Xuân, ấp 5 xã Xuân Thới Sơn, huyện Hoắc Môn, Tp.Hồ Chí Minh	88 m ²	Cung cấp hơi nhiệt cho Công ty Adeco	10 năm	+ Hợp đồng lò hơi Công ty Đại Phát số 15052012/ĐPDD-LH + Hợp đồng xây dựng nhà xưởng Công ty Thiên Ân Phú hợp đồng số 02/20112/HĐTC.TAP-DD
7	Hệ thống lò hơi nhiệt Pepsi	KCN Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TP Cần Thơ	7.064 m ²	Cung cấp hơi nhiệt cho Công ty nước giải khát Suntory Pepsico	10 năm	+ Hợp đồng lò hơi Công ty Đại Nam 0506/HĐKT/2017/PEPSI + Hợp đồng tăng CS Công ty Việt Sơn số 1503/HĐMB/VS-DD/2019

CTCP ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XNK ĐÔNG DƯƠNG

BẢN CÁO BẠCH

STT	Tên tài sản	Địa chỉ	Diện tích	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Hồ sơ pháp lý
8	Hệ thống lò hơi nhiệt Đòng Tiến Long An	Lô A216-A217-A218, Đường số 2, KCN Thái Hòa, Ấp Tân Hòa, X.Đức Lập Hạ, H.Đức Hòa, T.Long An, Việt Nam	1.232 m ²	Cung cấp hơi nhiệt cho công ty Nam Tiến Cung cấp hơi nhiệt cho Công ty giấy Đòng Tiến Long An Cung cấp hơi nhiệt cho Công ty Phương Yên	15 năm	+ Hợp đồng xây dựng nhà xưởng Công ty Thiên Xanh số 08/2017/HĐKT/DD-TX + Hợp đồng lò hơi Công ty Đại Nam số 2007/2017/ĐN-DD + Hợp đồng nhà xưởng Công ty Việt Sơn số 1507/2017/DD-VS
9	Hệ thống lò hơi nhiệt Tồn Đông Á	Số 5, đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TX Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	1.200 m ²	Cung cấp hơi nhiệt cho Công ty Tồn Đông Á	10 năm	+ Hợp đồng lò hơi Công ty Đại Phát số 0609/2012/ĐPĐD-LH + Hợp đồng xây dựng nhà xưởng Công ty Thịnh Phát số 0310/2012/HĐTC/ĐD-TP
10	Hệ thống hệ thống lò hơi nhiệt Savimex	162 đường HT17, P Hiệp Thành, quận 12, TP Hồ Chí Minh	192 m ²	Cung cấp hơi nhiệt cho xí nghiệp sản xuất bao bì	7 năm	+ Hợp đồng lò hơi Công ty Đại Phát số 0609/2012/ĐPĐD-LH + Hợp đồng xây dựng nhà xưởng Công ty Vạn Niên số 05/2013/HĐTC/VN-ĐD

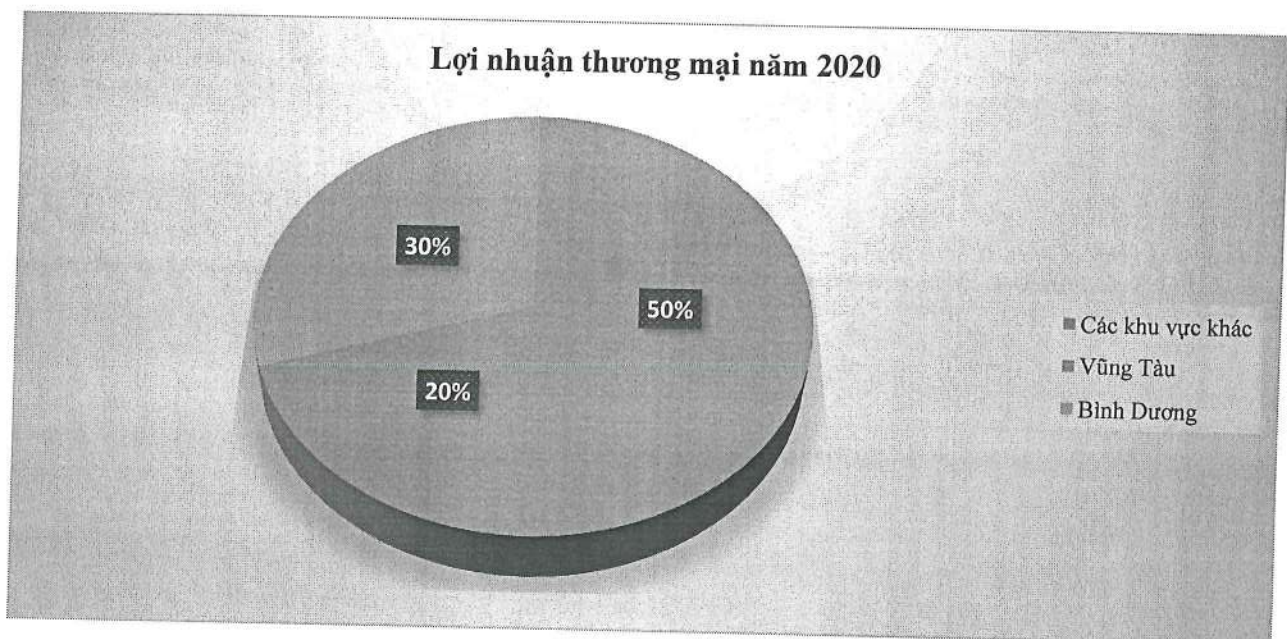
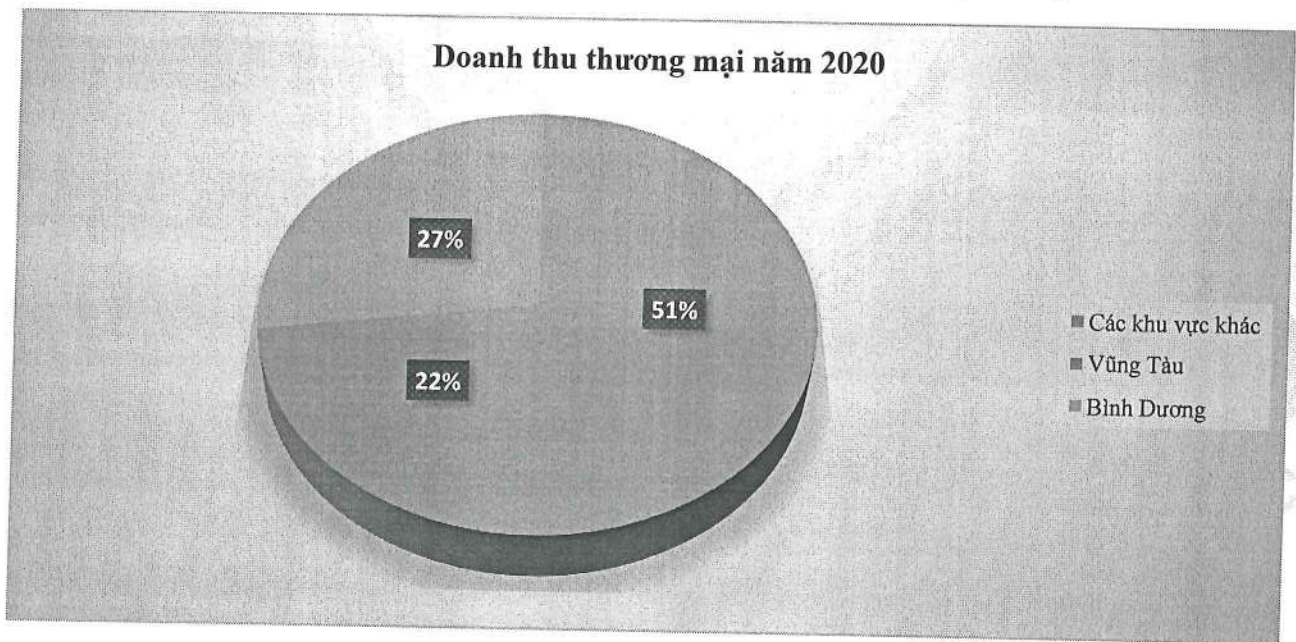
CTCP ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XNK ĐÔNG DƯƠNG
BÁN CÁO BẠCH

STT	Tên tài sản	Địa chỉ	Diện tích	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Hồ sơ pháp lý
11	Hệ thống hệ thống lò hơi nhiệt Yuen Foong Yu	Lô E3 - E4 - E5 - E6, KCN Đức Hòa 1, Ấp 5, Đức Hòa Đông, Đức Hòa, Long An	300 m ²	Cung cấp hơi nhiệt cho xí nghiệp sản xuất bao bì	7 năm	+ Hợp đồng xây dựng nhà xưởng Công ty Hưng Điền số 2012/HĐMB/HĐ-DD/2012 + Hợp đồng cải tạo Công ty An Thái số 1506/2015/HĐKT/AT-DD + Hợp đồng nâng cấp lò Công ty Nam Khang số 2804/2020/HĐKT/NK-DD
12	Hệ thống nhà xưởng, và hệ thống lò hơi nhiệt - điện Heiniken Vũng Tàu	KCN Mỹ Xuân A, Phường Mỹ Xuân, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	13.898,5 m ²	Cung cấp hơi nhiệt, điện cho Công ty Heiniken	15 năm	+ Hợp đồng máy móc Công ty Đại Nam số 0810/HĐKT/DD-ĐN + Hợp đồng thân chính lò Công ty Hồng Phát số 0910/HĐKT/HP-DD + Hợp đồng trạm biến áp Công ty Phúc Đạt số 1510/HĐKT/DD-PD + Hợp đồng xây dựng nhà xưởng Công ty Nam Khang số 1402/2019/HĐKT
	Hệ thống sấy bã hèm tươi			Cung cấp bã hèm sấy khô	8 năm	Hợp đồng hệ sấy Công ty Lương Hiệp số 210/2018/HĐKT/DD-LH

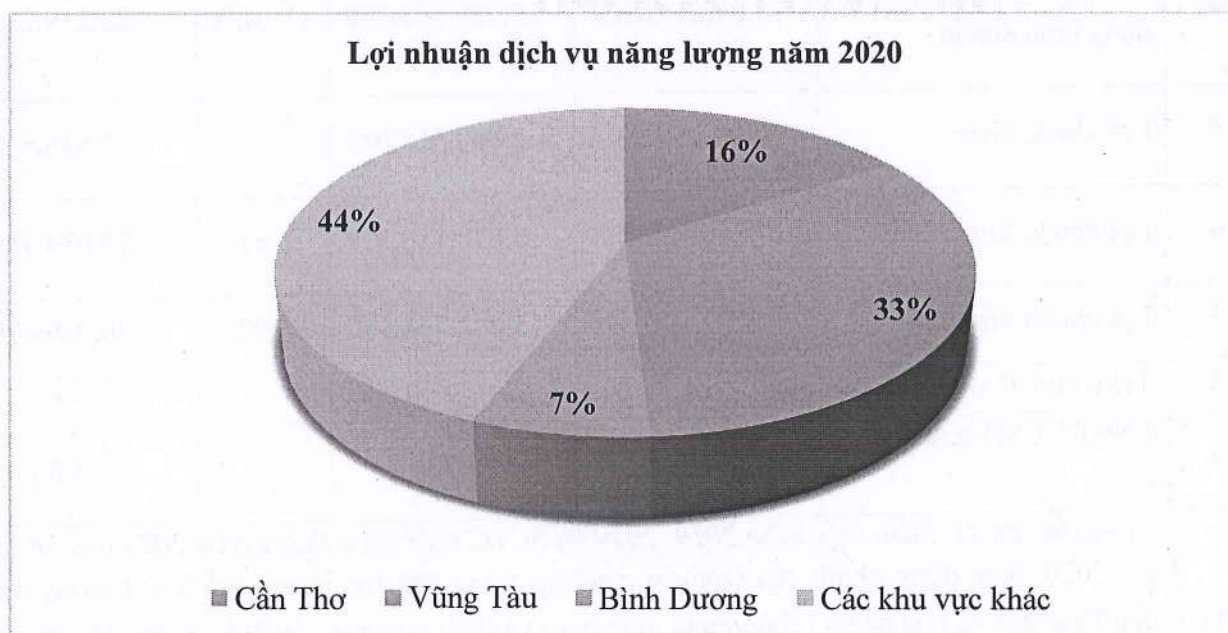
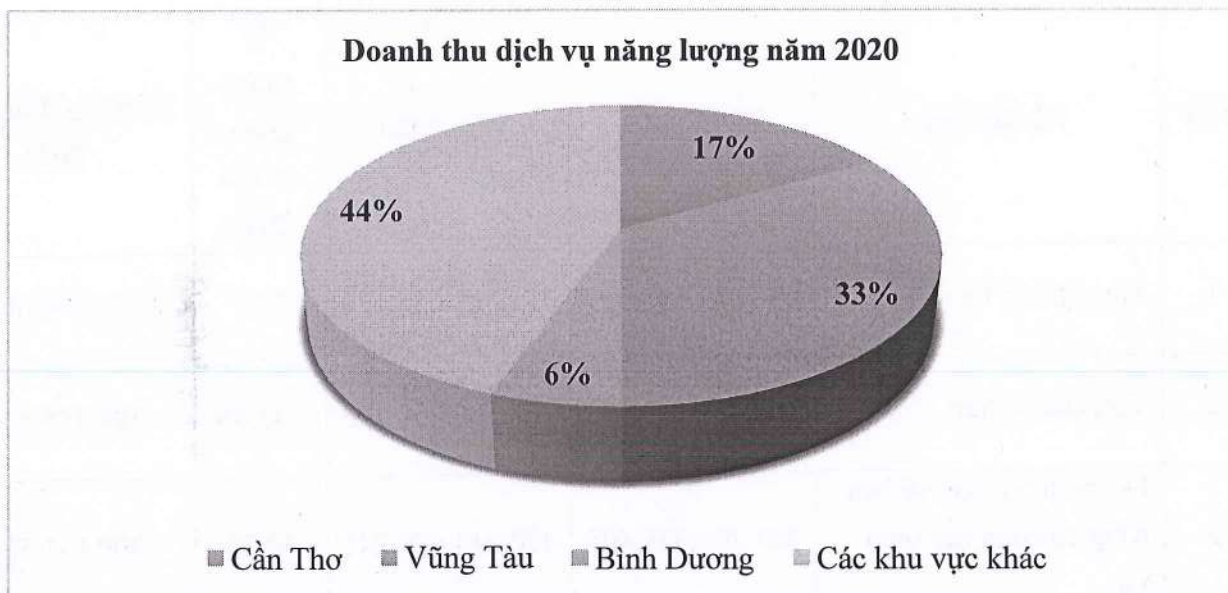
10.3 Thị trường hoạt động

Hiện nay, thị trường hoạt động của Công ty tập trung chủ yếu tại các tỉnh Nam Bộ như: Long An, Bình Dương, Tây Ninh, TP Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Vũng Tàu... Đây là các địa phương phát triển công nghiệp lớn của cả nước, không chỉ có vị trí địa lý thuận lợi mà còn có nguồn nguyên liệu dồi dào.

Hình 15: Doanh thu, lợi nhuận hoạt động thương mại theo thị trường năm 2020



Hình 16: Doanh thu, lợi nhuận hoạt động sản xuất theo thị trường năm 2020



10.4 Báo cáo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty

Bảng 10: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty (ĐVT: đồng)

STT	Khoản mục	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/ giảm so với 2019	6 tháng đầu năm 2021
1	Tổng giá trị tài sản	638.842.545.539	731.488.656.120	14,5	1.096.390.697.057
2	Vốn chủ sở hữu	157.663.123.993	368.705.858.123	133,86	388.765.537.811
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	341.790.829.805	452.014.439.241	32,25	309.691.522.456
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	18.053.192.124	15.989.598.268	(11,43)	22.239.232.048
5	Lợi nhuận khác	(192.199.230)	2.880.518.043	-	2.835.548.366
6	Lợi nhuận trước thuế	17.860.992.894	18.870.116.311	5,65	25.074.780.414
7	Lợi nhuận sau thuế	14.202.590.691	15.042.734.130	5,92	20.059.679.688
8	Trả cổ tức (%)	21	-		-
9	LNST/VCSH bình quân (%)	9,43	5,72		5,30

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC soát xét 6 tháng năm 2021 của DDG)

Năm 2020, hoạt động chính của Công ty vẫn tập trung vào hai mảng chính là thương mại nhiên liệu Biomass và phế phẩm (chủ yếu là mùn cưa) và dịch vụ cung cấp hơi - nhiệt. Doanh thu năm 2020 của Công ty đạt trên 452 tỷ đồng tăng 32,25% so với năm 2019, đây là mức tăng trưởng tích cực trong tình hình dịch bệnh Covid -19 có các tác động tiêu cực tới toàn bộ nền kinh tế. Lợi nhuận sau thuế năm 2020 của Công ty chỉ đạt trên 15 tỷ đồng tăng 5,92% so với năm 2019. Doanh thu của Công ty tăng mạnh, tuy nhiên các yếu tố về giá vốn và chi phí tài chính trong năm phát sinh lớn làm cho mức lợi nhuận chưa đạt tăng trưởng như kỳ vọng. Trong năm 2021, Công ty sẽ thực hiện mở rộng và đầu tư thêm thiết bị để cung cấp hơi, hóa lỏng CO2 cho Nhà máy Heineken Vũng Tàu, sấy hèm tại KCN Trà Nóc – Cần Thơ, đây là tiền đề cho sự gia tăng về

doanh thu, lợi nhuận của Công ty trong những năm tiếp theo.

6 tháng đầu năm 2021, lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng trưởng mạnh đạt gần 20,1 tỷ đồng bằng 133,35% lợi nhuận của cả năm 2020 và đạt 40,12% kế hoạch lợi nhuận của năm 2021. Lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng do giảm được giá vốn hàng bán trong cơ cấu chi phí giúp cho biên lợi nhuận của Công ty tăng.

10.5 Các hợp đồng lớn

Bảng 11: Danh sách một số hợp đồng tiêu biểu đã và đang thực hiện

STT	Đối tác	Ngày ký	Thời hạn (năm)	Sản phẩm cung cấp	Giá trị Hợp đồng (VND)/năm
1	Công ty Cổ phần Tôn Đông Á	08/2012	7	Cung cấp hơi	5.500.000.000
2	Công ty TNHH Giấy Yuen Foong Yu (Việt Nam)	12/2012	10	Cung cấp hơi	11.000.000.000
3	CTCP Hợp tác Kinh tế và XNK Savimex	07/2013	8	Cung cấp hơi	1.500.000.000
4	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại & Dịch vụ Mai Vĩnh	04/2014	10	Cung cấp nhiệt	6.800.000.000
5	Công ty TNHH Nhà máy Bia Heineken Việt Nam	05/2014	5	Cung cấp hơi	76.000.000.000
6	Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Nhật Nam	05/2014	10	Cung cấp nhiệt	3.500.000.000
7	Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	09/2014	10	Cung cấp nhiệt	4.800.000.000
8	Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Linh Hương	09/2014	Tối thiểu 2 năm	Cung cấp nhiệt	8.700.000.000
9	CN Tổng Công ty NN Sài Gòn TNHH MTV – Công ty Chăn nuôi & CBTP Sài Gòn	06/2015	7	Cung cấp hơi	2.000.000.000
10	Công ty Cổ phần Giấy Đồng Tiến - Long An	01/2017	1 (gia hạn từng năm)	Cung cấp mùn cưa	24.000.000.000
14	Chi Nhánh Công ty Pepsico Việt Nam tại Tp.	2018	3 (gia hạn 5 năm)	Cung cấp hơi	24.000.000.000

STT	Đối tác	Ngày ký	Thời hạn (năm)	Sản phẩm cung cấp	Giá trị Hợp đồng (VND)/năm
	Cần Thơ				
11	Công ty TNHH Xây dựng và Sản xuất Thiết bị Thống Nhất	2019	1 (gia hạn từng năm)	Cung cấp mùn cưa	130.000.000.000
12	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Phát	2019	1 (gia hạn từng năm)	Bã hèm sấy khô	48.000.000.000
13	Công ty Cổ phần Greenfeed Việt Nam	2020	1 (gia hạn từng năm)	Bã hèm sấy khô	12.000.000.000
Tổng giá trị					357.800.000.000

(Nguồn: CTCP Đầu tư Công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

10.6 Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 12: Danh sách một số nhà cung cấp lớn

STT	Nhà cung cấp	Thời gian mua	Sản phẩm cung cấp	Giá trị Hợp đồng (VND)/năm
1	Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Thương Mại Anh Châu	Năm 2019	Nhiên liệu	5.000.000.000
2	Công Ty Cổ Phần CL	Năm 2019	Nhiên liệu	80.000.000.000
3	Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Cơ khí Đại Nam	Năm 2020	Nhiên liệu	27.000.000.000
4	Công ty TNHH Thương mại Sản xuất và Xây dựng Hồng Phát	Năm 2021	Nhiên liệu	60.000.000.000
4	Công ty TNHH Thương mại Sản xuất và Xây dựng Hồng Phát	Năm 2021	Cung cấp và thi công Thiết bị	30.000.000.000
5	Công ty TNHH Cơ khí Hồng Thịnh	Năm 2020	Cung cấp và thi công thiết bị	13.000.000.000
6	Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Minh Phương	Năm 2020	Nhiên liệu	18.000.000.000
7	Công ty TNHH Công nghệ và Môi trường Nam Khang	Năm 2021	Nhiên liệu	80.000.000.000
7	Công ty TNHH Công nghệ và Môi trường Nam Khang	Năm 2020	Cung cấp và thi công	50.000.000.000

STT	Nhà cung cấp	Thời gian mua	Sản phẩm cung cấp	Giá trị Hợp đồng (VND)/năm
			thiết bị	
8	Công ty TNHH Sản xuất Xuất nhập khẩu Thương mại Thịnh Quang	Năm 2020	Cung cấp và thi công Thiết bị	19.000.000.000
9	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Sơn	Năm 2020	Nhiên liệu	20.000.000.000
9	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Sơn	Năm 2020	Cung cấp và thi công Thiết bị	12.000.000.000
	Tổng giá trị			414.000.000.000

(Nguồn: CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

10.7 Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

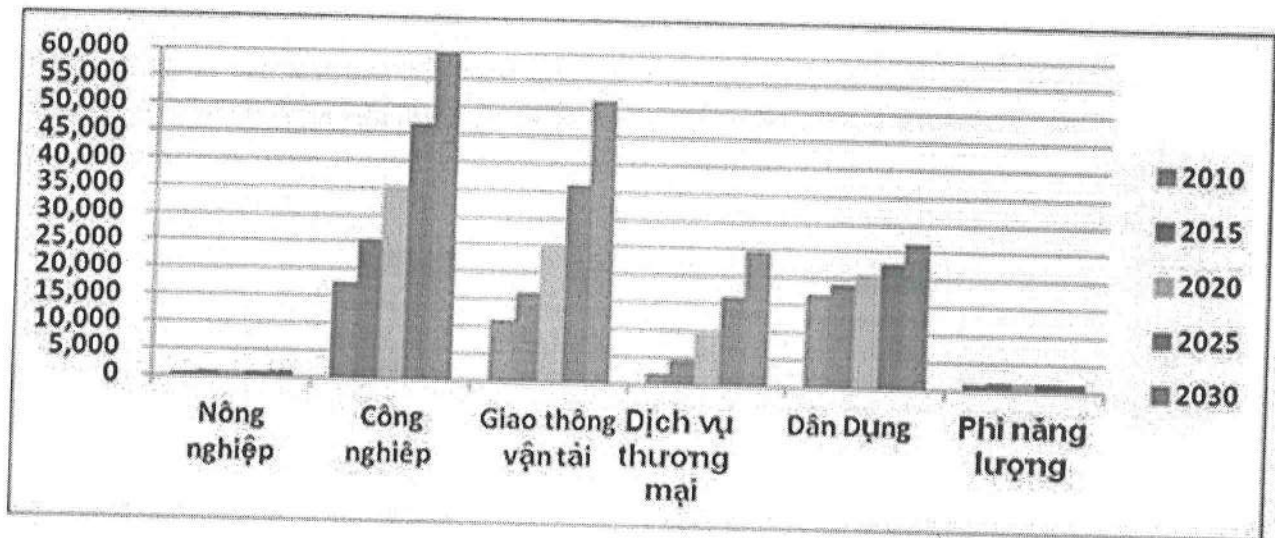
❖ Vị thế của Công ty trong ngành

Lợi thế cạnh tranh của Công ty là sự tinh gọn trong cơ cấu tổ chức và vận hành. Lực lượng lao động của Công ty dồi dào có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm. Bên cạnh đó, các thiết bị máy móc và công nghệ điều khiển nhà máy hiện đại, đạt tiêu chuẩn chất lượng cao và được cung cấp từ các nước có trình độ kỹ thuật tiên tiến. Nhờ đó, những sự cố về máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất hầu như không xảy ra và đảm bảo chất lượng tốt cung cấp cho khách hàng.

❖ Triển vọng phát triển của ngành

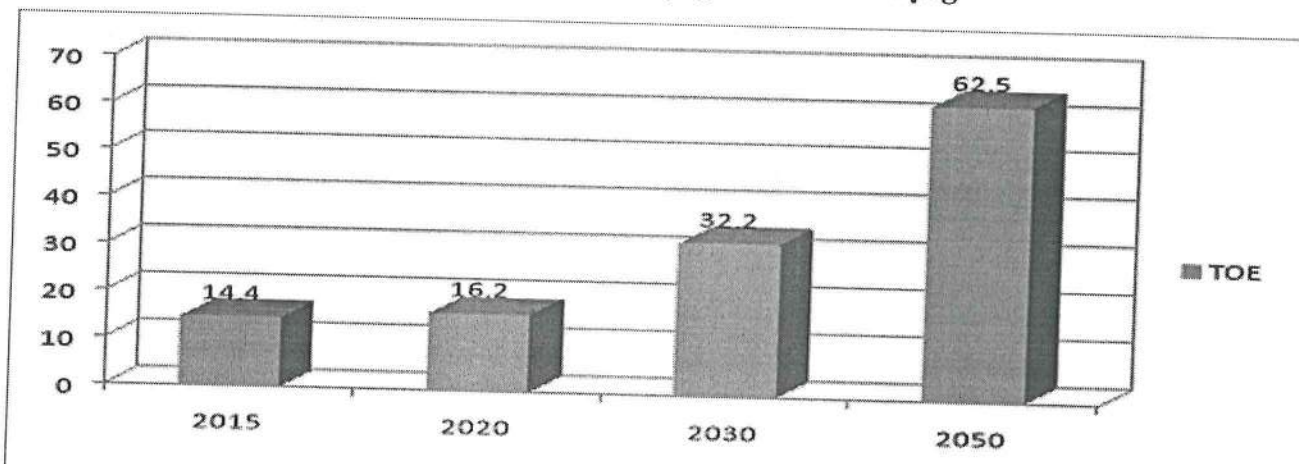
Trong bối cảnh nguồn tài nguyên dầu mỏ, khí thiên nhiên, than đá ngày một cạn kiệt, các nguồn năng lượng mới như: quang năng, phong năng, thủy năng, năng lượng sinh học đang là giải pháp xanh mà con người hướng đến. Hiện nay trên quy mô toàn cầu, sinh khối là nguồn năng lượng lớn thứ tư, chiếm tới 14-15% tổng năng lượng tiêu thụ của thế giới. Ở các nước đang phát triển, sinh khối thường là nguồn năng lượng lớn nhất, trung bình đóng góp khoảng 35% trong tổng cung cấp năng lượng. Vì vậy, năng lượng sinh khối giữ một vai trò quan trọng trong các kịch bản năng lượng soạn thảo của nhiều tổ chức quốc tế và có khả năng sẽ giữ vai trò sống còn trong việc đáp ứng nhu cầu năng lượng của thế giới trong tương lai.

Hình 17: Tình hình sử dụng năng lượng ở Việt Nam giai đoạn 2010 - 2030



Theo số liệu dự báo của Viện Chiến lược, Chính sách Tài nguyên và Môi trường Việt Nam, nhu cầu sử dụng năng lượng của ngành công nghiệp là rất lớn, do vậy phát triển ngành năng lượng cũng được quan tâm và chú trọng hơn. Cũng theo Quyết định số 2068/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Việt Nam định hướng phát triển mạnh mẽ nguồn năng lượng sinh khối.

Hình 18: Tổng năng lượng sinh khối sử dụng



Ghi chú: TOE là đơn vị tiêu thụ năng lượng

Với lợi thế là quốc gia nông nghiệp, Việt Nam có nguồn sinh khối lớn và đa dạng, bao gồm: gỗ, củi, trấu, rơm rạ, vỏ hạt điều, bã mía, các loại phụ phẩm nông nghiệp khác. Ước tính hàng năm Việt Nam có trên 60 triệu tấn sinh khối từ phế phẩm nông nghiệp, đây là nguồn nguyên liệu đầu vào đa dạng với trữ lượng lớn cho các doanh nghiệp trong ngành.

❖ **So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành**

Hiện tại, trong hoạt động của Công ty, doanh thu từ mảng hoạt động thương mại chiếm tỷ trọng cao hơn trong cơ cấu doanh thu thuần của Công ty. Tuy nhiên mảng hoạt động cung cấp hơi

– nhiệt đóng góp phần lớn trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty. Công ty Đông Dương là công ty thương mại nhiên liệu Biomass và phế phẩm và cung cấp hơi-nhiệt đầu tiên đăng ký niêm yết trên thị trường chứng khoán. Do đó, các doanh nghiệp được đưa ra so sánh là những công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại nhiên liệu khác như: thương mại xăng dầu (SFC, CMV); thương mại than và các sản phẩm từ than (CLM); và thương mại các sản phẩm nhiên liệu rắn lỏng khác (APP).

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu tài chính năm 2020	CTCP Đầu tư công nghiệp XNK Đông Dương (DDG – HNX)	CTCP Nhiên liệu Sài Gòn (SFC - HSX)	CTCP Thương nghiệp Cà Mau (CMV - HSX)	CTCP XNK than – Vinacomin (CLM - HNX)	CTCP Phát triển phụ gia và sản phẩm dầu mỏ (APP – HNX)
Vốn điều lệ	285,2	112,91	121,04	110	47,25
Doanh thu thuần	454,03	912,17	4.222,12	7.489	189,82
Lợi nhuận sau thuế	15,04	22,72	18,47	46,29	0,015
ROA (%)	2,06%	6,99%	2,85%	3,84%	0,02%
ROE (%)	4,08%	12,29%	8,72%	23,92%	0,03%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của các Công ty

❖ **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung trên thế giới**

Thế giới đang đứng trước nhu cầu gia tăng mạnh mẽ hoạt động khai thác năng lượng phục vụ sự phát triển kinh tế xã hội, đồng thời với việc triển khai các hành động ứng phó với sự gia tăng tác động của biến đổi khí hậu do sử dụng nhiên liệu hóa thạch. Giải pháp cơ bản cho các vấn đề đặt ra trên là khai thác và sử dụng năng lượng tái tạo. Đặc biệt đối với Việt Nam là quốc gia chịu ảnh hưởng mạnh mẽ nhất từ các tác động của hiệu ứng nhà kính, đồng thời là quốc gia sản xuất nông nghiệp tuy nhiên nguồn phế phẩm nông nghiệp lại chưa được sử dụng một cách hiệu quả.

Công ty cũng có những định hướng phát triển phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới về việc phát triển nguồn nhiên liệu sạch, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính và tiết kiệm năng lượng, cụ thể như :

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến, cho ra đời những sản phẩm đúng tiêu chuẩn đảm bảo môi trường xanh sạch của cộng đồng.
- Cung cấp sản phẩm công nghệ, tự động hóa hoàn toàn, vận hành đơn giản gọn đẹp, tiết kiệm năng lượng, có tính cạnh tranh cao nhằm đáp ứng mọi yêu cầu, giảm thiểu tối đa chi phí cho khách hàng.

- Tạo giá trị gia tăng cho Công ty và đem lại lợi ích kinh tế và tinh thần cho mỗi thành viên, nhân viên của công ty, cho khách hàng và đem lại các lợi ích cho xã hội.
- Chú trọng công tác đầu tư máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ để phục vụ tốt nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tận thu nguồn phụ phẩm nông nghiệp đa dạng của một đất nước nông nghiệp như Việt Nam. Tăng cường liên kết với đối tác cùng ngành nghề, liên minh liên kết với các đối tác chiến lược nhằm trao đổi kinh nghiệm, học hỏi công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện mới/hội nhập.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị để duy trì, phát triển thị trường và xuất khẩu hàng hóa.
- Tăng cường công tác quản lý nội bộ, công tác tính giá thành và định mức nhằm kiểm soát chi phí, tiết kiệm tốt đa các chi phí đầu vào để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm để tăng tính cạnh tranh về giá trên thị trường. Đồng thời, chú trọng việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý.

10.8 Hoạt động Marketing

Bên cạnh việc thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, số lượng sản phẩm, Công ty cũng quan tâm tới công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm, phân phối sản phẩm và dịch vụ một cách tốt nhất tới khách hàng. Mỗi thành viên trong Công ty có nghĩa vụ quảng bá thương hiệu và sản phẩm của mình ra ngoài thị trường. Trong năm qua, Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng và đã đạt được những hiệu quả cao. Sản phẩm của Công ty đã được nhiều khách hàng và đối tác biết và tìm đến. Đặc biệt là tại thị trường TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, và các tỉnh lân cận, sản phẩm của Công ty đã hình thành một thương hiệu có uy tín trên thị trường. Hoạt động Marketing của Công ty bao gồm:

❖ Hoạt động xây dựng và quảng bá thương hiệu:

Giá trị của một doanh nghiệp không chỉ được thể hiện bằng doanh thu, lợi nhuận, tài sản của doanh nghiệp mà còn được thể hiện qua thương hiệu doanh nghiệp. Sau hơn 6 năm hoạt động trong lĩnh vực thiết kế, lắp đặt và đầu tư xây dựng hệ thống hơi nhiệt – điện, thương hiệu Đông Dương đã được khẳng định và được nhiều khách hàng và đối tác ghi nhận.

❖ Hoạt động quảng cáo, tiếp thị:

Công ty đã và đang tích cực quảng bá thương hiệu, uy tín của mình thông qua các kênh thông tin hiện đại để thông tin được truyền tải tới khách hàng đa dạng và chi tiết hơn. Đặc biệt là thông qua website của Công ty và một số website chuyên ngành công nghệ liên quan tới hệ thống cung cấp hơi nhiệt – điện. Bên cạnh đó, kênh quảng cáo truyền miệng được đánh giá là kênh hiệu quả nhất trong lĩnh vực này. Uy tín và thương hiệu của Công ty luôn là yếu tố khẳng định chất lượng đối với các đối tác và bạn hàng.

❖ Chính sách giá cả:

Bên cạnh chất lượng, chính sách giá cả là yếu tố quyết định đến tính cạnh tranh trong mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh. Để thực hiện bình ổn giá và cung cấp sản phẩm dịch vụ chất lượng với mức giá hợp lý nhất, Công ty luôn chủ động đa dạng hóa nguồn cung để có được

mức giá tốt nhất kể từ khâu đầu vào, luôn đề cao tinh thần tiết kiệm và duy trì trách nhiệm cao trong hoạt động kinh doanh, nhằm mang tới khách hàng mức giá tối ưu nhất. Cùng với đó sự linh hoạt trong các quyết định kinh doanh của Ban Lãnh đạo dưới sự đề xuất của Phòng Kinh doanh và Phòng Kỹ thuật, giúp cho chính sách giá của Công ty luôn được bổ sung thay đổi cho phù hợp với tình hình thị trường.

❖ **Các kênh phân phối:**

Hiện tại, Công ty đang có 5 chi nhánh hoạt động như những nhà phân phối độc lập giúp sản phẩm của Đông Dương có thể đến được tay khách hàng tại những thị trường địa phương và hoạt động khá hiệu quả đem lại những hợp đồng lâu dài, tạo doanh thu ổn định và tăng trưởng cho Công ty. Ngoài ra, Công ty vẫn đang triển khai xây dựng các kênh phân phối ngoài những địa bàn truyền thống như TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Tiền Giang, nhằm mở rộng thêm thị trường.

10.9 Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Logo và nhãn hiệu của Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương:



Biểu tượng trên được Công ty thống nhất dùng làm nhãn hiệu cho các sản phẩm và dịch vụ của Công ty. Hiện nay, Logo và nhãn hiệu đang được Công ty thực hiện đăng ký bản quyền.

Công ty đã được nhận bằng độc quyền giải pháp hữu ích cho sáng chế “Dây chuyền thiết bị công nghệ lò hơi bão hòa loại tầng sôi hai cấp kiểu đứng để đốt nhiên liệu sinh khối hiệu suất cao” của Tiến sĩ Nguyễn Thanh Quang – Thành viên Hội đồng quản trị được đưa vào sử dụng cho hoạt động sản xuất của công ty.



10.10 Chính sách nghiên cứu và phát triển

Lĩnh vực thiết kế xây dựng và lắp đặt hệ thống hơi nhiệt – điện là một lĩnh vực thuộc ngành năng lượng sạch và công nghệ cao, đang được ưu tiên đầu tư phát triển không chỉ trong nước mà còn trên thế giới. Công nghệ xây dựng thiết kế hệ thống hơi nhiệt – điện trên thị trường Việt Nam rất đa dạng với tốc độ thay đổi, cải tiến ngày càng nhanh. Chính vì vậy, sự cạnh tranh trong việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới trong lĩnh vực này là rất gay gắt, công ty nào đưa ra được những công nghệ, sản phẩm cải tiến hơn, công ty đó sẽ nhanh chóng chiếm được thị trường. Với lợi thế đội ngũ nòng cốt là các nhân viên thâm niên, cán bộ nghiên cứu đầu ngành về công nghệ năng lượng mới, Công ty luôn chú trọng việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, đặc biệt là nghiên cứu hệ thống cung cấp hơi nhiệt – điện nhằm tối đa hóa năng lực sản xuất, tiết kiệm nguyên, nhiên liệu. Các phòng ban, bộ phận liên quan đến kinh doanh và kỹ thuật luôn có sự phối hợp chặt chẽ, nhằm nắm bắt nhu cầu của thị trường, theo dõi công nghệ của đối thủ cạnh tranh, đưa ra các chính sách phát triển sản phẩm mới cho hợp lý và hiệu quả.

10.11 Chiến lược kinh doanh

Trong giai đoạn 2021-2024, Công ty ưu tiên nguồn lực để hoàn thành các hạng mục tiếp theo tương ứng với các giai đoạn phát triển mở rộng của nhà máy bia Heineken Việt Nam tại Vũng Tàu, đồng thời công ty sẽ đầu tư thêm thiết bị để tận dụng khai thác hết các sản phẩm giá trị gia tăng từ nhà máy cung cấp hơi nhiệt như hệ thống CO2, sấy hèm.

Bên cạnh đó, công ty tập trung phát triển theo định hướng như sau:

- Tập trung vào ba mục tiêu chính là: năng lượng xanh, năng lượng tái tạo, tiết giảm năng lượng cho các đơn vị sản xuất.
- Tập trung vào doanh nghiệp lớn có uy tín, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (FDIs).
- Chọn các doanh nghiệp (dự án) có nhu cầu lớn về hơi, nhiệt - điện để hợp tác.
- Tập trung vào thị trường lớn và hiệu quả cao; khu và cụm công nghiệp có nhu cầu cung cấp hơi - nhiệt - điện, năng lượng tái tạo, tái sử dụng phế phẩm.
- Nhà máy điện rác sử dụng rác dân dụng và công nghiệp, các khu liên hợp xử lý rác với công suất khoảng 300 tấn ngày đem kết hợp dùng rác để sản xuất điện.
- Đầu tư công nghệ liên quan đến nhiệt xử lý môi trường như: sấy, cô đặc, sấy bã hèm bia, ...
- Gia công, sản xuất các thiết bị máy móc phục vụ cho ngành hơi nhiệt và liên quan đến năng lượng tái tạo.

11. Chính sách đối với người lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của một tổ chức. Do vậy, Công ty luôn đặt định hướng xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, có mong muốn cống hiến lâu dài.

Bảng 13: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 30/06/2021

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ chuyên môn	156	100,0%
- Trên đại học	2	1,3%
- Đại học	36	23,1%
- Cao đẳng	21	13,5%
- Công nhân kỹ thuật đã qua đào tạo	22	14,1%
- Lao động phổ thông	75	48,1%
Phân theo hình thức làm việc	156	100,0%
- Lao động hợp đồng dài hạn	7	4,5%
- Lao động hợp đồng ngắn hạn	149	95,5%
- Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	0	0,0%
Phân loại theo tính chất công việc	156	100,0%
- Lao động trực tiếp	112	71,8%
- Lao động gián tiếp	44	28,2%

(Nguồn: CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương)

❖ **Chế độ làm việc**

- **Thời gian làm việc:** đối với lao động trực tiếp: 3 ca làm việc/ngày, 24 ngày làm việc/tháng; đối với lao động gián tiếp: 2 ca làm việc/ngày, 22 ngày làm việc/tháng. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu cán bộ nhân viên làm thêm giờ và thực hiện các chế độ trợ cấp thêm giờ theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.
- **Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết:** Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động. Những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép.
- **Nghỉ ốm, thai sản:** Nhân viên Công ty khi nghỉ ốm sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động. Trong thời gian nghỉ thai sản (06 tháng) người lao động sẽ được nhận trợ cấp thai sản tương đương 06 tháng tiền lương và 02 tháng lương tối thiểu chung do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả.
- **Điều kiện làm việc:** Công ty bố trí văn phòng làm việc cho cán bộ nhân viên khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt trong toàn Công ty.

❖ **Chính sách đào tạo**

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên kỹ thuật, đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân sản xuất, vận hành, trực tiếp lắp đặt máy móc thiết bị. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- **Đối với lao động trực tiếp:** đào tạo tại chỗ trong quá trình làm việc để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.
- **Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật:** Công ty luôn tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn, tổ chức các buổi trao đổi, học tập về kiến thức kỹ thuật và cập nhật những kỹ thuật công nghệ cao tiên tiến trên thế giới, tạo điều kiện để đội ngũ chuyên gia kỹ thuật trong việc thử nghiệm những công nghệ mới và triển khai áp dụng vào thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh.

❖ **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**

- **Chính sách lương:** Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định

của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. Tiền lương được thực hiện theo nguyên tắc phân phối lao động và hiệu quả hoạt động của từng bộ phận. Tiền lương được sử dụng như một đòn bẩy để kích thích người lao động tích cực tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Mức lương bình quân 2020 đối với cán bộ công nhân viên Công ty ở mức 9.000.000 đồng/tháng.

- **Chính sách thưởng:** Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng năng suất lao động và hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung. Ngoài được thưởng các quyền lợi được quy định bởi Luật Lao động, cán bộ nhân viên trong Công ty còn được hưởng một số quyền lợi khác như được ưu tiên mua cổ phiếu và trái phiếu của Công ty. Mức độ ưu đãi tùy thuộc vào mức độ đóng góp của bản thân người lao động cho Công ty. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- **Bảo hiểm và phúc lợi:** Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật Lao động, Nội quy Lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Do hoạt động trong lĩnh vực cung cấp hơi nhiệt – điện nên rủi ro tai nạn lao động hoàn toàn có thể xảy ra bất ngờ mà Công ty không thể lường trước, gây ảnh hưởng và hậu quả nghiêm trọng đến người và tài sản nên Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật Lao động. Vào các ngày lễ, Tết ... Công ty luôn tổ chức đi tham quan, nghỉ mát định kỳ cho CBCNV trong Công ty.

12. Chính sách cổ tức.

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Khi cổ tức được chi trả theo quy định, Công ty vẫn phải đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác khi đến hạn.

Ngày 15/04/2020, Công ty đã phát hành 2.519.943 cổ phiếu để thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 cho các cổ đông với tỷ lệ 100:21.

Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đã thông qua việc không chia cổ tức năm 2020, giữ lại lợi nhuận cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Năm 2020, Công ty thực hiện phát hành 14.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư chiến lược với giá 14.000 đồng/cổ phiếu, huy động được 196.000.000.000 đồng (Một trăm chín mươi sáu tỷ đồng). Mục đích sử dụng vốn đã được quy định tại Nghị quyết số 01/2020/DDG-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh dẫn đến việc hoàn thiện giai đoạn 2 nhà máy điện – rác để sản xuất điện từ nhiệt thừa tại nhà máy xử lý rác Bình Dương với Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương (dự án BIWASE) cũng bị ảnh hưởng về mặt tiến độ, nhu cầu vốn thanh toán cho các hợp đồng tại dự án trên chưa cấp bách. Ngày 30/07/2020 Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương đã tiến hành họp và thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1007/2020/DDG/NQ-HĐQT ngày 30/07/2020 về việc thay đổi phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ, theo đó phương án sử dụng vốn cụ thể như sau:

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Số tiền
1	Vốn huy động từ đợt phát hành cổ phiếu theo Nghị quyết số 01/2020/DDG-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/2020/DDG/NQ-HĐQT ngày 20/04/2020, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/2020/DDG/NQ-HĐQT ngày 11/05/2020 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1007/2020/DDG/NQ-HĐQT ngày 30/07/2020	196.000.000.000
2	Số đã giải ngân thanh toán các khoản nợ (*)	170.000.000.000
3	Số đã giải ngân bổ sung vốn lưu động (**)	26.000.000.000
4	Số còn chưa giải ngân đến ngày 30/11/2020	0

Ghi chú:

(*) Thanh toán cho các khoản nợ vay theo phương án được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 và các Nghị quyết Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

- Ông Trần Kim Cương	58.324.000.000
- Bà Trần Kim Sa	60.000.000.000
- Ông Nguyễn Thanh Quang	51.676.000.000

Tổng cộng

170.000.000.000

(**) Thanh toán bổ sung cho nguồn vốn lưu động theo phương án được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 và các Nghị quyết Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

- Chi Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	701.020.509
---	-------------

- Chi trả cho người lao động	1.739.788.000
- Chi thanh toán cho khách hàng	14.731.241.500
- Chi thanh toán các khoản phải trả ngắn hạn khác	8.827.949.991
Tổng cộng	26.000.000.000

Việc thay đổi phương án sử dụng vốn đã được Công ty báo cáo lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đồng thời tiến hành báo cáo và được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua theo đúng quy định.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty.

Cam kết về Trái phiếu chưa đáo hạn:

- Mã trái phiếu: DDGH2123001.
- Tổng số lượng trái phiếu phát hành: Tối đa 3.000.000 trái phiếu (Ba triệu trái phiếu).
- Khối lượng phát hành (theo mệnh giá): Tối đa 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng).
- Loại hình trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi và không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo.
- Ngày phát hành: 10/05/2021 hoặc một ngày khác nhưng không sớm hơn 01 ngày làm việc trước ngày công bố thông tin đến Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định của Pháp Luật.
- Cam kết về đảm bảo: bảo lãnh thanh toán toàn bộ hoặc một phần lãi, gốc khi đến hạn bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành hoặc tài sản của bên thứ ba theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.
- Mua lại trái phiếu trước hạn: Sau 12 (mười hai) tháng kể từ ngày phát hành, Tổ chức phát hành có quyền yêu cầu mua lại tối đa 50% trái phiếu đã phát hành.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán: Không có

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích:

Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích và đã có công văn cam kết số 0205/2021/DDG/VBCK ngày 14/05/2021 gửi lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam, tuân thủ theo các quy định của Luật kế toán và chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành ở Việt Nam.

Tổng giá trị tài sản của Công ty năm 2020 đạt gần 731,49 tỷ đồng tăng 14,5% so với năm 2019. Năm 2020, các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh và chính sách giãn cách xã hội ảnh hưởng lớn tới việc lưu thông hàng hóa. Ban Lãnh đạo Công ty đã đề ra các chính sách bán hàng ưu đãi và giảm giá hàng bán làm cho biên lợi nhuận năm 2020 giảm so với năm 2019, chính vì vậy tuy doanh thu thuần năm 2020 tăng 32,25% so với năm 2019 đạt mức 452,01 tỷ đồng, nhưng lợi nhuận sau thuế của Công ty chỉ tăng 5,78% so với năm 2019.

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty

❖ Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh năm 2019 – 2020

- Những nhân tố thuận lợi

Tình hình kinh tế - chính trị - xã hội: kinh tế toàn cầu suy thoái do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19, tuy nhiên Việt Nam là một trong số ít các nước đã kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh và tăng trưởng dương. Điều này tạo ra những cơ hội mới cho các thành phần kinh tế phát triển, nguồn vốn đầu tư đổ vào nền kinh tế cũng trở nên dồi dào hơn, tạo điều kiện thu hút vốn, đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Bên cạnh đó, tình hình chính trị - xã hội ổn định tạo điều kiện thuận lợi đáng kể cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp có yếu tố liên quan tới nước ngoài.

Chính sách của Nhà nước: Chủ trương mở cửa hội nhập nền kinh tế của Đảng và Nhà nước tạo điều kiện cho nhiều doanh nghiệp nước ngoài đầu tư phát triển vào khu vực công nghiệp Việt Nam đặc biệt là các ngành công nghiệp chế tạo, công nghiệp năng lượng sạch và giải pháp xử lý môi trường, tạo ra một thị trường tiềm năng cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thiết kế, lắp ráp, đầu tư xây dựng hệ thống hơi nhiệt - điện như của Công ty. Cùng với đó, ngành năng lượng sạch và năng lượng sinh khối đang ngày càng được quan tâm đẩy mạnh phát triển hơn từ các chính sách khuyến khích của Chính phủ. Điều này tạo thuận lợi cho Công ty trong việc tìm kiếm khách hàng và ký kết các hợp đồng chiến lược dài hạn.

Nguồn lực con người: Ban lãnh đạo Công ty năng động, nhạy bén đã xây dựng kế hoạch phát triển cho Công ty phù hợp với năng lực và xu hướng phát triển vĩ mô. Đội ngũ chuyên gia kỹ thuật công nghệ nhiều kinh nghiệm và nguồn nhân công thâm niên, lành nghề, chủ yếu được tuyển dụng ngay tại địa phương là một lợi thế lớn của Công ty.

Nguồn lực sản xuất: Nguồn trang thiết bị kỹ thuật, máy móc sản xuất của Công ty luôn được

quan tâm đúng mức, đảm bảo số lượng, chất lượng và cung cấp kịp thời cho khách hàng. Nguồn nguyên vật liệu đầu vào ổn định luôn đáp ứng đủ để phục vụ sản xuất.

Thị trường tiêu thụ: Hệ thống hơi nhiệt – điện đang được sử dụng rộng rãi trong hầu hết các ngành công nghiệp và mỗi ngành công nghiệp đều có những nhu cầu sử dụng với các mức độ và công suất khác nhau. Với việc các khu công nghiệp, các nhà máy ngày càng được mở rộng như hiện nay thì nhu cầu nôi hơi ngày càng tăng cao. Hơn nữa, Công ty đã xây dựng được những kênh tiêu thụ trong khu vực và trong miền rất ổn định với các đối tác lâu năm.

- **Những nhân tố khó khăn**

Nguồn vốn đầu tư: Việc đầu tư các hệ thống cung cấp hơi nhiệt – điện đòi hỏi chi phí đầu tư ban đầu tương đối lớn nên phần nào gây khó khăn cho Công ty trong việc huy động vốn. Trong khi đó, các điều kiện vay vốn lại đang bị các Ngân hàng thắt chặt vì lo ngại nợ xấu khiến nhiều doanh nghiệp trong đó có Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn để củng cố và phát triển hoạt động sản xuất.

Yếu tố thiên nhiên: Thiên tai trong những năm qua diễn ra nhiều và phức tạp hơn, khiến việc nhập khẩu các máy móc trang thiết bị kỹ thuật, cũng như là quá trình vận chuyển cung ứng các sản phẩm dịch vụ cho khách hàng, và dự trữ nguyên liệu khô như viên nén mùn cưa, củi trấu, củi mùn cưa, viên nén gỗ,... tại Công ty cũng như là cơ sở của đối tác gặp ít nhiều khó khăn.

❖ **Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty kể từ thời điểm 31/12/2020.**

Là một doanh nghiệp hoạt động lâu năm, Công ty đã xây dựng được hệ thống quản trị và kiểm soát tốt, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được ổn định và không phát sinh các biến động lớn từ nội tại doanh nghiệp để ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Tuy nhiên, đầu năm 2021 tình hình dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp tại các nước trong khu vực và có nguy cơ lây nhiễm sang Việt Nam, đây là một biến động lớn có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty, đặc biệt khi hoạt động của Công ty chủ yếu là cung cấp nhiệt, hơi cho các đối tác nước ngoài tại các khu công nghiệp. Để hạn chế tác động của dịch bệnh, cán bộ công nhân viên của Công ty luôn chấp hành tốt các quy định về phòng chống dịch của Bộ Y tế.

2. Tình hình tài chính

2.1 Các chỉ tiêu cơ bản

❖ **Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:**

Bảng 14: Tình hình vốn điều lệ của Công ty (ĐVT: đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Vốn điều lệ	120.000.000.000	285.199.430.000	285.199.430.000

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC soát xét 6 tháng năm 2021 của DDG)

Bảng 15: Nguồn vốn kinh doanh của Công ty (ĐVT: đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I	Nợ phải trả	481.179.421.546	362.782.797.997	707.625.159.246
1	Nợ ngắn hạn	142.057.111.310	196.220.288.328	258.326.593.680
2	Nợ dài hạn	339.122.310.236	166.562.509.669	449.298.565.566
II	Vốn chủ sở hữu	157.663.123.993	368.705.858.123	388.765.537.811
Tổng cộng nguồn vốn		638.842.545.539	731.488.656.120	1.096.390.697.057

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC soát xét 6 tháng năm 2021 của DDG)

Bảng 16: Tình hình vốn chủ sở hữu của Công ty (ĐVT: đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	120.000.000.000	285.199.430.000	285.199.430.000
1	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	120.000.000.000	285.199.430.000	285.199.430.000
2	Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-
II	Thặng dư vốn cổ phần	-	56.000.000.000	56.000.000.000
III	Lợi nhuận chưa phân phối	37.663.123.993	27.506.428.123	48.201.966.418
1	Lợi nhuận chưa phân phối đến cuối kỳ trước	23.460.533.302	12.463.693.993	27.506.428.123
2	Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	14.202.590.691	15.042.734.130	20.059.679.688
Tổng cộng vốn chủ sở hữu		157.663.123.993	368.705.858.123	388.765.537.811

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC soát xét 6 tháng năm 2021 của DDG)

❖ **Trích khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định của Công ty được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Đối với máy móc thiết bị trực tiếp sản xuất được trích khấu hao theo sản lượng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Bảng 17: Thời gian khấu hao của các loại tài sản

Loại tài sản	Thời gian khấu hao ước tính
Nhà cửa vật kiến trúc	05-30
Máy móc thiết bị	03-15
Thiết bị văn phòng	03-06

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của DDG)

❖ **Mức lương bình quân**

Mức lương bình quân cán bộ công nhân viên Công ty năm 2020 là 9.000.000 đồng/người/tháng. So với mức lương cơ bản theo quy định của các cơ quan Nhà nước, mức lương bình quân của Công ty được đánh giá là tốt.

❖ **Tình hình công nợ**

Bảng 18: Các khoản phải thu (ĐVT: đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	133.902.266.869	198.057.236.315	382.647.852.989
1	Phải thu của khách hàng	51.812.807.536	110.338.820.198	100.630.473.244
2	Trả trước cho người bán	81.205.239.059	86.916.118.856	281.330.907.676
3	Phải thu ngắn hạn khác	884.220.274	802.297.261	534.542.877
II	Các khoản phải thu dài hạn	1.069.620.909	2.962.713.706	7.893.828.562
1	Phải thu dài hạn khác	1.069.620.909	2.962.713.706	7.893.828.562
Tổng cộng		134.971.887.778	201.019.950.021	390.389.752.359

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC soát xét 6 tháng năm 2021 của DDG)

Bảng 19: Các khoản phải trả (ĐVT: đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I	Nợ ngắn hạn	142.057.111.310	196.220.288.328	258.326.593.680
1	Phải trả người bán ngắn hạn	31.313.818.803	18.372.298.987	20.230.303.642
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	200.000	-	-
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	4.443.279.723	6.852.363.692	9.893.666.231
4	Phải trả người lao động	2.468.463.075	1.342.884.254	1.240.093.156
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	1.103.652.749	481.978.867	5.249.336.076
6	Phải trả ngắn hạn khác	4.676.858.108	6.855.349.986	4.641.409.568
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	98.050.838.852	162.315.412.542	217.071.785.007
II	Nợ dài hạn	339.122.310.236	166.562.509.669	449.298.565.566
1	Phải trả dài hạn khác	141.922.000.000	1.600.000.000	1.100.000.000
2	Vay và nợ thuê tài chính	197.200.310.236	164.962.509.669	448.198.556.566
Tổng cộng		481.179.421.546	362.782.797.997	707.625.159.246

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC soát xét 6 tháng năm 2021 của DDG)

Căn cứ vào báo cáo kiểm toán và báo cáo tài chính của Công ty, Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Bảng 20: Các khoản phải nộp nhà nước (ĐVT: đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
1	Thuế giá trị gia tăng	238.893.805	458.668.828	142.770.815
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.086.721.341	6.328.999.918	9.735.698.441
3	Thuế thu nhập cá nhân	102.467.602	49.497.971	(19.101.519)
4	Thuế khác	15.196.975	15.196.975	15.196.975
Tổng cộng		4.443.279.723	6.852.363.692	9.893.666.231

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC soát xét 6 tháng năm 2021 của DDG)

Công ty luôn thực hiện nghiêm túc việc hạch toán và thực hiện nộp đầy đủ các nghĩa vụ phải nộp, không có khoản nợ đối với các khoản Thuế giá trị gia tăng, thuế Thu nhập doanh nghiệp, thuế Thu nhập cá nhân và các khoản phải nộp khác theo quy định của Nhà nước.

❖ **Trích lập các quỹ**

Theo Luật doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng quỹ hàng năm được Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và theo pháp luật hiện hành. Hiện tại, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021, Công ty tạm thời chưa trích lập các quỹ để tập trung nguồn lực tài chính cho các hoạt động kinh doanh sắp tới.

CTCP ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XNK ĐÔNG DƯƠNG
BÁN CÁO BẠCH

❖ **Tổng dư nợ vay**

Bảng 21: Vay và nợ thuê tài chính của Công ty (ĐVT: đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I	Vay ngắn hạn			
1	Ngân hàng TMCP Đông Á	71.990.000.000	122.862.561.422	177.145.095.212
2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	30.700.000.000	-	-
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	29.890.000.000	27.730.000.000	34.400.000.000
4	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	8.400.000.000	21.900.000.000	10.400.000.000
5	Ngân hàng Citibank Việt Nam	3.000.000.000	41.091.650.000	41.482.000.000
6	Ngân hàng TMCP Quân đội	-	12.450.911.422	8.156.329.292
7	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	19.690.000.000	37.930.000.000
II	Vay dài hạn đến hạn trả			
1	Ngân hàng TMCP Đông Á	26.060.838.852	37.781.630.068	38.255.468.742
2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	2.573.333.338	-	-
3	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	-	-
4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7.501.505.514	7.466.844.738	-
5	Ngân hàng TMCP Quân đội	15.986.000.000	28.926.000.000	36.156.000.000
6	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	1.388.785.330	1.199.468.742
III	Nợ thuê tài chính đến hạn trả			
1	Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	-	1.671.221.052	1.671.221.053
IV	Vay dài hạn			
1	Ngân hàng TMCP Đông Á	197.200.310.236	158.277.625.458	449.298.565.566
		4.079.999.986	-	-

CTCP ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XNK ĐÔNG DƯƠNG
BẢN CÁO BẠCH

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	9.828.686.000	6.245.078.000	-
3	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	11.430.004.000	4.756.588.000	-
4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	171.861.620.250	133.943.620.250	121.353.719.000
5	Ngân hàng TMCP Quân đội	-	13.332.339.208	9.995.572.887
6	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	11.900.000.000
7	Phát hành trái phiếu (*)	-	-	300.000.000.000
8	Phải trả dài hạn khác	-	-	1.100.000.000
V	Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	5.849.273.679
I	Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	-	6.684.884.211	5.849.273.679
Tổng cộng		295.251.149.088	327.277.922.211	665.270.350.573

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC soát xét 6 tháng năm 2021 của DDG)

- (*) Đây là khoản phát hành trái phiếu riêng lẻ không chuyển đổi có Tài sản đảm bảo
- Số lượng trái phiếu phát hành: 3.000.000 trái phiếu. Mệnh giá trái phiếu 100.000 đồng/trái phiếu;
- Lãi suất trái phiếu: 11,5%/năm, trả lãi 06 tháng/lần;
- Kỳ hạn trái phiếu: 02 năm – đáo hạn ngày 10/05/2023;

❖ **Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất**

Việc phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty trong năm 2021 có thể ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính của Công ty. Theo kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, phần vốn phát hành thêm được sử dụng để đầu tư mở rộng các nhà máy, mua thêm máy móc thiết bị và bổ sung vốn lưu động. Trường hợp thiếu hụt nguồn vốn, Công ty sẽ sử dụng các nguồn vốn khác để bù đắp phần vốn thiếu hụt, do đó trong ngắn hạn sẽ gia tăng áp lực tài chính cho Công ty.

2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020
1. Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,3	1,26
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,28	1,22
2. Cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	75,32	49,60
Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	%	305,19	98,39
3. Năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,66	0,66
Vòng quay vốn lưu động	Vòng	12,71	9,72
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	47,56	81,09
4. Khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)	%	4,16	3,33
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA)	%	2,74	2,20
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	9,43	5,72
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	VNĐ/cổ phần	1.184	772

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 của DDG)

❖ **Khả năng thanh toán**

Các chỉ số về khả năng thanh toán phản ánh mức độ an toàn tài chính, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn và đảm bảo Công ty không rơi vào tình trạng kiệt quệ. Hệ số thanh toán ngắn hạn được của Công ty được duy trì ổn định và lớn hơn 1 qua các năm, phản ánh Công ty có thể hoàn toàn bù đắp đủ các nghĩa vụ nợ phát sinh.

❖ **Cơ cấu vốn**

Hệ số nợ/tổng tài sản của Công ty có xu hướng giảm dần qua các năm, đạt tương ứng 75,32%

năm 2019 và 49,6% năm 2020, ở mức trung bình so với các doanh nghiệp cùng ngành. Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2019 và 2020 lần lượt là 305,19% và 98,39%, tuy hệ số giảm nhưng vẫn là mức tương đối cao, do Công ty đang trong giai đoạn mở rộng sản xuất và đầu tư các dự án mới. Việc tận dụng tốt các đòn bẩy tài chính và quản lý hiệu quả sản xuất sẽ giúp cho Công ty có thêm nguồn lực để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

❖ **Năng lực hoạt động**

Vòng quay hàng tồn kho của Công ty là tương đối cao đạt 47,56 vòng năm 2019 và 81,09 vòng năm 2020, do đặc thù của hoạt động cung cấp nhiệt và hơi, sản phẩm sản xuất ra cung ứng trực tiếp cho khách hàng tại nhà máy nên lượng hàng tồn kho ít. Vòng vốn lưu động giảm từ 12,71 vòng năm 2019 xuống còn 9,72 vòng năm 2020.

❖ **Khả năng sinh lời**

Nhìn chung các chỉ số sinh lời năm 2020 của Công ty giảm so với năm 2019 do tác động tiêu cực của dịch bệnh ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương tại ngày 31/12/2019 và 31/12/2020 cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Bảng 22: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 (ĐVT: đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Năm 2021	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2020
Vốn điều lệ	285.199.430.000	570.398.860.000	100%
Doanh thu thuần	452.014.439.241	580.000.000.000	28,31%
Lợi nhuận sau thuế	15.042.734.130	50.000.000.000	232,39%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	3,33	8,62	158,86%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (%)	5,72	11,69	104,37
Tỷ lệ cổ tức	-	-	

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của DDG)

4.2 Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Kế hoạch doanh thu 2021 dựa trên các hợp đồng đã và đang thực hiện với khách hàng của những năm trước, doanh thu năm 2021 dự kiến tăng 28% so với năm 2020 chủ yếu là do sự đóng góp đáng kể từ mảng cung cấp dịch vụ năng lượng và kế hoạch tăng công suất của nhà máy bia Heineken Việt Nam tại Vũng Tàu.

Bên cạnh đó, Công ty đầu tư phát triển khai thác thêm các mảng khác từ nhà máy cung cấp hơi nhiệt cho Heineken Vũng Tàu như thu hồi và sản xuất khí CO₂. Về mảng thương mại, Công ty vẫn tiếp tục thực hiện cung cấp các sản phẩm như: mùn cưa, gỗ băm tươi, than đá... cho các đối tác. Ngoài ra, tại Chi nhánh Long An - Công ty phát triển thêm mảng gia công sản xuất và thương mại máy móc thiết bị cơ khí phục vụ cho ngành hơi nhiệt, làm tăng thêm doanh và thu lợi nhuận cho Công ty.

Lợi nhuận năm 2021 dự kiến tăng đáng kể so với năm 2020 bởi vì nguồn lợi nhuận này đến từ mảng cung cấp dịch vụ năng lượng cho khách hàng, chủ yếu từ nhà máy Heineken tại Vũng Tàu. Doanh thu mảng dịch vụ năng lượng năm 2021 dự kiến chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu, cụ thể tỷ trọng doanh thu mảng dịch vụ năng lượng kế hoạch năm 2021 là 60%, cao hơn so với tỷ trọng doanh thu dịch vụ năng lượng năm 2020 là 36%. Trong khi đó, tỷ suất lợi nhuận gộp của mảng dịch vụ năng lượng khoảng 30%, cao hơn nhiều so với mảng thương mại, vì vậy lợi nhuận Công ty tăng nhiều so với năm 2020.

Bảng 23: Một số hợp đồng dự kiến thực hiện trong năm 2021 (ĐVT: nghìn đồng)

ST T	TÊN KHÁCH HÀNG	SỐ HỢP ĐỒNG	SẢN PHẨM	Doanh thu KH 2021
1	Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Linh Hương	2509/HĐKT/ĐD-LH	Cung cấp nhiệt	14.963
2	Công ty Cổ phần Tôn Đông Á	1608/2012/HĐCCHBH/ĐD-ĐA	Cung cấp hơi	5.506
3	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Phát	0201/2020/HĐMB/ĐD + PL05	Bã hèm sấy khô	36.920
		1712/2018/HĐKT/ĐD-ĐP+PL02		
4	Công Ty TNHH Nước Giải Khát Suntory Pepsi Việt Nam	LDMS .11 1 .2017 .OzB1	Cung cấp hơi	16.819
5	Công ty TNHH Nhà Máy Bia Việt Nam	0446/14/VBL	Cung cấp hơi	24.200
		0314/18/HVB		113.453
6	Công ty TNHH Giấy Yuen Foong Yu (Việt Nam)	12/2012/HĐCCHBH/ĐD-YFY	Cung cấp hơi	10.588

7	CN Tổng Công ty NN Sài Gòn TNHH MTV – Công ty Chăn nuôi & CBTP Sài Gòn	0106/2015/HĐCCH/ĐD- SAGRIFOOD	Cung cấp hơi	1.573
8	Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa	1709/HĐKT/PH-ĐD	Cung cấp nhiệt	5.569
9	Công ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại Nhật Nam	05/HĐCN-2014	Cung cấp nhiệt	4.194
10	Công ty TNHH Xây dựng và Sản xuất Thiết bị Thống Nhất	1509/2018/HĐNT/ĐD-TN	Bã hèm sấy khô	20.000
		3001/2020/HĐKT/ĐD-TN	Gỗ băm tươi	21.000
		0901/2020/HĐKT/ĐD-TN	Mùn Cưa	50.000
		0801/2020/HĐKT/ĐD-TN	Than đá Indonesia	50.000
11	Công ty TNHH MTV Thương mại Vận tải Gia Phú	1802/2021/HĐKT/DDG-GP	Mùn Cưa	20.000
12	Công ty Cổ phần Giấy Đồng Tiền - Long An	Đã có biên bản thỏa thuận	Cung cấp hơi	20.752
14	Công ty TNHH Nhà máy Bia Heineken Việt Nam	Đã có biên bản thỏa thuận	CO2 hóa lỏng	20.700
15	Công ty Cổ phần Greenfeed Việt Nam	Đã có biên bản thỏa thuận	Bã hèm sấy khô	94.084
Tổng cộng				530.320

(Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương)

4.3 Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.

Là đơn vị tư vấn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương để chào bán cổ phiếu ra công chúng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng đã thu thập thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chúng tôi nhận thấy rằng kế hoạch kinh doanh của Công ty đặt ra trên cơ sở thận trọng dựa vào đánh giá tình hình kinh doanh và kinh nghiệm của bộ máy điều hành. Công ty đã tích cực trong việc đẩy mạnh doanh thu, tiết kiệm chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí quản lý. Tuy nhiên để đạt được kế hoạch kinh doanh trên, Công ty vẫn cần sự nỗ lực rất lớn từ trong nội tại Công ty kết hợp với yếu tố thị trường thuận lợi. Nếu không có những biến động bất thường gây ra ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đề ra trong năm 2021 có thể đạt được.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở thông tin do Công ty cung cấp, thu thập có chọn lọc, dựa trên lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không bao hàm ý bảo đảm giá trị chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho nhà đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông”. Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương hoạt động theo mô hình công ty cổ phần bắt đầu từ ngày 14/06/2016 theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 0310103090 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, do vậy toàn bộ cổ phiếu của cổ đông sáng lập tại thời điểm ngày 14/06/2016 đã hết thời hạn bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày 14/06/2019.

2. Thông tin về cổ đông lớn

❖ Cổ đông lớn: Nguyễn Thanh Quang

Họ và tên: Nguyễn Thanh Quang

Năm sinh: 1961

Quốc tịch: Việt Nam

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.815.000 cổ phiếu (chiếm 6,36% vốn điều lệ Công ty)

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lợi ích có liên quan đối với tổ chức phát hành: Không

❖ Cổ đông lớn: Trần Kim Sa

Họ và tên: Trần Kim Sa

Năm sinh: 1970

Quốc tịch: Việt Nam

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.706.300 cổ phiếu (chiếm 5,98% vốn điều lệ Công ty)

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Lợi ích có liên quan đối với tổ chức phát hành: Không

CTCP ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XNK ĐÔNG DƯƠNG
BẢN CÁO BẠCH

Bảng 24: Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn

STT	Tên	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
		Tại ngày trở thành cổ đông lớn 14/06/2016			Tại ngày 10/05/2021			Dự kiến sau phát hành		
1.	Nguyễn Thanh Quang	1.500.000	1.500.000	12,5%	1.815.000	1.815.000	6,36%	3.630.000	3.630.000	6,36%
1.1	Nguyễn Toại	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Đàm Thúy Nga	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.3	Phan Thị Thành Minh	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.4	Nguyễn Phan Hoài Trang	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.3	Nguyễn Thanh Đức Trí	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Nguyễn Phan Minh Trang	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Nguyễn Thanh Minh	-	-	-	-	-	-	-	-	-

CTCP ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XNK ĐÔNG DƯƠNG

BẢN CÁO BẠCH

1.7	Nguyễn Thị Thanh Hương	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.8	Nguyễn Thanh Sơn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Võ Văn Hà	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.10	Nguyễn Thị Hòa Hiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Trần Kim Sa	1.500.000	1.500.000	12,5%	1.706.300	1.706.300	1.706.300	5,98%	3.412.600	3.412.600	3.412.600	5,98%	3.412.600	5,98%			
2.1	Trần Thị Chí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Trần Văn Ba	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Yang Tuấn An	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Yang Kiều An	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.5	Yang Hỷ An	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6	Trần Cửu Long	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7	Trần Kim Cương	500.000	500.000	4,17%	500.000	500.000	500.000	1,75%	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1,75%	1.000.000	1,75%			
2.8	Trần Thị Hạnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.9	Trần Thị Hồng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.10	Sophaul Hun	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.11	Đình Hoàng Anh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.12	Nguyễn Thị Kim Thoa	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.13	Trần Ngọc Phụng	1.120.000	1.120.000	9,33%	1.120.000	1.120.000	1.120.000	3,93%	2.240.000	2.240.000	2.240.000	3,93%	2.240.000	3,93%			

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

3.1 Hội đồng quản trị

Cơ cấu HĐQT ở thời điểm hiện tại như sau:

Họ và tên	Chức danh
Ông Nguyễn Thanh Quang	Chủ tịch HĐQT
Bà Trần Kim Sa	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Trần Kim Cương	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Lê Quang Chính	Thành viên HĐQT

❖ ÔNG: NGUYỄN THANH QUANG – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên : NGUYỄN THANH QUANG
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 18/08/1961
- Nơi sinh : Quảng Ngãi
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 22/9 Yên Thế, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
- Số CMND: 025719411 Ngày cấp: 27/05/2013 Nơi cấp: Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ kỹ thuật nhiệt
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giảng viên – ĐH Bách Khoa TP. Hồ Chí Minh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1985 – 1996	Đại học Bách Khoa Đà Nẵng	Giảng viên
Từ năm 1996 – 2000	Đại học kỹ thuật Tổng hợp Dresden, Cộng hòa liên bang Đức	Nghiên cứu sinh
Từ năm 2001 – 2009	Đại học Bách Khoa Đà Nẵng	Giảng viên
Từ năm 2002 – 2009	Công ty TNHH Trường Quang II – Đà Nẵng	Giám đốc
Từ năm 2009 – 2010	CTCP kỹ thuật nhiệt năng	Giám đốc
Từ năm 2009 – 2011	Đại học Sư phạm kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh	Giảng viên thỉnh giảng
Từ năm 2011 – nay	Đại học Bách Khoa Tp. Hồ Chí Minh	Giảng viên hợp đồng

Từ năm 2012 – 05/2016	Công ty TNHH Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc kỹ thuật
Từ tháng 06/2016 – 11/2017	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc kỹ thuật
Từ tháng 12/2017 – nay	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Chủ tịch HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân trong tổ chức phát hành:
 - Sở hữu cá nhân: 1.815.000 cổ phần, chiếm 6,36% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với tổ chức phát hành: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: theo quy định của công ty
- Lợi ích liên quan đối với công ty : không

❖ **BÀ: TRẦN KIM SA – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên : TRẦN KIM SA
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 01/04/1970
- Nơi sinh : Tp. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 592 Nguyễn Duy, phường 10, quận. 8, Tp. Hồ Chí Minh.
- Số CMND: 022557947 Ngày cấp: 01/06/2012 Tại: Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2003 – 2000	Công ty TNHH Đại Dương	Giám đốc
Từ năm 2001 – 2008	CTCP Hoa Nguyên	Giám đốc
Từ năm 2009 – 2010	Công ty TNHH Hưng Điền	Thành viên HĐQT
Từ tháng 06/2010 – 05/2016	Công ty TNHH Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
Từ 06/2016 – 11/2017	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Từ 12/2017 – nay	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 1.706.300 cổ phần, chiếm 5,98% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Sở hữu của người có liên quan:
 - Họ tên người có liên quan: Trần Kim Cương
 - Mối quan hệ: Em trai
 - Số cổ phần sở hữu: 500.000 cổ phần, chiếm 1,75% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với công ty: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được công ty: theo quy định của công ty
- Lợi ích liên quan đối với công ty: không

❖ **ÔNG: TRẦN KIM CƯƠNG - Thành viên HĐQT**

- Họ và tên : TRẦN KIM CƯƠNG
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 21/08/1976
- Nơi sinh : Tp. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 592 Nguyễn Duy, phường 10, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh
- Số CMND: 023021618 Ngày cấp: 03/10/2011 Tại: Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : không
- Quá trình công tác :

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2000 – 2009	CTCP Hoa Nguyên	Trưởng phòng
Từ năm 2010 – 2012	Công ty Việt Nguyên	Giám đốc
Từ năm 2012 – 05/2016	Công ty TNHH Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Phó giám đốc
Từ tháng 06/2016 – nay	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 500.000 cổ phần, chiếm 1,75% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Sở hữu của người có liên quan:
 1. Họ tên người có liên quan: Trần Kim Sa

Mối quan hệ: Chị gái

Số cổ phần sở hữu: 1.706.300 cổ phần, chiếm 5,98% vốn điều lệ

2. Họ tên người có liên quan: Trần Ngọc Phụng

Mối quan hệ: Vợ

Số cổ phần sở hữu: 1.120.000 cổ phần, chiếm 3,93% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với công ty: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được công ty: theo quy định của công ty
- Lợi ích liên quan đối với công ty: không

❖ **ÔNG: NGUYỄN MINH TUẤN – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên : NGUYỄN MINH TUẤN
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 03/10/1974
- Nơi sinh : Nghệ An
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 2/61B Đất Thánh, Quận Tân Bình, TP. HCM
- Số CMND: 025502838 Ngày cấp: 21/06/2011 Tại: Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn : Chuyên gia tài chính, CFA, ACCA
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc thị trường vốn – CTCP Tập đoàn Đất xanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2012-2015	Công ty cổ phần Dược phẩm OPV	Giám đốc tài chính
Từ năm 2015-2017	Công ty cổ phần Viet Jet	Phó Giám đốc tài chính
Từ năm 2019 – nay	Công ty cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	Giám đốc thị trường vốn
Từ tháng 04/2020 – nay	CTCP Đầu tư Công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Thành viên Hội đồng quản trị

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 27.104 cổ phần, chiếm 0,09% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với công ty: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: theo quy định của công ty
- Lợi ích liên quan đối với công ty: không

❖ **ÔNG: LÊ QUANG CHINH – Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: LÊ QUANG CHINH

- Giới tính: Nam
 - Ngày sinh: 26/08/1998
 - Nơi sinh: Quảng Ngãi
 - Số CMND/ Thẻ CCCD: 212583207 Ngày cấp: 03/02/2016
 - Nơi cấp: Công An Quảng Ngãi
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P. Nguyễn Nghiêm, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
 - Nơi ở hiện tại: Chung cư Hòa Bình, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Trình độ chuyên môn: Đại học
 - Chức vụ đang nắm giữ tại CTCP Đầu tư công nghiệp XNK Đông Dương: Thành viên HĐQT
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Công ty TNHH Quảng cáo Faceseo
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ 2019 đến nay	Công ty TNHH Quảng cáo Faceseo	Marketing Leader
Từ T4/2021 đến nay	CTCP Đầu tư Công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Thành viên Hội đồng quản trị

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với công ty: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: theo quy định của công ty
- Lợi ích liên quan đối với công ty: không

3.2 Ban Kiểm soát

Cơ cấu Ban Kiểm soát thời điểm hiện tại bao gồm:

Họ và tên	Chức danh
Bà Ngô Hoàng Yến	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Hiền	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Đinh Hoàng Ngọc Vân	Thành viên Ban Kiểm soát

❖ **BÀ NGÔ HOÀNG YẾN – Trưởng BKS**

- Họ và tên : NGÔ HOÀNG YẾN
- Giới tính : Nữ

- Ngày tháng năm sinh : 16/06/1976
- Nơi sinh : Đắk Lắk
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 206/7B, Lê Văn Thọ, phường 11, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
- Số CMND: 025679039 Ngày cấp: 15/10/2012 Tại: Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng BKS
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2003 – 2004	Công ty TNHH thiết bị điện C.T.D	Kế toán
Từ năm 2004 – 2011	Công ty TNHH Vũ Hoàng Hải	Giám đốc tài chính
Từ năm 2012 – 05/2016	Công ty TNHH Đầu tư Công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Kế toán trưởng
Từ tháng 06/2016 – T4/2021	CTCP Đầu tư Công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Kế toán trưởng
Từ tháng 04/2021 đến nay	CTCP Đầu tư Công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Trưởng Ban Kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 40 cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với công ty: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được công ty: theo quy định của công ty
- Lợi ích liên quan đối với công ty : không có

❖ **ÔNG NGUYỄN VĂN HIỀN – Thành viên BKS**

- Họ và tên: **NGUYỄN VĂN HIỀN**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/08/1993
- Nơi sinh: Ninh Thuận
- Số CMND/ CCCD: 264428125 ; Ngày cấp: 29/07/2010; Nơi cấp: Ninh Thuận
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 25A Ngô Thị Nhậm, phường Bảo An, thành phố Phan Rang
- Tháp Chàm, Ninh Thuận

- Chỗ ở hiện tại: 66i/25 Gò Cát, phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Ngân hàng
- Chức vụ đang nắm giữ tại Cty CP Đầu tư Công Nghiệp XNK Đông Dương: Thành viên BKS
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ 3/2021 - 4/2021	Công ty TNHH Sunicorn Investment Consultancy	Phó Giám đốc Đầu tư
Từ 4/2019 - 3/2021	CTCP Hàng không Jetstar Pacific/ Pacific Airlines	Chuyên viên Kế hoạch & Phân tích tài chính
Từ 6/2015 - 3/2019	CTCP Chứng khoán SSI	Chuyên viên Môi giới chứng khoán khách hàng cá nhân
Từ tháng 04/2021 đến nay	CTCP Đầu tư Công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Thành viên Kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0
 - Sở hữu đại diện: 0
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với công ty: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được công ty: theo quy định của công ty
- Lợi ích liên quan đối với công ty : không có

❖ **BÀ ĐÌNH HOÀNG NGỌC VÂN – Thành viên BKS**

- Họ và tên: **ĐÌNH HOÀNG NGỌC VÂN**
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 28/11/1998
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- Số CMND/CCCD: 025808026; Ngày cấp: 22/04/2015; Nơi cấp: TP. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 18/5 Hoàng Hoa Thám, phường 12, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Chỗ ở hiện tại: 157/19 Trường Chinh, phường 12, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Đại học Kinh Tế Hồ Chí Minh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Cty CP Đầu tư Công Nghiệp XNK Đông Dương: Thành viên BKS
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ 3/2021 - 4/2021	Công ty TNHH Sunicorn Investment Consultancy	Phó Giám đốc Đầu tư
Từ 10/2018-12/2020	CTCP Chứng khoán VNDIRECT	Môi giới chứng khoán khách hàng cá nhân
Từ tháng 04/2021 đến nay	CTCP Đầu tư Công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Thành viên Kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0
 - Sở hữu đại diện: 0
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với công ty: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: theo quy định của công ty
- Lợi ích liên quan đối với công ty : không có

3.3 Ban Tổng Giám đốc

Cocấu Ban Tổng giám đốc có thời điểm hiện tại bao gồm:

Họ và tên	Chức danh
Bà Trần Kim Sa	Tổng Giám đốc
Ông Trần Kim Cương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Quốc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Anh Thịnh	Kế toán trưởng

❖ **BÀ TRẦN KIM SA – Tổng Giám đốc**

Đã trình bày ở mục HDQT

❖ **ÔNG TRẦN KIM CƯƠNG – Phó Tổng Giám đốc**

Đã trình bày ở mục HDQT

❖ **ÔNG NGUYỄN TRUNG QUỐC – Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên : NGUYỄN TRUNG QUỐC

- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 22/07/1974

- Nơi sinh : Đồng Nai

- Quốc tịch : Việt Nam

- Số CMND: 0750740001833 Ngày cấp: 19/9/2017 Nơi cấp: Cục Cảnh sát

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 65/3D KP6, P Tân Thới Nhất, Quận 12, HCM

- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí
- Chức vụ đang nắm giữ tại Cty CP Đầu tư Công Nghiệp XNK Đông Dương: Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1997 – 2000	Công ty Tapo Lũng Lô – thủy điện Hàm Thuận Đa-Mi	Giám sát kỹ thuật
Từ năm 2000 – 2004	Công ty TNHH Thang máy Sinh Tài	Phó giám đốc
Từ năm 2004 – 2010	Công ty TNHH Kỹ thuật môi trường PST	Trợ lý giám đốc
Từ năm 2010 – 2011	Công ty TNHH Hơi và Điện Tín Thành	Trưởng phòng kế hoạch
Từ năm 2011 – tháng 06/2016	Công ty TNHH Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Phó giám đốc
Từ tháng 06/2016 – 03/2020	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Từ tháng 04/2020 – nay	CTCP Đầu tư công nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Phó Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 45.375 cổ phần, chiếm 0,15% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với công ty: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: theo quy định của công ty
- Lợi ích liên quan đối với công ty: không

❖ **ÔNG VÕ ANH THỊNH – Kế toán trưởng**

- Họ và tên : VÕ ANH THỊNH
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 05/08/1981
- Nơi sinh : TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện tại: Số 872/91 Quang Trung, phường 8, quận Gò Vấp, TPHCM
- Số CMND: 051081000181 Ngày cấp: 29/06/2017 Tại: Cục cảnh sát
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp; Thạc sĩ kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Cty CP Đầu tư Công Nghiệp XNK Đông Dương: Kế toán trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 09/2003 đến tháng 05/2011	Công ty CP Viễn thông VTC	Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch kiêm nhiệm Phó phòng Kế toán
Từ tháng 07/2011 đến tháng 06/2012	Công ty CP Dịch vụ Hàng Ngày	Kế toán trưởng
Từ tháng 01/2013 đến tháng 07/2015	Công ty CP Dược phẩm OPV	Trưởng phòng kiểm soát nội bộ
Từ tháng 07/2015 đến tháng 05/2018	CTCP TNHH F.C	Kế toán trưởng
Từ tháng 06/2018 đến tháng 03/2019	Công ty CP tư vấn và đầu tư vốn BVT	Trưởng phòng phân tích đầu tư
Từ tháng 05/2019 đến tháng 08/2019	Công ty CP Đầu tư Công Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Trưởng phòng tài chính
Từ tháng 08/2019 đến nay	Công ty CP Đầu tư Công Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Đông Dương	Kế toán trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 96 cổ phần, chiếm 0,0003% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với công ty: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: theo quy định của công ty
- Lợi ích liên quan đối với công ty: không

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 28.519.943 cổ phiếu tương đương 100% tổng số cổ phần đã phát hành
4. Tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá: 285.199.430.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi lăm tỷ, một trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng)
5. Giá chào bán dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu
6. Phương pháp tính giá:

Dựa trên BCTC năm 2020 đã được kiểm toán, giá trị sổ sách của một cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương được tính như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Giá trị sổ sách cổ phiếu DDG của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương tại thời điểm 31/12/2020 theo BCTC Công ty như sau:

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020
Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2020 (A)	368.705.858.123
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2020 (B)	28.519.943
Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (A)/(B)	12.928

(Nguồn: Tính toán dựa trên số liệu BCTC kiểm toán năm 2020 của DDG)

Để đảm bảo việc phát hành thành công và tăng yếu tố tích cực của đợt chào bán, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty đã thông qua giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phần.

7. Phương thức phân phối

Chào bán cho cổ đông hiện hữu tương ứng với tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ như sau:

Tỷ lệ thực hiện quyền:	1:1 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được quyền mua thêm 01 cổ phiếu mới)
Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua (nếu có):	<p>Phương án phát hành không phát sinh cổ phiếu lẻ</p> <p>Trong trường hợp đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng, Hội đồng quản trị sẽ tiến hành phân phối số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký, không nộp tiền mua cho một hoặc một số nhà đầu tư xác định với điều kiện phải bảo đảm điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều</p>

	<p>kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu. Số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.</p> <p>Việc phân phối số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký, không nộp tiền mua phải được thực hiện theo quy định tại Điều 42, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.</p>
--	---

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Sau khi nhận giấy phép chào bán cổ phiếu của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Hội đồng quản trị Công ty sẽ tiến hành họp thông qua việc chốt danh sách cổ đông thực hiện phân bổ quyền mua cổ phiếu phát hành thêm. Các bước cụ thể như sau:

- Nhận giấy phép chào bán cổ phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp
- Công bố thông tin về được UBCKNN cấp giấy phép chào bán: Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được Giấy phép chào bán.
- Xác định ngày đăng ký cuối cùng và danh sách người sở hữu chứng khoán được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm: Công ty sẽ tiến hành chốt danh sách cổ đông để xác định danh sách sở hữu tại ngày đăng ký cuối cùng để xác định cổ đông được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.
- Phân bổ và thông báo quyền mua: Trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam sẽ gửi danh sách người sở hữu được phân bổ quyền mua cho Công ty. Sau khi Công ty xác nhận danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thì trong vòng 02 ngày làm việc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam thông báo cho thành viên lưu ký nơi cổ đông trực tiếp mở tài khoản để thông báo cho nhà đầu tư. Trường hợp cổ đông chưa lưu ký Công ty sẽ thông báo trực tiếp cho cổ đông về quyền mua cổ phiếu.
- Chuyển quyền mua cổ phiếu: Quyền mua cổ phiếu được thực hiện chuyển nhượng trong một thời gian nhất định kể từ ngày thông báo danh sách cổ đông được phân bổ quyền. Các cổ đông đã lưu ký làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua trực tiếp tại thành viên lưu ký. Đối với cổ đông chưa lưu ký sẽ thực hiện tại Công ty.
- Đăng ký thực hiện quyền và nộp tiền mua cổ phiếu: Trên cơ sở danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu do Trung tâm lưu ký cung cấp, các thành viên lưu ký sẽ hướng dẫn cho cổ đông đã lưu ký sẽ đăng ký và nộp tiền mua cổ phần. Đối với cổ đông chưa lưu ký, các cổ đông sẽ đăng ký và nộp tiền trực tiếp vào tài khoản phong tỏa của Công ty.
- Tổng hợp thực hiện quyền: Trong vòng 02 ngày làm việc sau ngày hết hạn đăng ký thực hiện quyền, thành viên lưu ký lập và gửi VSD báo cáo thực hiện quyền. Trên cơ sở danh sách cổ đông thực hiện quyền của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và danh sách cổ đông chưa lưu ký do Công ty tổng hợp, Công ty sẽ tiến hành chào bán cổ phiếu chưa phân phối hết cho nhà đầu tư khác.

- Chào bán cổ phiếu chưa phân phối hết cho nhà đầu tư khác: Số lượng cổ phiếu cổ đông hiện hữu không mua hết sẽ được HĐQT phân phối cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá bán không thấp hơn giá đã chào bán cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phiếu). Số lượng cổ phiếu do HĐQT phân phối lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
- Báo cáo kết quả phát hành: Trong vòng 10 ngày làm việc sau khi kết thúc việc phát hành, Công ty sẽ lập báo cáo phát hành gửi Ủy ban chứng khoán nhà nước.
- Chuyển giao cổ phiếu và thực hiện lưu ký, đăng ký giao dịch cổ phiếu: Đối với cổ đông chưa lưu ký chứng khoán, dự kiến 10 ngày làm việc sau khi kết thúc việc phát hành, Công ty sẽ trao chứng nhận sở hữu cổ phiếu cho cổ đông chưa lưu ký.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến thực hiện tối đa trong vòng 90 ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá 30 ngày.

Thời gian tiến hành dự kiến: Thời gian thực hiện dự kiến trong Quý III/2021 sau khi có Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Thời gian phát hành cổ phiếu cụ thể sẽ được Hội đồng quản trị quyết định thông qua.

Các mốc thời gian dự kiến của đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu	D
2	Thông báo chốt danh sách cổ đông gửi VSD và HNX	D+2
3	Công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định	D+2 đến D+7
4	Ngày đăng ký cuối cùng	D+12
5	VSD phân bổ và thông báo danh sách phân bổ quyền mua đến các thành viên lưu ký và các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán	D+16 đến D+22
6	Cổ đông chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phần	D+23 đến D+43
7	VSD tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu, gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa	D+50

8	DDG xử lý cổ phiếu không phân phối hết	D+51 đến D+61
9	Gửi báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN	D+62
10	DDG thực hiện đăng ký lưu ký chứng khoán bổ sung, niêm yết cổ phiếu bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thành công	D+64
11	Trao trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho cổ đông chừa lư ký	D+64

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

Cổ phiếu phát hành trong đợt phát hành thêm là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

Cổ phiếu không phân phối hết được Hội đồng quản trị phân phối lại cho các nhà đầu tư sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần:

- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương
- Số tài khoản phong tỏa: 1016123530
- Tại ngân hàng: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Phú Nhuận

12. Hủy bỏ đợt chào bán

Đợt chào bán bị hủy bỏ trong trường hợp số lượng cổ phiếu được bán cho các nhà đầu tư không đạt tối thiểu 70% tương ứng với số cổ phần phân phối không đạt trên 19.963.960 cổ phần. Trong trường hợp hủy bỏ đợt chào bán: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày đợt chào bán chứng khoán ra công chúng bị hủy bỏ, Công ty công bố việc hủy bỏ chào bán chứng khoán ra công chúng theo phương thức quy định tại khoản 3 Điều 25 của Luật Chứng khoán 2019 và thu hồi chứng khoán đã phát hành, đồng thời hoàn trả tiền cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ.

Hết thời hạn này, Công ty cam kết bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư theo các điều khoản đã cam kết với nhà đầu tư.

13. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Hiện nay tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50%. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát việc chuyển nhượng quyền mua giữa các cổ đông, đồng thời cung cấp thông tin về tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty đến các cổ đông. Công ty xin cam kết về việc chấp hành đúng tỷ lệ sở hữu đối với nhà đầu tư nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật.

14. Các loại thuế có liên quan

14.1 Đối với Công ty

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật

số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN, thì mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 22% được áp dụng kể từ ngày 01/01/2014 và sẽ được áp dụng mức thuế 20% kể từ ngày 01/01/2016.

Thuế giá trị gia tăng (VAT): Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

14.2 Đối với nhà đầu tư

❖ Đối với nhà đầu tư cá nhân

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán: Đối với nhà đầu tư cá nhân: thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần theo Điều 16 Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015.
- Thu nhập từ cổ tức: Theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập từ cổ tức của cá nhân thuộc diện thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.

❖ Đối với nhà đầu tư tổ chức

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán: Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.
- Riêng đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.
- Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

15. Thông tin về các cam kết

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương cam kết về việc thực hiện niêm yết bổ sung đối với số lượng cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

- Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương cam kết về việc đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 15 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Về việc bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán, Công ty cam kết thực hiện đúng theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và sẽ báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- Trong trường hợp tỷ lệ sở hữu của đối tượng được HĐQT phân phối lại cổ phiếu từ chối mua dẫn đến việc sở hữu tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết vượt quá tỷ lệ phải chào mua công

khai, Công ty cam kết thực hiện đúng theo quy định tại Khoản 3 Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và các quy định của Luật chứng khoán 2019 đồng thời sẽ báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt: *Không có*



VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/DDG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/2021/DDG/NQ-HĐQT ngày 12/07/2021, toàn bộ số vốn thu được từ đợt phát hành, được Công ty sử dụng cho một hoặc một số mục đích như sau:

- Bổ sung vốn đầu tư mở rộng nhà máy tại Heineken Vũng tàu: thêm hệ thống cấp hơi 2 + hệ thống sấy hèm 3 & 4 và công trình xây dựng cơ bản;
- Mua lại phần vốn góp tại Công ty Cổ phần CL;
- Đầu tư mở rộng lắp thêm 1 dây chuyền sấy hèm KCN Trà Nóc – Cần Thơ;
- Đầu tư hệ thống sản xuất CO2 hóa lỏng tại nhà máy cấp hơi cho Heineken Vũng Tàu;
- Bổ sung vốn lưu động.



IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng số cổ phần phát hành:	28.519.943 cổ phần
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Giá bán dự kiến:	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số tiền dự kiến thu được	285.199.430.000 đồng (Hai trăm tám mươi lăm tỷ, một trăm chín mươi chín triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng)
Tỷ lệ chào bán thành công	Tối thiểu 70%. Hội đồng quản trị sẽ xem xét sử dụng linh hoạt các nguồn vốn khác để bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán (*).

(*). Việc bù đắp phần vốn thiếu hụt dự kiến huy động được từ đợt chào bán (tối đa là 85.559.829.000 đồng chiếm 30% tổng số lượng cổ phiếu chào bán) sẽ được thực hiện theo các phương án sau:

STT	Phương án bù đắp vốn thiếu hụt	Số tiền dự kiến huy động (VNĐ)
1	Thông qua vay vốn ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng	40.000.000.000
2	Phát hành trái phiếu doanh nghiệp	30.000.000.000
3	Các giải pháp khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty	15.559.829.000
Tổng cộng		85.559.829.000

Tùy vào tình hình thực tế số tiền huy động từ các phương án sẽ được điều chỉnh một cách hợp lý, đảm bảo lợi ích của cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất về việc bù đắp phần vốn thiếu hụt huy động từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu.

Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/DDG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/2021/DDG/NQ-HĐQT ngày 12/07/2021. Cụ thể toàn bộ số vốn thu được từ đợt phát hành, được Công ty sử dụng cho các mục đích như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Bổ sung vốn đầu tư mở rộng nhà máy tại Heineken Vũng tàu: thêm hệ thống cấp hơi 2 + hệ thống sấy hèm 3 & 4 và công trình xây dựng cơ bản.	110.000.000.000

2	Mua lại phần vốn góp tại Công ty Cổ phần CL	63.700.000.000
3	Đầu tư mở rộng lắp thêm 1 dây chuyền sấy hèm KCN Trà Nóc – Cần Thơ	25.000.000.000
4	Đầu tư hệ thống sản xuất CO2 hóa lỏng tại nhà máy cấp hơi cho Heineken Vũng Tàu	80.000.000.000
5	Bổ sung vốn lưu động	6.499.430.000
	Tổng cộng	285.199.430.000

❖ Đối với nguồn vốn được sử dụng để mua tài sản để mở rộng sản xuất kinh doanh và đầu tư các công trình xây dựng của Công ty, chi tiết phương án dự kiến như sau:

Bảng 25: Thông tin về tài sản và công trình đầu tư (ĐVT: đồng)

Stt	Tên tài sản	Thông tin về tài sản	Đối tác dự kiến mua/thi công lắp đặt	Chi phí mua dự kiến
I	Tại nhà máy Heineken Vũng Tàu			190.000.000.000
1	Hệ thống cấp hơi và các công trình xây dựng	Lò hơi nhiệt cao áp 45t/h - Bộ quá nhiệt bằng thép hợp kim 12Cr1MoV – giảm ôn - Bộ tiết kiệm thu hồi nhiệt, ống trao đổi nhiệt bằng thép đúc Ø27, 20G ASTM515 GR60 - Hệ Khử Bụi Thô, khử bụi túi vải - Hệ Thống cấp liệu bằng băng tải B800xL18000 - Thân chính lò, - Ghi lò - Hệ Quạt, hệ ống dẫn khói – gió - Hệ bơm nước - Các hệ thống điều khiển khác	- Công ty TNHH TM XD và Cơ Khí Đại Nam - Công ty TNHH XD và Chế Tạo Cơ Khí Phúc Đạt	85.000.000.000
2	02 hệ thống sấy hèm	Hệ sấy hèm khô 8t/h	Công ty TNHH TM SX và XD Hồng Phát	25.000.000.000
3	Hệ thống hóa lỏng	Hệ thống thu hồi và	- Công ty TNHH TM SX	80.000.000.000

Stt	Tên tài sản	Thông tin về tài sản	Đối tác dự kiến mua/thi công lắp đặt	Chi phí mua dự kiến
	CO2	sản xuất khí CO ₂ hóa lỏng. - Hệ thống dẫn khói - Hệ thống dẫn hơi - Hệ máy nén CO ₂ -hệ lọc khí -Hệ thống lạnh – hóa lỏng CO ₂ - Hệ thống trữ làm giàu CO ₂ - Các hệ thống máy móc thiết bị khác	và XD Hồng Phát - Công ty TNHH XD và Chế Tạo Cơ Khí Phúc Đạt	
II	Tại KCN Trà Nóc – Cần Thơ			25.000.000.000
1	Hệ thống sấy hèm	- Hệ máy ép sấy hèm công suất 8t/h	Công Ty TNHH TM SX và XD Hồng Phát Công Ty TNHH Đầu Tư Lương Hiệp	25.000.000.000

❖ Đối với nguồn vốn được sử dụng để mua máy móc thiết bị, Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng kinh tế với các đối tác để thực hiện mua sắm máy móc thiết bị. Chi tiết về tiến độ thực hiện các hợp đồng như sau:

Bảng 26: Tiến độ thực hiện hợp đồng mua máy móc thiết bị (ĐVT: đồng)

STT	Hợp đồng	Giá trị hợp đồng (VNĐ)	Số tiền đã thanh toán theo hợp đồng (VNĐ)	Số tiền còn phải thanh toán theo hợp đồng (VNĐ)	Tiến độ thanh toán
A. Tại nhà máy Heineken Vũng Tàu – Hệ thống cấp hơi và công trình xây dựng cơ bản					
1	Hợp đồng kinh tế số 2503/HĐKT/ĐD-ĐN ngày 25/03/2021 giữa DDG và Công ty TNHH	91.102.000.000	36.440.800.000	54.661.200.000	Quý III/2021

	<i>Thương mại Xây dựng và Cơ khí Đại Nam (hệ thống cung cấp hơi và xây dựng cơ bản)</i>				
2	<i>Hợp đồng kinh tế số 2303/HĐKT/ĐD-ĐN ngày 23/03/2021 giữa DDG và Công ty TNHH Xây dựng và Chế tạo Cơ khí Phúc Đạt (hệ thống cung cấp hơi và xây dựng cơ bản)</i>	59.015.000.000	23.606.000.000	35.409.000.000	Quý III/2021
B. Tại nhà máy Heineken Vũng Tàu – Hệ thống sấy hèm số 3 và 4		51.515.475.000	20.103.600.000	31.411.875.000	
3	<i>Hợp đồng kinh tế số 2207/HĐKT/ĐD-HP ngày 22/07/2020 giữa DDG và Công ty TNHH Thương mại Sản xuất và Xây dựng Hồng Phát (Hệ thống sấy hèm số 3)</i>	25.129.500.000	20.103.600.000	5.025.900.000	Quý III/2021
4	<i>Hợp đồng kinh tế số 056/HĐKT/ĐD-HP ngày 05/06/2021 giữa DDG và Công ty TNHH Thương mại Sản xuất và Xây dựng Hồng Phát (Hệ thống sấy hèm số 4)</i>	26.385.975.000	0	26.385.975.000	Quý III-IV/2021
C. Tại nhà máy Heineken Vũng Tàu – Hệ thống hóa lỏng CO2 (*)		117.962.350.000	35.430.005.000	82.532.345.000	

5	Hợp đồng kinh tế số 117/2020/HĐKT/DDG-HP ngày 10/08/2020 giữa DDG và Công ty TNHH Thương mại Sản xuất và Xây dựng Hồng Phát (Hệ thống hóa lỏng CO2)	86.392.350.000	25.917.705.000	60.474.645.000	Quý III-IV/2021
6	Hợp đồng kinh tế số 0308/HĐKT/ĐD-ĐN ngày 03/08/2020 giữa DDG và Công ty TNHH Xây dựng và Chế tạo Cơ khí Phúc Đạt (hệ thống cung cấp hơi và xây dựng cơ bản)	31.570.000.000	9.512.300.000	22.057.700.000	Quý III/2021
D. KCN Trà Nóc – Cần Thơ		26.385.975.000	0	26.385.975.000	
7	Hợp đồng kinh tế số 315/HĐKT/ĐD-HP ngày 31/05/2021 giữa DDG và Công ty TNHH Thương mại Sản xuất và Xây dựng Hồng Phát (Hệ thống sấy hèm)	26.385.975.000	0	26.385.975.000	Quý III-IV/2021
Tổng cộng (A+B+C+D)		345.980.800.000	115.580.405.000	230.400.395.000	

(*) Hệ thống hóa lỏng CO2 đã được Công ty ký kết hợp đồng từ tháng 08/2020, trong đó Hệ thống lạnh-hóa lỏng CO2 là thiết bị cần phải nhập khẩu từ nước ngoài, do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid 19 nên chưa thể nhập khẩu được hệ thống trên, hơn nữa việc lắp đặt hệ thống phải tiến hành đồng bộ để đảm bảo tính hiệu quả. Do đó, tuy hợp đồng được ký kết từ tháng 8/2020 nhưng Công ty mới tiến hành tạm ứng tiền đợt 1 theo như điều khoản quy định tại hợp đồng. Các công ty đối tác đang hoàn thiện các thủ tục để đưa toàn bộ máy móc vào lắp đặt trong tháng 7/2021.

❖ **Đối với nguồn vốn được sử dụng để mua lại Công ty Cổ phần CL, thông tin mua lại Công ty Cổ phần CL như sau:**

- Số cổ phần dự kiến mua: 6.370.000 cổ phần
- Giá trị cổ phần mua theo mệnh giá: 63.700.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi ba tỷ, bảy trăm triệu đồng*)
- Giá mua dự kiến: Không quá 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần sở hữu sau khi mua cổ phần tại Công ty Cổ phần CL là: 6.370.000 cổ phần, tương ứng giá trị theo mệnh giá là 63.700.000.000 đồng (*Sáu mươi ba tỷ, bảy trăm triệu đồng*), chiếm 98% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần CL.
- Thời gian dự kiến mua: Quý III năm 2021.

Thông tin về Công ty Cổ phần CL:

- + Tên Công ty: Công ty Cổ phần CL
- + Giấy chứng nhận ĐKKD: 1801380059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Cần Thơ cấp lần đầu ngày 21/01/2015
- + Trụ sở: Lô 2.9A6, đường số 06, khu công nghiệp Trà Nóc II, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
- + Ngành nghề kinh doanh chính: Tái chế phế liệu (Mã ngành 3830)
Chi tiết: Sản xuất bột cá, dầu cá, mỡ cá, bột cá biển, bột đầu tôm, vỏ tôm, cua từ phế liệu, phế phẩm ngành thủy hải sản; Tái chế các loại phế liệu, phế phẩm, phụ phẩm ngành thủy hải sản; Sản xuất than, củi từ phế liệu, phế thải ngành nông nghiệp, trấu, mùn cưa.
- + Hoạt động chính: Bán buôn mùn cưa, trấu và các nhiên liệu sinh khối
- + Vốn điều lệ: 65.000.000.000 đồng (*Sáu mươi lăm tỷ đồng*)
- + Vốn thực góp: 65.000.000.000 đồng (*Sáu mươi lăm tỷ đồng*)
- + Mọi quan hệ hiện tại: Công ty Cổ phần CL là đơn vị cung cấp mùn cưa, trấu và các nhiên liệu sinh khối chủ yếu cho các hoạt động cung cấp nhiệt, hơi của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương tại Nhà máy Khu công nghiệp Trà Nóc – Cần Thơ và các hoạt động thương mại tại khu vực miền Tây Nam Bộ
Không có mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương với Công ty Cổ phần CL.
- Căn cứ thực hiện: Theo Hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán cổ phần giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương và ông Nguyễn Văn Hợp (cổ đông Công ty Cổ phần CL)

❖ Đối với nguồn vốn được sử dụng để bổ sung vốn lưu động, dự kiến một số khoản mục như sau:

Bảng 27: Dự kiến một số khoản mục bổ sung vốn lưu động (ĐVT: đồng)

STT	Nội dung	Đơn vị cung cấp	Số tiền
1	Bã hèm ướt	Công ty TNHH Nhà Máy Bia Heineken Việt Nam	2.000.000.000
2	Gỗ Băm	Công ty TNHH Công Nghệ Và Môi Trường Nam Khang	2.000.000.000
3	Than đá indo	Công ty TNHH TM SX Và XD Hồng Phát	2.499.430.000
Tổng cộng			6.499.430.000

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

❖ **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn tài chính kế toán & kiểm toán phía Nam

Địa chỉ trụ sở chính: Số 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 02838 205944/47

Fax: 02838205942

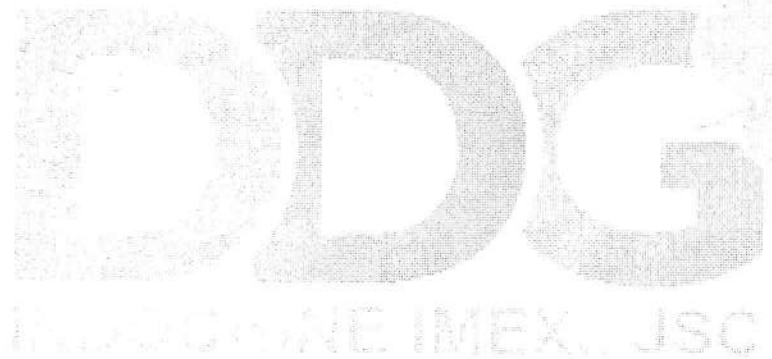
❖ **TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Phú Hưng

Địa chỉ: Tầng 3, CR3-03A, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh






Điện thoại: 028 5413 5479

Fax: 028 5413 5472



XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG), TỔ CHỨC TƯ VẤN.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2021

<p>ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU ĐÔNG DƯƠNG CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>  <p><i>[Signature]</i></p> <p>NGUYỄN THANH QUANG</p>	
<p>TỔNG GIÁM ĐỐC</p>  <p>TRẦN KIM SA</p>	
<p>KẾ TOÁN TRƯỞNG</p>  <p>VÕ ANH THỊNH</p>	<p>TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT</p>  <p>NGÔ HOÀNG YẾN</p>
<p>ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN</p>  <p><i>[Signature]</i></p> <p>CHEN CHIA KEN TỔNG GIÁM ĐỐC</p>	

XII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. **Phụ lục II:** Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị
3. **Phụ lục III:** Điều lệ công ty
4. **Phụ lục IV:** BCTC 02 năm gần nhất được kiểm toán và Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2021
5. **Phụ lục V:** Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất được kiểm toán
6. **Phụ lục VI:** Các tài liệu pháp lý có liên quan đến việc sử dụng vốn
7. **Phụ lục VII:** Các tài liệu khác

CHUYÊN CHIA KEN
CÔNG QUẢN ĐỐC